

PHẦN VĂN XUÔI

Thư gửi Đô Đốc Reveillère

Miền Nam anh dũng.

Miền Nam quyết tử chiến đấu với quân xâm lăng Pháp từ ngay lúc bọn chúng mới đồ lênh Đồng-Nai, Bến-Nghé, mặc dù khí giới chỉ có những thứ thô sơ như trong bài « văn tế nghĩa quân » của cụ Nguyễn-đình-Chiều ở phần trước.

Nay các bạn muốn hiểu thêm tinh thần đồng bào miền Nam trong những ngày đầu tiên sóng gió của dân tộc ra sao, chúng tôi xin giới thiệu bài này, nguyên là bức thư của đồng bào Gò-Công gửi cho tướng giặc là Thủ-sư đô-đốc Reveillère, khi hắn đến thiết lập tinh bộ hành chánh tại địa hạt này năm 1862.

Không rõ nguyên tác bằng chữ Nho hay Nôm, nhưng bản Pháp văn của Georges-Garros còn ghi lại mà bạn Quốc-Anh tái dịch ra đây, thì khi nhận được chính Reveillère cũng phải khâm phục chí khí anh hùng của người Việt-Nam, và phải thú nhận rằng : « Thật không phải là những lời trống rỗng. Chưa có một dân tộc nào dám kháng chiến như vậy. »

Ngày nay, đọc lại bức thư này, chẳng những chúng ta đã hiểu được tinh thần dân tộc cao cả của đồng bào miền Nam khi đó cao độ đến bực nào mà còn thấy chỗ sáng suốt của đồng bào ngay khi ấy đã biết rõ âm mưu sâu độc của thực dân Pháp trên văn đề quân sự là tìm thị trường, cướp đất đai, chứ thực không phải là bảo vệ tôn giáo, là đem văn minh sang đất này.

Mất chính phủ của bản quốc Hoàng-đế, chúng tôi đau đớn như đứa con mất mẹ. Quý quốc ở Tây-Phương, bản quốc ở Đông-hải, chẳng khác gì con ngựa và con trâu vậy.

Chúng ta khác nhau từ ngôn ngữ, từ văn tự đến phong hóa. Tạo hóa sinh ra loài người mỗi giống mỗi khác. Khắp trong vũ trụ loài người như nhau, nhưng không chung một bản tính.

Vì mang ơn quốc vương của tôi, chúng tôi quyết báo thù kẻ nào xúc phạm đến Ngài, và chúng tôi sẽ chết vì Ngài.

Vậy sự xung đột sẽ phải dài; nhưng chúng tôi sẽ làm cho thuận lòng trời và quyết nhiên chúng tôi phải thắng.

Nếu các ông muốn hòa bình, hãy trả đất đai lại cho Quốc-vương chúng tôi. Chúng tôi có phải chiến đấu cũng vì mục đích ấy.

Các ông chiếm xứ sở của chúng tôi để tăng cường nền phong phú của đế quốc các ông và để cao thanh danh của các ông. Các ông có muốn một số tiền chuộc đất đai ấy không? Chúng tôi sẽ trả các ông. Nhưng các ông đừng gây chiến nữa. Các ông hãy đem quân đội về xứ các ông đi! Chúng tôi sẽ mang ơn. Các ông cũng được tiếng vang với hoàn vũ. Các ông muốn thị trường để mở mang thương mại ư? Chúng tôi sẽ nhận nhượng cho các ông. Nhưng trái lại, nếu các ông không khứng chịu, chúng tôi sẽ chiến đấu mãi để thuận lòng trời.

Chúng tôi cũng gồm khả năng của các ông đấy. Nhưng chúng tôi còn sợ trời hơn là sợ sức mạnh của các ông. Chúng tôi thề sẽ chiến đấu vô tận, vô cùng.

Ngày mà chúng tôi không còn gì nữa, chúng tôi sẽ bẻ cành lá làm cờ và võ trang binh sĩ bằng đòn, bằng gậy. Đến ngày ấy, liệu các ông có ở chung trong chúng tôi được không? Chúng tôi yêu cầu các ông hãy chú ý đến lá thư này và hãy chấm dứt tình trạng tai hại cho quyền lợi của các ông và quyền lợi của chúng tôi.

Thư gửi cho lính đồn Thị-Long

Bài này của ông Cao-Điền, đề đốc nghĩa quân ở Thanh-hóa, viết gửi cho lính đồn Thị-Long của Pháp ở Thanh-hóa ngày 24 tháng Hai năm Hâm-Nghi thứ 6 tức 14 tháng 3 dương lịch năm 1890. Ông Cao là người làng Trịnh-son tỉnh Thanh-hóa, trước là xuất đội vũ lâm. Năm 1886, ông cùng cụ nghè Tống-duy-Tân lãnh đạo phong trào Cấn-vương kháng chiến ở Thanh-hóa. Năm 1892 cụ Tống bị bắt, nghĩa quân tan rã, giặc Pháp truy tầm ông rất gắt, nhưng ông cùng một số thủ hạ chạy ra Bắc hoạt động cho mãi đến ngày 16 tháng 1 năm 1896, ông mới bị bắt ở Bắc-giang.

Niên hiệu Hâm-nghi thứ 6 tháng 2 ngày 24.

Tôi là Cao-Điền, đề đốc chỉ huy nghĩa quân rất hân hạnh được gửi mấy lời này với anh em quân đội đồn Thị-long:

Bạn Pháp đánh chiếm nước ta, thản nhiên đều giận. Phụ chánh tả quân đô-thống (1) đã đi cầu viện Trung-Hoa và nước Phổ (2) để đánh vào Bắc-Kỳ, hộ trợ cho chúng ta.

Tôi được lệnh đi tiêu trừ gian phi. Lương, giáo chúng ta cùng con một nước, không nên sát hại lẫn nhau.

Vậy nên tôi viết thư này báo đến anh em biết rằng: lâu nay anh em đã hành động chống lại quốc dân, các

anh em nên trở về gia đình làm ăn yên ổn, hoặc đánh lại giặc, cướp lấy súng nộp lại Nghĩa quân thì không những được tha tội mà còn được lãnh thưởng. Mỗi khẩu súng là một thoi bạc và được Nghĩa quân trọng dãi. Các anh em có thể tự do trở về làm ăn với gia đình. Chúng tôi sẽ cấp giấy chứng nhận để các anh em dùng sau này.

Một khi anh em đã bắt được thư này mà vẫn còn theo địch thì anh em sẽ không tránh khỏi kỷ-luat của chúng tôi.



(1) Tức Tôn-thất-Thuyết.

(2) Nước Đức.

Thư gửi chính phủ Đông-Dương

Vì thấy chánh quyền Pháp ở Đông-Dương gây nên những tình tệ nguy ngập cho xã hội Việt-Nam, nên sau khi ở Nhật về, ngày 15 tháng 8 năm 1906, cụ Phan-chu-Trinh có gửi cho toàn quyền Beau, khâm sứ Trung-ky và đăng các báo Tây, bức thư này thuật rõ tình trạng trong nước cùng hiềm tượng Đông-Dương.

Ảnh hưởng của bức thư vang dội lên như sấm, các thân sĩ đương thời ai nấy đều hả dạ. Viên công sứ Quảng-Nam thì đích thân đến chỗ cụ ở hỏi chuyện. Các ông cố đạo cũng thường lui tới đến hỏi dò ý kiến, và cả chánh phủ bảo hộ cùng Nam triều đều đặc biệt chú ý đến cụ và những lời lẽ ở trong thư.

Bản ý cụ là muốn tỏ bày mối tâm sự, mở đường khai hóa sau này. Nhưng không dè vì đó mà cụ phải đi tới chỗ bị đày ra Côn-đảo từ tháng 4 năm 1908 cho mãi đến cuối năm 1910, nhờ hội Nhân-quyền can thiệp, cụ mới được thả về.

Nội dung bức thư này ra sao ?

Các bạn đọc sẽ thấy cái tệ lậu phát sinh từ chỗ nhà cầm quyền Pháp dung dưỡng cho quan lại thế nào ? — Người Pháp đã khi thị dân Việt-Nam thế nào, cũng như đám quan lại đã hành hạ dân chúng thế nào ?

Và đây, nói một cách tóm tắt, cũng là một bản cáo trạng về chính sách cai trị của nhà cầm quyền Pháp ở Đông-Dương lúc đó.

Phan-chu-Trinh thư trước tác, hậu bối, tỏ bày cái tình trạng nguy cấp ở nước Việt-Nam tôi :

Trộm xét từ khi Pháp sang bảo hộ nước Nam tới nay những việc bắc cầu đắp đê sửa sang đường sá, xe lửa, tàu thủy chạy khắp mọi nơi, cùng là lập ra sở bưu chính để thông báo tin tức đều là có lợi ích cho nước Nam người ta ai cũng thấy cả. Nhưng có nhiều việc không thể nhìn đi mà không nói, là các tệ hại ở trong quan trường, các sự tật khố sờ ở chốn dân gian có quan hệ đến số mệnh nước Nam thì chính phủ đều gác đề một bên, mặc kệ cho hư nát mà không thèm hỏi đến. Trong khoảng vài mươi năm nay các bậc đại thần ăn đầm nằm đìa ở chốn triều đình, chỉ biết chiếu lệ cho xong việc, quan lại ở các tỉnh, chỉ lo vững thân thể mà hà hiếp bóp nặn ở chốn hương thôn, các sĩ phu thì ganh đua nhau vào con đường luôn cùi hót nịnh không biết liêm sĩ là gì, bọn cùng dân bị nặn bóp mãi mà máu mủ một ngày một khô không còn đường sinh kế nữa. Đến bây giờ thì sự thế hư hỏng, nhân dân lia tan, phong tục suy đồi, lê nghĩa bại hoại ; một khu đất hơn 4.000.000 thước vuông, một dân tộc hơn hai mươi triệu người lại sắp sửa ở cái địa vị bán khai mà quay về cái địa vị dã man. Những người có tri thức thấy cái thảm trạng như thế, lo đến nỗi giống tiêu diệt, cũng muốn rung chuông gỗ mõ đánh thức nhau dậy, dè lo phương cứu vớt lấy nhau, nhưng mà kẻ mạnh bạo thì trốn tránh ra nước ngoài, chỉ kêu gào than khóc mà không dám về, kẻ nhút nhát thì chịu vui đầu ở chốn hương thôn dành giả đui giả điếc mà không dám bàn nói đến. Chưa từng có người nào dám đến trước cửa quan Bảo hộ phơi gan nhỏ máu, kè rõ cái thủ đoạn tàn ngược của

quan trường, cùng là cái tình trang thảm khốc của cùng dân, khiến cho cái tội ác của quan lại, và cái khốc cành của quốc dân trong mấy mươi năm nay, lọt vào trong tai các quan Bảo hộ. Đến nỗi nước Nam bây giờ gần thành như một người ốm nặng gần chết, khó có thuốc mà cứu chữa được nữa, đó thật là tội tại sĩ phu nước Nam, đã gây nên tội ấy thì cũng bởi hiều lầm rằng Chính phủ Bảo hộ dùng cái chính sách ngược đãi người Nam làm cái chính sách hay nhất tốt nhất.

Tôi cáo quan đã mấy năm nay, đi khắp trong Nam ngoài Bắc, tình trạng nhân dân khốn khổ, quan lại tham tàn, đều được mắt thấy tai nghe, và dư luận ở dân gian về cái cách chính phủ đối đãi người Nam và người Nam đối đãi chính phủ, cũng đều để tai nghe mà ghi vào dạ cả. Tôi không dám nhút nhát, xin cứ thực bày tỏ ra sau này, các quan Bảo hộ nghe thấy, chắc cũng xót ruột đau lòng, cho làm phải mà không nỡ cự tuyệt.

Hiện nay người Nam trừ những người ở trong quan trường không kể, còn ra thì không luận người khôn người ngu, trăm miệng một lời, đều nói rằng chính phủ ngược đãi người Việt-Nam, rằng chính phủ không lấy tình loài người đãi người Việt-Nam. Thấy quan lại nước Nam không sắn sóc tới việc dân mà lại tàn ngược với dân thì đều nói rằng đó là Chính phủ cố ý dung túng khiến cho cắn nuốt lẫn nhau cho nòi giống mòn mỏi, đó tức là cái kẽ thực dân của chính phủ. Trong mấy năm nay, suốt cả trong Nam ngoài Bắc, khắp thành thị cho đến hương thôn, ý tưởng của nhân dân đều như thế cả. Lại xét biết tri minh không đủ sống được, sức minh không chống lại được, thì lại

nghèn cổ giương mắt trông mong các nước mạnh ở đâu đầu họa may họ đến cứu minh chăng. Chao ôi! Một dân tộc đến 20 triệu người, kẻ có học thức cũng đến vài vạn, mà tối tăm mù mịt, mềm yếu ươn hèn, không đủ sức bênh vực được nhau, để liệu cách sinh tồn, lại ù ù,cac cac, không biết rằng mình ở vào các thế giới cường quyền thịnh hành «hơn được kém thua» này, mà còn có cái mơ tưởng hão huyền như thế, dân trí thức cũng đáng thương vậy. Nhưng đã bao nhiêu năm nay người Nam ở dưới bóng cờ nước Bảo hộ mà đến bây giờ nòi giống ngày một yếu hèn, không còn kẽ gì cứu vớt lấy nhau, đến đỗi nóng nảy diên khùng, theo cái kẽ sách đê mạt, chỉ trông mong vào nước khác, thế thì vì ai mà nèn nỗi thế?

Cái nguyên nhân sinh ra cái tệ ấy có ba điều :

Một là tại Chính phủ Bảo hộ dung túng quan lại Việt-Nam thành ra cái tệ «cô túc». Xưa nay Chính phủ Bảo hộ đối với nước ở dưới quyền thống trị của mình, thường thường chỉ đặt một vài vị quan to cùng với Chính phủ bản xứ cầm cái đại cương về việc chính trị, còn các quan lại ở các địa phương thì tuy có đặt quan Bảo hộ, nhưng cũng phải dùng người bản xứ để coi việc và trị dân. Việc làm giỏi hay không, dân yêu hay không, thì cốt nhở về cái tài năng của người bản xứ thế nào. Nước Nam độ 40 năm nay, vẫn nước một ngày một suy, suốt từ trên đến dưới, chỉ biết chuyện lười biếng vui chơi. Pháp luật chế độ không còn có cái gì ra trò, nhân tài cũng tiêu diệt đi mất cả. Người ở trên thì làm lâu được thăng trật, chẳng qua như sống lâu lên lão làng, người dưới thì đem của mua quan, thât là tiền bạc phá lèle luật. Người này làm, người kia bắt chước, lâu rồi thành ra thói quen. Những người đỗ đạt muôn cầu

bồ bát thì hót nịnh luồn cùi ở các nhà quyền quý; những người ở nhà thi ý thần cậy thế, hà hiếp bóp nặn ở trong làng, ngoài việc trai gái ăn uống thi không còn biết việc gì. Những người làm ăn phát đạt, săn bạc lăm tiền, thì chỉ tim cách ăn chơi cho sung sướng. Suốt cả thành thị cho đến hương thôn, đứa gian xảo thi như ma như quỷ, lừa gạt bóc lột, cái gì mà chẳng dám làm; đứa hèn yếu thi như lợn như bò, giẫm cổ đè đầu cũng không dám ho he một tiếng. Cả mấy triệu người như là một đàn ruồi lũ kiến, không còn chút nhân cách nào, đó là thảm trạng ở trước mắt ai cũng trông thấy, không phải tôi dám quá lời, đề vu cho cả người một nước đâu.

Này cứ xem cái nhân cách của người Nam tôi mạt như thế, không kè là quan là dân, hay là hạng người nào, thì tất phải lập ra hình phạt, phòng giữ cho nghiêm, dùng pháp luật mà ràng buộc, rồi sau mới dắt dìu nhau lên con đường tiến hóa, thi cuộc trị an mới mong duy trì được lâu. Chính phủ Bảo hộ ở nước Nam đã lâu, không phải là không biết rõ như thế, lại hiểu rằng; tục nước Nam không thể đòi ngay được, người nước Nam không thể dùng làm gì được, chỉ phải cầm quyền lớn trong nước mà lại cứ đe Chính phủ Nam triều, cứ dùng quan lại nước Nam, để lấy người sai khiến, làm việc sưu thuế. Còn việc nước Nam, dân nước Nam, thi không cần hỏi đến; trong ý cũng nói ta dùng người Việt-Nam để trị nước Việt-Nam mà thôi. Cũng có đòi khi thay đổi một vài ông đại-thần, hoặc là thăng giáng một vài viên quan lại, cái người bị đuổi đi đã dành không làm được việc, mà cái người thay chân ấy cũng có phải là người làm được việc đâu, cái người bị cách vẫn là gian tham, mà cái người được bổ cũng không phải là người

liêm khiết. Phương chi hôm nay bị giáng, bị cách, ngày mai lại được thăng, được thưởng; ở nơi này can khoản lại đòi đi nơi kia, thi tuy có phạm tội tham, mang tiếng xấu cũng có hại gì đâu. Quan lại nước Nam thấy Chính phủ có ý dung túng như thế, cho là việc thường lâu rồi quen đi, đứa càn dở lại càng càn dở, chỉ lo đem tiền đi mua quan, đứa biếng lười lại càng biếng lười, chỉ biết khóa miệng cho yên việc. Áo mũ thùng thình, ngựa xe rộn rip, hỏi quan chức thi ông này là đại thần trong triều, ông kia là đại lại các tỉnh, chỉ biết có một việc ngày đi hội thường hay là ra công đường xử kiện còn hỏi đến việc lợi bệnh trong nước hay là trong một tỉnh, thi mơ màng chẳng hiểu một chút gì; ông này là quan phủ ở phủ này, ông kia là quan huyện ở huyện kia chỉ biết việc bắt phu, thu thuế cùng là đi đón đi tiễn các Quí quan, còn hỏi đến việc nên làm nên bỏ ở trong phủ trong huyện, cũng mơ màng mà chẳng hiểu chút nào cả. Cho đến việc đút lót người trên, xách nhiều kẻ dưới, thi không cứ quan to quan nhỏ đều công nhiên cho là cái quyền lợi của người làm quan đáng được, dẫu có ai bàn đến, cũng không kè vào đâu. Than ôi! nước Nam nhân cách tuy rằng tôi mạt, dân trí tuy rằng lú lấp, nhưng nếu vài trăm năm nay cứ đòi bại mã, như thế, thi nỗi giống tắt phải tan nát những bao giờ rồi, có thể nào độc lập được đến hơn nghìn năm, nghiêm nhiên là một nước lớn ở phương Nam, số người vẫn cứ sinh sôi này nở ngày thêm nhiều ra, đến bây giờ thành ra một dân tộc lớn ở trong thế giới. Thuộc địa của nước Pháp, khắp cả năm châu, nơi nào cũng có, phỏng khiếu cách cai trị thuộc địa nơi nào cũng như thế cả, thi còn ai vui lòng yêu mến nữa? Than ôi!

THI VĂN QUỐC CÁM

Pháp luật nước Nam tuy vẫn là không công bằng, nhưng mà thuộc về cái mặt cấm quan lại thì thật nên dùng đê trị quan lại đời này, bây giờ Chính phủ lại chỉ dùng cái hình luật rất là thảm khốc ác độc đê trói buộc bọn dân ngu, mà đối với quan lại thì pháp luật rất là sơ sài, đến nỗi như đê vỡ nước tràn tung toé ra mà không thể nào ngăn cản được nữa, thế thi lỗi tại Chính phủ dung túng quan lại mà thành ra cái tệ ấy đó.

Hai là Chính phủ khinh rẻ dân Việt-Nam thành ra cái tệ xa cách người Pháp ở nước Nam. Đã lâu thấy người Nam quan lại thì gian tham, sĩ dân thì ngu xuẩn, phong tục thì đồi bại, ghét rằng người Nam không có tư cách quốc dân, cho nên phàm những bài đăng ở trên các tờ báo, cho đến những khi bàn bạc chuyện trò đều tỏ ý ghét người Nam, khinh người Nam, cho là người mọi, vi với lợn bò, không những lấy làm xấu hổ không muốn dìu dắt cho ngang với mình, mà lại còn sợ gần mình mà làm nhớp bắn nữa. Vài mươi năm nay, không cứ hạng người nào, không cứ có tội hay là không có tội, nếu xúc phạm quan Tây, thì đều bị kỳ nhục. Những người nghèo đi làm thuê, những dân phu đi làm việc quan, bị người Tây đánh đau hay là đập chết cũng thường thấy luôn. Những việc ấy đòn thối đi khắp trong Nam ngoài Bắc, ai nghe cũng phải kinh hãi tức giận, cho là người Tây đai mình như muòng chim, coi mình như gỗ đá, nhưng chỉ căm tức mà không dám nói ra. Những người nhà quê ngu khờ, sợ uy khiếp thế, xem người Tây như sấm như sét, chỉ lo tránh cho xa; những kẻ sĩ phu hơi có liêm sỉ, thì đều sợ cái đường làm quan mà không dám bạ men đến. Chỉ có những người ham lợi hay quan bách về việc ấm nò trong nhà

THƯ GỬI CHÍNH PHỦ ĐÔNG-DƯƠNG

cực chẳng đã mà phải dám đầu vào trường nô lệ. Khi đêm hôm thanh vắng một mình, nghĩ đến những cách khinh rẻ của người Tây đai mình cũng biết tức giận, biết xấu xa; mà mình lại phản nàn với mình, chỉ vì mình ở trong vòng, không làm thế nào được, cũng phải cầm hơi nin tiếng cho xong việc đi, chứ có phải bọn ấy toàn là đồ vồ sỉ, vui thích những sự ô nhục thế đâu. Hiện bây giờ quan lại nước Nam, không cứ quan lớn quan nhỏ, khi tiếp kiến quan Tây, đều là run sợ rụt rè, chỉ sợ thưa thốt sai lầm làm cho quan Tây nỗi giận. Ở các chốn hương thôn, những kẻ thân sĩ khi đi ở ngoài đường ngẫu nhiên gặp người Tây, không cứ là quan Tây, Tây linh hay là Tây buôn, thì phải cúi đầu cúp tai rảo bước mà đi cho mau, chỉ sợ tránh không xa mà bị nhục. Nay người hai nước cùng xứ, mà tình ý xa cách nhau như thế, cho nên những người cầu làm quan thì ngày ngày đến chực ở trước cửa các quan Bảo hộ, mà những người có kiến thức ở trong nước thì không ai dám đến trước sân; những người kiện cáo thì đợi khi được thấy mặt quan Công sứ, mà cái tiếng sầu khổ ở chốn nhân gian thì không bao giờ được lọt vào tai quan Công sứ. Than ôi! lấy cái tội gian tham chối cãi được. Nhưng mà cả một dân tộc đến hai mươi triệu người há lại không có một vài người có thể bàn nói đến việc lợi bệnh có ích lợi cho nhà nước mà chính phủ Bảo hộ nhất thiết khinh dè đi, tội sợ rằng ở với nhau càng lâu lại càng xa nhau, khó lòng mà mong được hai bên tình ý đều thông với nhau được. Mới đây « Đại Việt Tân Báo » có nói rằng một số người Việt-Nam ở Nhật-Bản hiện nay có chừng hai mươi người. Trong số hai mươi người ấy há lại không có một vài người hơi biết cái hiện trạng cùng khổ của nước Việt-Nam bây giờ ư?

Và từ chỗ những người ấy ở mà đi đến dinh quan Bảo hộ tinh minh, xa thì độ một ngày, gần thì độ vài ba giờ, thế mà dân nước Nam xưa kia chưa từng bước chân ra khỏi cửa, nay thì chịu bỏ mồ mả, lìa vợ con, vượt biển khơi mày mò đến một nước mấy nghìn năm nay không quen biết bao giờ, kêu gào khóc lóc, đê thô lộ cái khí uất ức bất bình, chứ quyết không chịu đến cửa quan Bảo hộ mà bày tỏ những sự đau đớn trong lòng, thế là tại Chính-phủ Bảo-hộ khinh dè người Việt-Nam, thành ra cái tệ xa cách mà sinh ra thế.

Ba là quan lại Việt-Nam nhân cái sự xa cách ấy mà thành ra cái tệ hè hiếp dân. Chính phủ Bảo hộ với người Việt-Nam tinh ý không thông mà quan lại làm càn làm bậy trên kia đã kể qua rồi. Nhưng phỏng khiếu không có người đứng giữa ngăn cản hai bên, ngộ có một ngày kia các quan Bảo hộ vì ở lâu mà hiểu rõ được tinh ý người Việt-Nam, hoặc là người trong nước không chịu nỗi, mà phải bày tỏ các mối tệ của quan lại ra, người Pháp người Nam không hiểu được nhau, thì quan lại còn thò ngón gian vào đâu được nữa. Quan lại có muốn như thế đâu, tất phải tìm cách đê lia xa ra. Họ biết rằng sưu thuế thu nạp cho thanh thocha là điều Chính phủ thích, gần trở việc quan, hay là họp đảng mưu toan bạo động, là điều chính phủ ghét. Cái điều chính phủ thích thì họ hết lòng hết sức làm cho được việc. Tuy lột da dân, hút máu dân, chẻ xương dân cũng không cần. Các quan tỉnh, quan phủ, quan huyện, ý quyền thế đê dọa nạt dân ngu và đe nén sĩ phu, lại sợ sĩ dân hoặc có tíc giận mà chống cự lại chẳng, họ lại nhân điều chính phủ ghét mà vu oan, hoặc là nói rằng cây giàu có làm ngăn trở việc quan, hoặc là nói rằng họp tập thân sĩ, sợ có

ý gì khác chăng. May câu mơ hồ, không có chứng cớ gì cả, Chính phủ không hiểu cái mưu gian của họ, lại cứ tin họ, vì thế mà có người phải lụy đến thân gia, mắc vào tù tội. Cũng có khi Chính phủ cũng biết là bọn quan lại nói dối, nhưng lại cho là họ làm việc quan, rồi cũng làm thịnh mà không trị tội. Bởi thế dân tình càng cách, sĩ khí càng suy, quan quyền càng thịnh. Các quan phủ huyện chẹn thẳng dân nào béo thì ăn, từ việc kiện cáo, việc trộm cướp, việc án mạng, cho đến các việc vặt khác, việc gì cũng bóp nặn lấy tiền, còn như là Chính phủ súc hối trong hạt mình có bao nhiêu trường học, dân lín giống tắm về nuôi cùng là nhà làm ruộng đem thóc gạo đi đấu xảo, sổ định, sổ điền bao nhiêu, cùng là quan Tây đi khám, thầy thuốc đi tròng trái, và những việc vận tải đồ đạc, Chính phủ thi cho là việc thường không có gì là nhiều dân cho lăm, mà quan lại thì cứ nói rằng đó là việc giao thiệp, rồi sai trát đi bắt dân làm ồn ào cả lên, nào là đưa là đón, là khai là báo, nào là tiền phạt, nào là tiền bút giấy, quan đã quơ quét được một số tiền to rồi. Phàm những việc sầu khổ ở dân gian, tức là mối lợi to của quan lại. Không cứ việc lớn việc nhỏ, việc hoãn việc cắp, hễ nắm được một mảnh giấy của quan Bảo-hộ thì họ quý như hòn ngọc, coi như cái bùa hộ thân, vi nhờ đó mà thu được nặng túi.

Thậm chí các nha dịch và các tổng lý thấy béo bở quá cũng thèm mà tìm cách chấm mứt đôi tí, đua nhau đem tiền bạc ra tỉnh lo chạy, cầu được một chức gi nho nhỏ, nhai cái bã già, cũng đủ no béo rồi. Nghiệm thế thì cái tình trạng khốn nạn của dân làng cũng đáng thương thật, chỉ vì sợ uy khiếp thế quá mà không dám ho he. Trong đám thân sĩ cũng nhiều người biết, vì mình ở

ngoài vòng, sợ mang lấy hiềm nghi nên không dám nói đến. Các quan to cũng biết cả như thế, nhưng vì ăn của đút, rồi cũng giả điếc giả đui. Còn các quan Bảo-hộ thì vì ý tình không thông, không gì hiểu thấu được. Đến bây giờ dân cùng của hết, người giàu người nghèo đều khổn khổn cả, người nào cũng oán than; trộm cướp nồi lung tung, sự thật là nguy cấp. Thân sĩ trong nước, người thi xướng ra học chữ Tây, người thì xin bỏ khoa cử, người thi góp vốn để mở hiệu buôn, ý cũng muốn cứu vớt lấy một vài phần trong trăm phần. Quan lại ghét rằng làm thế là có ý muốn chống chọi với mình thì lại bảo là điên cuồng, cho là âm mưu, những lời vu oan giả họa, chắc là ngày nào cũng nói đến tai các quan Bảo-hộ.

Than ôi! nước Nam không kẽ là nước dã man hay là nước bán khai, nhưng mấy nghìn năm nay theo học chữ nho, sách vở hãy còn đó, đều lấy yêu dân là công, hại dân là tội, bọn quan lại đều là người có đọc sách, có biết chữ, mà dám lấy quan trường là nơi bán hàng, coi dân như cá thịt, bảo những lời thương dân là điên rồ, cho những việc hưng lợi là phản nghịch, làm cho đèn trăng mập mờ, phải trái lẩn lộn, làm bậy làm bạ, nói càn nói dở, không chút kiêng dè sợ hãi gi, thế là bởi quan lại nhân cái tệ xa cách mà gây nên.

Ba cái tệ mới kẽ trên, đó là mới nói qua đây thôi, còn đến cái thói nịnh hót, các cách tham bạo của quan lại cho đến các nhà kỹ xảo Thái Tây nghĩ mấy năm cũng không hiểu được; cái tình trạng đói rét sầu khổ của dân ngu, cho các nhà hội họa Thái Tây vẽ mấy mươi bức cũng không đúng được.

Nhưng đó chỉ là Chính phủ Bảo hộ dung túng quan lại, khinh rẻ sĩ dân, đến nỗi quan lại thừa cơ mà làm hại dân, còn đến cái chính sách kinh lý nước Nam của Chính phủ thì còn nhiều điều nên bàn nói nữa. Nghề làm ăn thì không dậy bao, mối lợi thì không mở mang, chỉ biết sưu thuế thì tăng cho nhiều, bây giờ cùng khổn đến thế này, tai quan làm hại dân mười phần độ năm sáu, mà vì sưu thuế nặng nề thì mười phần đến ba bốn, Nước Việt-Nam mấy nghìn năm nay, chỉ trông vào một nghề làm ruộng, việc chăn nuôi cùng việc dâu tằm cũng chưa thành nghề riêng, còn nghề công, nghề thương thì đành thua kém nhiều, không phải bàn đến nữa. Xưa kia suốt các hàng người trong nước, toàn là lười biếng cầu thả, gấp sao hay vậy, Triều-đình thì không lo tính đến việc mở mang thực nghiệp, ở chốn hương thôn thì phần nhiều là quân du thủ du thực, nguồn lợi không thông, mối lợi lấp hết vì thế cho nên các ngạch thuế đều thu nhẹ cả. Gặp năm đói kém, thì hoặc phát tiền cho vay gạo, dân ngu không có nghề nghiệp, chỉ hong hóng ngồi đợi người nuôi. Đến bây giờ bao nhiêu đất bỏ hoang và dân vô nghệ; chính trị thì dốt nát, nhân dân thì ngu lười, đã trải qua bao nhiêu năm như thế rồi. Từ ngày thuộc quyền bảo hộ của nước Pháp, nào là bắc cầu sửa đường, xây đồn lập ải, cho đến lương bổng của quan lại cũng tăng lên, chi tiêu tốn kém kẽ hàng mấy trăm vạn, mà số tiền thu vào trừ các ngạch thuế Thương-chính ra thì chỉ trông vào thuế định và thuế diền cũng là sự thế phải đến thế, nhưng nếu được vài vị đại thần trí thức có lòng nhân ái, và vài trăm viên quan lại có đức thanh liêm, có tài mẫn cán, mà Chính phủ tin dụng cho đắc cùng nhau tính toán những việc dấy lợi trừ hại, mở tài nguyên cho nước, thêm đường sinh lý cho dân, rồi

sau hãy lần lăn lấy thuế thì trên đã có lợi cho nước, mà dưới cũng không có hại gì đến cho dân, cũng không phải là không có cách gì làm được. Nhưng nay không làm thế, lại lấy cớ rằng quan lại không có tài cán gì, nhân dân lại hay lừa dối, không cần hỏi đến ruộng rộng hay hẹp, tốt hay xấu, đinh nhiều hay ít, giàu hay nghèo, cứ nhất luật mà lấy thuế, năm nay thêm một phần, sang năm thêm một phần, năm nay gia một khoản, sang năm gia một khoản, Chính phủ đã lấy thế mà tiêu dùng cho đủ, cõi hết sức mà làm, quan lại lại thế để làm đường mua quan, rán mõi lân cho đủ ngạch. Cứ theo việc trước mắt thì cách làm như thế không phải là không dễ mà lại lấy được nhiều tiền, nhưng chỉ sợ rằng tất hết nước mà bắt cá, thì sau không thể có được mãi. Về khoa tài chính, thì người Pháp rất là tinh tường, thử xem số hoa lợi của đất cát trong một tỉnh một năm được bao nhiêu, một người ăn mặc một năm hết bao nhiêu, chi tiêu vặt vãnh một năm hết bao nhiêu, tiền đóng sưu nộp thuế một năm hết bao nhiêu, sơ tính cho kỹ thì nhân dân tiêu dụng, thừa thãi hay là túng thiếu, thật là rõ ràng không cần phải bàn cãi nữa ; huống chi quan lại lại sách nhiễu, sưu dịch lại nặng nề, và gấp năm thiên tai, tiền của vật sản lại còn hao hụt không biết là bao nhiêu, lại còn chưa kể đến những côn lười biếng ăn bám và những quan trộm cướp bóc lột nữa. Thế mà muốn cho nhân dân không khổn đốn mà chết dần chết mòn đi, thì có thể nào được không ? Lại còn đến cái tệ sưu dịch thật cũng không thể nói xiết được, mỗi tên đinh một năm đóng thuế thân rồi phải bốn ngày công ích và mười ngày công sưu, còn như đi làm thử tạp dịch khác đều có tiền thuế, cứ như thế thì giống

núi dân cũng không đến nỗi khổn khổ gì cho lắm. Nhưng mà ở chốn hương thôn thật là phiền nhiễu, người nọ đi, người kia về, nối gót nhau trên đường không có ngày nào được yên ổn cả. Quan lại lại nhân thế mà quấy nhiễu, tha tên này, bắt tên kia, tùy ý mình muốn thế nào thì làm thế, lúc đầu thì quan đem tiền thuê dân, sau thì ra dân đem tiền thuê quan, đưa cùng dân vì thế mà hết sản nghiệp và mất nghề làm ăn cũng thật nhiều. Còn những tiền cõi công, tiền hỏa mãi của nhà nước phát cho, thì nha lại ăn béo ăn sén, dân nghèo quanh năm vận tải ở trên đường khổn khổ nhọc mà tiền công mười đồng chỉ lĩnh được hai ba đồng mà thôi, như thế mà muốn cho bọn cùng dân không lia tan trôi dat, có thể nào được không ?

Nhân dân nước Nam bây giờ ngu xuẩn như trâu như ngựa tha hồ cho người ràng trói, ho người đánh đập, có miệng mà không dám kêu, gần chết mà không dám than thở, lại thêm lấy uy thế của bảo hộ và quan lại nước Nam tàn nhẫn, cứ dùng roi vọt mà đánh đau, thi muối giò mà chẳng được. Tôi trộm sợ rằng người giàu thi nghèo đi, người nghèo càng thêm khổn, người hèn yếu nhát thì phải đi ăn mày ăn xin, quân gian dối mạnh dạn thì đi ăn trộm ăn cướp, trong năm bảy năm nữa chốn hương thôn tiêu điều, nhân dân mòn mỏi, không vì đói rét mà chết thì cũng lìa tan mà chết, không chết ở đường sá thì cũng bị quan lại hà hiếp mà chết, đến lúc ruộng không có người cấy, việc không có người làm, thuế không có người nộp, tuy có lột da đeo xương làm đền đau thì cũng lại theo dõi giống da đỏ ở Mỹ-Châu mà thôi chứ có ích lợi được việc gì đâu.

Than ôi ! Nã-phá-Luân hoàng-đế, ông là sứ giả của trời sai xuống để rắc cái mầm tự do, người Âu Châu đến bây giờ vẫn khen ngợi ; lại đến câu « yêu giặc như bạn » đàn bà con trẻ nước Pháp vẫn còn nhắc đến luôn. Nay một nước cũ mấy nghìn năm ở cõi Á-đông mới thuộc về ngọn cờ ba sắc, mà đã đến khốn khổ uất ức không tự lập được, các quan Bảo-hộ chắc cũng đau lòng xót ruột, ngày đêm lo lắng, tìm phương cứu vớt cho ; lẽ nào để như thế mãi mãi, làm hại đến danh dự của nước Pháp khiến cho kẻ mượn cơ thể mà thêm tiếng chê bai ? Ở nước Nam bây giờ quan lại tham tàn, suru thuế lại nặng nề, nhân dân sầu khổ, thật là đã quá lầm rồi mà các quan Bảo-hộ vẫn hình như chưa biết thể chẳng là chậm lầm rồi ư ?

Mới đây trong Nam ngoài Bắc, nhân dân đồn thổi, đều nói rằng chính sách cai trị của nước Nam hay Chính phủ muốn đổi phương châm, làm cho người Tây người Nam cùng lòng hợp sức với nhau, đó thực là cái kế vững yên lâu dài vậy. Nhưng tôi thường đọc những bài diễn thuyết của quan toàn quyền đăng ở các tờ báo, một thì nói rằng khoan đãi người Nam, việc cải chính luật, mở trường học, và các việc khác, cũng có nói đến nhiều, mà đến việc quan lại và việc suru dịch, thì luật không nói động đến. Ông chủ bút báo nọ ở Hải-phòng là người Pháp, bàn việc Đông-Dương, dài đến mấy vạn lời, cái tệ suru thuế, nói cũng đã hết, mà cái việc quan lại nước Nam thì lại nói rằng « không theo cái phép cũ nước Nam, thì không trị được dân Nam. » Ý kiến sai lầm như thế, thật cũng lạ lùng thay ! Nay Chính phủ Bảo-hộ dùng quan lại để áp chế dân nước Nam cũng đã lâu rồi, quan

lai làm cho Chính phủ kết oán với dân cũng đã lâu rồi, đến bây giờ muôn dấy lợi mà không trừ hại trước, mưu yên dân mà không chọn quan trước, thi lợi dấy sao được, dân yên sao được

Bây giờ dân nước Nam đã sắp chết đến sau lưng, mà quan lại thì trừ việc truyền lệnh thu thuế, không còn biết việc gì nữa, các quan Bảo-hộ cưỡng bách họ thi hành tân chính, họ không làm qua loa cho xong chuyện, thì họ nhân dịp để kiếm tiền, đã không có công hiệu gì mà lại thêm nhiễu dân nữa. Về màu xanh sắc đỏ vào bức tường đất bùn, bày vật la miếng ngon trên cái bàn bụi băm, chỉ mất công mà được ích gì đâu. Thế mà cứ nói khoan đãi người Nam, khai hóa người Nam, có khác gì sợ con trè voi khóc, mà đem bánh ngọt quẩ chin ra dỗ, lo dân đói làm trộm cướp mà chở mỏ vàng mỏ bạc ra, chỉ làm cho nó ngại mà chết thèm mà thôi, về cái chính sách kinh tế Việt-Nam có thấy ích lợi được chút gì đâu.

Tôi xét kỹ chính sách của Chính-phủ Bảo-hộ hình như ngờ sĩ dân nước Nam thầm mưu chống cự, muốn nhờ quan lại để dọ xét, dùng hình phạt để hiếp chế, làm như thế chỉ nén mắt sĩ khí của sĩ phu, mà thêm cái gian cho quan lại, về sự thực không đúng gì cả. Nay, yêu tự do, mưu độc lập, lấy sự làm nô lệ người là xấu hổ, ngờ cho dân tộc bên Âu-châu có lòng như thế là phải rồi, chứ ngờ cho sĩ dân nước Nam như thế thì không khác gì ngờ người phải bình bại trên trường ăn cướp, ngờ cho đứa ba tuổi đốt nhà giết người. Nước Nam đã lâu nay học thuyết sai lầm, phong tục hư hỏng, không có liêm sỉ, không có kiến thức, trong một làng một ấp cũng cấu xé lẫn nhau, cùng nòi cùng giống vẫn coi nhau như thù hận ; cho dẫu ai có muốn lo toan

việc lớn, chưa kè rắng không có chỗ mà nương thân, không có khì giới mà dùng, không có tiền của mà tiêu, giá phỏng Chính phủ cho mượn dăm nghìn khẩu súng, cấp đất vài tỉnh cho ở không thèm hỏi đến, tha hồ muốn làm gì thì làm, chỉ độ dăm năm, tất là báo thù lẫn nhau, hay là ghen tức trước vị mới thôii, quyết không có thể sống nổi trong cái thế giới này, lại chống cự ai được nữa.

Sĩ dân nước Nam, không làm gì nổi đã đành là không phải lo, song bảo rắng cùng với Chính-phủ Bảo-hộ, một lòng một chí không ngờ vực nhau, sống chết có nhau thì cũng chưa hẳn đã có như thế. Vài mươi năm nay, quan lại tàn ngược ngày càng tệ thêm, cùng dân oán giận ngày càng xấu thêm, lại thêm suru thuế nặng nề và nắng to lụt lớn, thiên tai thường xảy ra luôn, sinh kế càng thêm khó khăn, khổ này chưa qua khổ kia lại đến, không biết đến đâu là cùng. Đến bây giờ tiếng oán hận nơi nào cũng thế, nhân tình nhao nhao, nghe những tin thồi hão huyền, cũng đều lấy làm thật, chỉ vì chưa gặp được dịp đó thôi. Phỏng như một ngày kia nước láng giềng thừa cơ mà gây việc, hai bên đương chống chọi nhau, dân nghèo nhân dịp khởi lên bạo động, người tham thì cướp bóc để lấy của, người mạnh thì chém giết để hả lòng thù riêng, quan lại thì dòm bên nào mạnh thì theo bên nào yếu thì bỏ, thấy sự thế đã hỏng thì lại mau chân chạy trước, tuy bỏ chủ này làm đày tờ chủ khác, họ cũng can đảm mà làm, đó là cái ăn tinh của người Việt-Nam bây giờ đó. Như bảo rắng người Nam phải liều chết vì Chính phủ Bảo hộ đi chống giặc ngoài, là cái nghĩa vụ của người Nam phải làm như thế, sợ người Nam không ai công nhận đâu. Tuy vậy đó cũng là vì khổn khổ, vì tệ chính, khiếp sợ vì ngược uy, không biết làm thế nào,

cực chẳng đã phải làm liều đó thôi, chứ không phải là người Nam ham vui sự tai vạ mà làm như thế đâu. Nếu Chính-phủ thật sẵn lòng đổi chính sách đi, kén chọn người hiền tài trao quyền binh cho, lấy lẽ mà tiếp, lấy thành mà dài, cùng nhau lo toan việc đẩy lợi trừ hại ở trong nước, mở đường sinh nhai cho dân nghèo, rộng quyền ăn nói cho thân sĩ, bảo quản cho mở rộng, đề thông đạt tinh dân, thưởng phạt cho nghiêm minh để khuyên răn quan lại, còn đến những việc đổi pháp luật, bỏ khoa cử, mở trường học, đặt tòa tu thư, dạy lớp sư phạm cho đến học công thương, học mỹ nghệ, và các ngành suru thuế đều cải lương dần dần, thế thì dân được yên nghiệp làm ăn, sĩ thi vui lòng giúp việc cho Chính phủ, chỉ sợ người Pháp bỏ nước Nam mà đi, còn ai toan mưu việc chống cự nữa.

Than ôi ! nước nam bây giờ dân khí yếu hèn, dân trí thì mờ tối, ví với các nước châu Âu châu Mỹ, cách xa không biết bao nhiêu dặm đường. Công việc ngày nay, ai có thể dạy ta thì ta xin làm học trò, ai có thể nuôi ta thì ta xin làm con, nhờ ơn dạy dỗ nuôi nấng diu dắt ôm ấp lấy nhau, mong cho giống nòi sinh tồn ở trên mặt địa cầu này thôi. Bỏ nơi này sang nơi khác, đi đâu mà chẳng phải là nhờ ! nhờ ai chẳng là nhờ, mà bảo rắng nhờ người kia là nhục, cứ lo nhờ người này là vinh, cứ lo ngày lo đêm, tìm cách nợ kế kia, ném đi mấy mươi vạn cái đầu, chảy ra mấy mươi vạn vũng máu, vất đi bao nhiêu cái xác ruồi không thèm bâu, cáo không thèm ăn, để mua lấy cái địa vị nô lệ mấy trăm đời không thay đổi thì trong lòng mới hả mới sướng, người Nam dusk phải mắc bệnh điên, cũng không ai chịu làm thế, nhưng tôi còn không dám nói chắc lắm, là còn xem cái chính sách của chính phủ Bảo hộ

đãi người Nam thế nào. Tôi trong lòng đau đớn chua xót không biết kêu gào vào đâu, cầm bút viết thư này, quên cả những sự kiêng sợ, các quan Bảo hộ quả lấy lòng thành khoan đãi người Nam, thi tất cũng xét bụng tôi, cho tôi đến ngồi mà thung dung bàn hỏi, cho tôi được phơi gan mở ruột, bày tỏ cái điều lợi hại, may ra nước Nam có cái cơ được cải tử hồi sinh, thế là hạnh phúc của nước Nam tôi, thế là lòng ước của tôi. Vì bằng Chính phủ cứ lấy cái cách tàn ngược đối đãi người Nam làm cái chính sách hay nhất tốt nhất, thà bỏ một khu đất bốn mươi sáu vạn dặm, giết một dân tộc hai mươi mấy triệu người, đề theo cái chính sách ấy, chờ quyết không cho người Nam mở mặt mày với thế giới, thì xin lấy cái tội ngông cuồng khép cho tôi, lấy cái luật phi báng buộc cho tôi, gông cùm đeo trước mặt, vạc dầu đun sau lưng, khiến cho những kẻ tài trí ở trong nước, chum chân khóa miệng lo liệu lấy cách mà làm, đừng bắt chước tôi đường đột nói càn đè mắc vòng tội lè, thế là một điều không may lớn cho nước Nam tôi, mà cũng là cái lòng ước mong của tôi xin các quan Bảo hộ xét cho.



Vụ kháng thuế ở Trung-Kỳ năm 1908

Năm 1908, vì chính sách ~~hi~~ lột tàn bạo của thực dân Pháp và phong kiến, nhân dân Việt-Nam ta ở các tỉnh Trung-Kỳ nồi lên chống thuế.

Cuộc nồi lên này là một cuộc tranh đấu của nông dân tiếp tục sau khi các cuộc khởi nghĩa Cần-Vương đã chấm dứt.

Thừa cơ hội, chánh quyền thực dân và phong kiến lại thẳng tay đàn áp nhân dân ta và hâm hại không biết bao nhiêu là những nhà ái quốc.

Vậy đầu đuôi vụ kháng thuế năm ấy ra sao? « Công lý » của những kẻ tự xưng là « cha mẹ dân », là « đem văn minh đi truyền bá, đi bảo hộ » đối với vụ ấy thế nào? — Chúng ta hãy đọc bài này của cụ Minh-Viên Huỳnh-thúc-Khang.

Cụ Huỳnh là một trong những nhà ái quốc bị chúng bắt đày đi Côn-đảo sau vụ kháng thuế trên. Trong thời gian cụ có viết một bài tường thuật bằng chữ Hán, nhan đề là « Trung-kỳ cự sưu ký ». Nhưng bài ấy của cụ bị chánh quyền tịch thu và đốt đi. Cho mãi đến sau này Nhựt đảo chánh Pháp ở Đông-Dương cụ mới viết lại, và viết bằng quốc văn để nói với quốc dân về vụ chống thuế ấy...

NGUYÊN NHÂN VỤ KHÁNG THUẾ

Nguyên nhân xa

Kinh thành thất thủ, Nguyễn triều nhận nền bảo hộ của nước Pháp, Đảng Cần-vương nỗi lên chống chọi trên mười mấy năm nhưng rồi cũng phải hạ cờ trước sức súng đồng thực của thực dân Pháp.

Sau khi đè bẹp được lực lượng kháng chiến của Việt-Nam, nền thống trị được củng cố vững chãi, Pháp bắt đầu thẳng tay bóc lột nhân dân Việt-Nam bằng suru cao thuế nặng. Da dí bọn tham quan, ô lại muốn được mau thăng quan tiến chức, đê làm vui lòng quan thầy, bọn đó không trừ một thủ đoạn áp bức bóc lột nào, làm cho nhân dân đã khổ lại càng khổ hơn.

« Áp lực dù trọng tắc động lực dù cao », sức ép xuống càng nặng bao nhiêu, thì sức bắn lại càng hăng bấy nhiêu. Đó là một quy luật tất yếu.

Vậy vụ kháng thuế Trung-Kỳ xảy ra vào khoảng năm 1908 cũng nằm trong quy luật ấy. Đó là nguyên nhân xa.

Nguyên nhân gần

Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của Việt-Nam trong 80 năm mất nước vừa qua, có thể nói là một cuộc cách mạng thường xuyên và liên tục. Lớp trước gục xuống, lớp sau nối gót đứng lên. Phong trào trước thất bại, phong trào sau nồi dậy tiếp tục sự nghiệp. Phong trào Cần Vương hạ màn, thì phong trào Đông-Du do các cụ Phan-

Sào-Nam, Nguyễn-Thượng-Hiền, Cường-Đề, Đặng-Tử-Kính mở đường là « Việt-Nam vong quốc sứ », nào « Hải ngoại huyết thơ », nào « Đề tinh quốc dân ca » truyền tụng khắp nơi. Đồng thời khuynh hướng « Tân Thơ », « Âu hoá » cũng phát triển mạnh. Tiếp đó là bài điều trần của cụ Tây-Hồ, trong đó vạch rõ tội ác của bọn quan lại tham tàn thối nát và lên án chính sách thực dân, làm cho phong trào Cách mạng ở Quảng-Nam đã phát triển ngầm ngầm trong mọi tầng lớp nhân dân, nhất là việc chống lại bọn tham quan ô lại. Ví dụ : ở phủ Tam-Kỳ, phủ Điện-Bàn, học trò cò động nhân dân làm đơn kiện 2 tên tri phủ. Học sinh lại làm đơn kiện cả bọn quan trường về tội hối lộ. Ví dụ : trường Thừa-Thiên và trường Nghệ-An.

Tất cả những phong trào đê kháng Phong Thực, bằng hình thức này hoặc hình thức khác của nhân dân Việt-Nam lúc này đã là như một đống lửa, gấp điều kiện là bùng nổ ngay.

Việc gì đến có lúc sẽ phải đến, đó là nguyên nhân trực tiếp và gần của cuộc kháng thuế Trung-kỳ năm 1908.

TẤN KỊCH PHÁT KHỞI

Thoát kỵ thủy, vào khoảng thương tuần tháng hai năm Mậu thân (1908) ở huyện Đại-lộc có mấy bác hào lý cùng vài cậu học trò : Lương Chân, Trương-Hoành, Hứa-Tạo (ở làng Phiếm-ái, Hà-tân, La-dá...) cùng ngồi ăn và chuyện trò trong một đám kỵ ở một nhà nọ, đem chuyện « suru cao thuế nặng » ra nói, rồi bàn nhau làm đơn lầy chữ ký các làng xã trong huyện, tới trình viên huyện chuyên đạt lên tỉnh cùng tòa sứ, xin giảm nhẹ suru cùng các món thuế, kéo nặng quá, dân không đóng nổi.

Ai nấy đều tán thành, làm đơn và cầm đi lấy chữ ký mấy làng gần đấy, mới độ trên ba mươi lăm bắc lý trong tòng ký, định đi lấy thêm cho đông đê « quan trên » thấy rõ nỗi khổ chung của dân mà giảm đi chăng, trong đám ký tên có tên lý trưởng làng La-đại lén lên báo viên quan huyện, thuật chuyện hào lý và sĩ dân đương làm.

Việc đến tai quan không thể xếp yêm được và sợ để lâu quan trên theo lời tiên cáo của tên lý kia rồi không rõ đầu đuôi, buộc tội quần tụ thì to chuyện. Thôi thì cùng nhau vác đơn lên quan, trước bày tỏ tâm sự, sau nhờ quan đứng xin giúp...

Đến huyện, viên huyện đã biết trước, sai linh ra truyền rằng : « Quan đã xuống tỉnh bầm việc tu tập đông người của các anh rồi... » Viên huyện xuống tỉnh, bọn ấy không hầu chuyện được, ngờ ngác trông nhau, kẻ nói ta về, người bàn ở đợi. Trong lúc bàn tán phân vân có vài câu học trò đứng ra xướng nghị :

« Quan đã đem việc bầm tỉnh rồi, dẫu có tan về cũng không tránh khỏi tội tu tập đông người liên danh ký chỉ, chắc sẽ bị tra tấn lòi thoi, mang lấy cực lụy vô danh, vậy ta cứ theo quan vác đơn xuống tỉnh kêu xin dẫu không có kết quả tốt cũng còn có danh nghĩa tố cùng quan trên rõ thấu thực tình xin giảm suru thuế, chứ không có điều gì trái phép ».

Thế là kéo nhau xuống tỉnh với khẩu hiệu : xin suru !

Từ Đại-lộc đến tỉnh, đường dài hơn mươi cây số, hai bên đường toàn làng xóm cư dân, nghe tiếng « xin suru » và thấy kẻ đồn người nói, rủ nhau vào đoàn

cùng đi, càng đi càng thêm người. Đến chợ Vinh-diện gần tỉnh đã có đến năm sáu trăm người.

Vào tỉnh, quan tỉnh đã biết trước, cho linh ra truyền hỏi : dân chúng ở đâu tới, và muốn làm gì ?

— Dân Đại-Lộc theo quan huyện xin suru.

— Quan huyện các anh đã báo rằng dân Đại-Lộc tụ tập khởi nguy, nay không có ở đây, đã xuống báo Tòa công-sứ biết rồi.

Khởi nguy ! Báo Tòa Sứ ! Chuyện to tày đình !

Xin vào bầm rõ mục đích cho quan tỉnh biết mà không được, nên họ kéo thẳng xuống Tòa Sứ luôn.

Từ tỉnh đến Tòa Sứ đường dài mươi cây số, người ta nghe thấy đi xin suru đông vui, lại gia-nhập thêm mãi. Đến phố đã tới ngàn người.

Thấy dân đông quá, viên Công-sứ cho linh ra ngăn lại, chỉ cho 10 người vào trong có Lương-Châu, Hứa-Tạo, Trương-Hoành (học trò làng Phiếm-Ái và Hà-Tân) đứng ra bày tỏ ý nguyện của dân xin giảm nhẹ suru thuế. Viên Sứ bảo xin gì thì cứ làm đơn kêu với Ngài, chờ tu tập như vậy là làm loạn, và về việc thuế, quan cũng không có quyền giảm, dân cứ tan về an nghiệp đê quan tr bầm ra Phủ Toàn Quyền cùng Triều đình Huế, có được giảm hay không sẽ trả lời sau...

Mấy người ra truyền lời quan cho dân chúng nghe, nhưng dân chúng không chịu về, một mực nài xin về vụ thuế đã gần kỳ, dân không thể chịu đàm phu quá nặng...

— Dân không tan về, quan sẽ bắt giam mấy người đại biểu.

— Nhờ lượng quan vì mấy người ấy họ xin phần họ, dân chúng ai có nỗi khổ nấy, không ai xin thay cho ai được.

Thế là Lương-Châu, Hứa-Tạo và Trương-Hoành bị bỏ bót. Vì ba người này ứng đối một cách thông hoạt có vẻ cương quyết. Viên sứ lại truyền : « Nếu dân không giải tán mà tu họp ở đây thì ba người kia sẽ bị đày ra Lao-Bảo ».

Dân không chịu giải tán. Ba người kia bị đi Lao-Bảo ngay chiều hôm ấy.

Dân vẫn không chịu tan mà trái lại mỗi lâu mỗi đông thêm. Thế là thành chuyện to.

DÂN CHÚNG HƯỞNG ỨNG

Hội-An là thị trấn buôn bán tự hội đồng nhất tỉnh Quảng-Nam. Tòa Công-Sứ cũng đóng ở đấy.

Không kể dân ở các Phủ Huyện trong tỉnh mà dân buôn bán ở các tỉnh lân cận cũng thường qua lại rất đông. Vì thế, kể truyền đi người đồn lai tẩn kịch « nhân dân xin sưu » không cánh mà bay lan tràn rất chóng.

Nhân dân các Phủ Huyện trong tỉnh khoai mo, cơm gói, quần xách, áo mang, kéo đi từng đoàn ra phố (Hội-An) thay nhau kẻ ở người về, cơm tiền giúp nhau. Nhiều người bán tán :

« Ở phố, Tòa đã đóng lầm, nay ở phủ huyện nào vây quanh phủ huyện nấy không phải kéo ra phố nữa. »

A.— Phủ Điện-Bàn

Tri phủ lúc ấy là Trần-văn-Thông bị dân kiện. Dân vây Phủ, bồng viên phủ lên xe, kéo đi xin sưu. Dân theo sau đông. Anh Thông Cao túc Minh cầm « ba tòng » gõ vào mắt cá hỏi quan có ăn tiền nữa thôi.

Viên đề lại lén trốn xuống tỉnh và Tòa báo trước, nên dân mới kéo xe quan tới sông Phú-triêm (có đò) thì gặp đội lính tập ở Tòa kéo đến bắn mấy phát súng chỉ thiên. Dân bỏ xe quan chạy. Mấy người bị bắt. Hai người lội băng sông bị chết đuối. Trong đêm ấy dân chúng vớt xác hai người ấy lên làm đám chôn cất long trọng. Sáng ngày, ai nấy dè tang chít khăn trắng, lại dùng thẻ tre viết hai câu đối nêu ở mộ.

Nhân có cuộc dân vây bắt quan phủ Điện-bàn thành có luật giới nghiêm truyền các viên coi sáu đường sá phải rút về và phái lính đi canh gác các phủ huyên.

B.— Phủ Thăng-Bình

Tri phủ là Lê-bá-Đắng khi ở Điện-bàn đã bị dọa khiêng trả, mới đổi vào. Dân họp đông vào yêu cầu quan đi xin sưu. — Lính về gác Phủ bắn dọa, vài người dân bị thương. Lãnh tụ đám dân là Hương quản bị bắt.

C.— Phủ Tam-Ký : Đề-đốc Trần-Tuệ hộc máu chết

Tam-ký là một phủ xa tinh ly. Quan phủ làm chùa trong bảy tổng. Dân bị khốn đói lâu đời, vì có đồn Trà-uy, đồn Phương-xá giáp miền mọi, có quan mót Pháp và lính ở đồn Đại-lý gần phủ cùng mỏ vàng Bồng-miêu v.v..., nên đường sá kinh dinh rất cần. Tỉnh phái Đề-đốc Trần-

Tuệ, giám đốc xem việc đường sá, Đề-đốc Lang-Bôi với viên Tri-phủ (Kinh tú) thường đánh đập dân, nhất là ghét dân cùp tóc đã hành hạ trong lúc làm suru thuế, lại bắt giao về phủ giam.

Sĩ dân lại có đơn kiện cả chánh phó bảy tổng túc kiện viên Tri phủ một cách gián tiếp, kể nhiều khoảng tình tệ. Tỉnh và bộ còn xét thi vụ xin suru này xảy ra. Đề Tuệ đã làm nhiều điều ác, nào nhà người bắt dọn đẽ ở và bắt chủ nhà đánh, vào nhà bên đường nghỉ trưa, nghe con nít khóc, bắt chủ nhà cẳng đánh rồi giải về phủ giam (Nguyễn-Kỳ ở Chiêu-dân v.v...). Biết dân oán, lén về ở trong phủ. Dân vây phủ, một hai xin viên Phủ và ông Đề đem dân đi xin suru.

Dân kêu nài mãi mà các quan không ra. Đêm dân vào trong phủ canh, nhất định giữ ông Đề.

Tòa đại lý cách phủ ly ba cây số, biết dân thù oán Đề Tuệ, đại lý đem lính lên phủ đưa Tuệ về Tòa. Khi ra cửa phủ xe đại lý đi trước dân nhường lối đi, xe qua dân kéo theo. Trùm Thuyết người làng Phước-lợi kêu to : « dân ta xin quan đại lý giao ông Đề đê dân ăn gan ». Toàn đám đồng thanh « dạ » vang lừng. Đề Tuệ ngồi trên xe hộc máu gục xuống, về đến tòa đại lý thì tắt thở.

Trùm Thuyết sau bị kết án tử hình, chém ở Tam-Kỳ. Trong án có câu :

« Thanh thanh thực Đề đắc can, nhất hô nhi thất tòng chí dân gai ứng ».

D.— Huyện Hòa-vang

Dân huyện Hòa-vang khổ về suru làm đường sá dưới quyền

hành hạ của Lãnh Diêm, cũng như dân Tam-Kỳ đối với Đề Tuệ. Ông Ích-Đường con ông Tấn-Nhi, cháu ông Ích-Khiêm có đi vào Nam với cụ Tây-Hồ và ra Bắc ở đồn Đề-Thám. Đường cùng dân chúng sắp vây bắt Lãnh Diêm, thì trước nửa giờ Diêm đã nghe tin, lén xuống xe lửa Tourane-Faifo trốn thoát.

Sau Đường bị xử tử hình ở Túy-Loan.

E.— Huyện Quế-Sơn và Huyện Duy-Xuyên

Hai viên tri huyện này không làm điều gì ác nên dân không oán, khỏi bị nạn « dân vây » như các phủ huyện khác.

PHONG TRÀO LAN RỘNG

Việc kháng thuế xảy ra, Chánh Sáu, làng Gia-Cốc xuống tinh lãnh bằng về hiều trấp. (Y làm nhà giam, muốn thị oai, dọa bắt dân đi xin suru về giam. Dân thù ghét, đem đến vây bắt đem về trấn nước. Về vụ này lính về tuần tiễu chém Tú Cang, đốt nhà Ám Tân, sau lại có Hương... bị tử hình).

I.— Châu-hương-Văn hiệu Thơ-Đồng. Bạn thân với các cụ Tiều-La, Sào-Nam. Trong ngoài thường có thư từ qua lại mà chính nhà Châu là cơ quan.

Bị bắt Châu mang chửi chánh sách bóc lột Pháp và nhận cả mọi việc, từ cách mạng đến cuộc chống suru đều một tay đè xướng. Vào ngực rồi giải lên tỉnh đê kết án, Châu tuyệt thực trong hai mươi ngày. Ngày đày ra Lao-Bảo tới Huế thì tắt thở. Châu tuyệt thực bảo người bạn cùng giam :

« Tôi làm phần dễ, còn phần khó sau này các bạn gắng lấy ». Người bạn có khóc Châu :

« Nhán dai úy tử, quân độc bắt tham sinh, bát xích tu my, tu dự hà son đinh nhất bảo ».

« Thùy vi kỷ nan, quân khuróc vi kỷ dị, nhất phần trách nhiệm, các lương tâm huyết cáo đồng bào ».

Nghĩa là :

« Người đều sợ chết, người chẳng tham sống nhơ, tâm thước mày râu, thẹn với non sông lo bùa gạo.

« Ai đương việc khó, người dành làm việc dễ, một phần gánh vác, hãy đem tâm huyết tỏ đồng bào ».

« Ngã bắt nan xã sinh, nại hả tai Trung thiên dịch sơ khai, Dụ lý thất niên tiền vi diễn.

« Quân nãi nǎng tựu nghĩa, nan đắc giã vạn thế kinh độc thủ, Thủ dương thiên tải hận do văn. »

Nghĩa là :

« Ta có tiếc cái sống đâu, khổ vì dịch Trung thiên mở đầu, Dụ lý bảy năm chưa diễn trọn.

« Người làm trót điều nghĩa đấy, khó là kinh muôn đời giữ vẹn, Thủ dương ngàn thuở vẫn nghe thơm » (Trần-cao-Vân).

(Sau Cao lên đoạn đầu dài trong cuộc Duy Tân khởi nghĩa, rõ không phụ với câu đối trên).

II.— Trần-quý-Cáp lên đoạn đầu dài. Cụ Trần-quý-Cáp là một lãnh tụ trong phái đề xuướng Tân-học. Sánh với cụ Tây-Hồ phong khí Quảng-Nam có chiêu đổi mới. Nào thương hội, nào trường học, cùng diễn thuyết áo trang v.v... Cụ có sức cảm hóa rất mạnh, vì thế trong dịp tan cựu xung đột, cụ đã thành cái định trước mắt các nhà đương cuộc cả Nam và Pháp. Đương làm Giáo-

tho ở phủ Thăng-bình, bèn bị đổi vào làm Giáo-tho ở huyện Tân-định, tỉnh Khánh-hòa.

Cụ vào Tân-định đầu tháng giêng năm 1908 đến cuối tháng hai ở Quảng-Nam mới có tần kịch dân chúng xin sưu. Thực tình không rõ đầu đuôi câu chuyện, không những không can dự cũng không ngờ có thể xảy ra một cách lan rộng như thế.

Đã là cái nêu đề bọn quan lại Tây Nam thủ cựu chầu mắt vào lại thù hiềm riêng là khác. Nhân dịp dân xin sưu dùng kể đám cụ một vết thương, viên quan hèn mặt nọ xui người viết thư nặc danh cỗ động việc chống sưu, do nhà bưu điện gửi vào cho cụ mà do viên tri huyện Tân định chuyền giao.

Tiên tri huyện này tiếp được bức thư nào của cụ là đưa sang Tòa Sứ mà không đưa sang cụ, Tòa Sứ giao tỉnh xét. Quan tỉnh cùng bọn trành hồ được dịp nịnh người Pháp, lập công kết án tử hình, cho cụ là người đứng đầu cuộc chống thuế cả xứ Trung-kỳ, bắt đưa ngay lên đoạn đầu dài rồi mới tư Bộ. Đây là theo lời người làm việc trong tỉnh Khánh-hòa là người phủ Điện-bàn hiểu việc ấy thuật lại.

Cái án « mạc tư hữu » cùng giọt máu vị quốc dân hy sinh của cụ nhuộm sâu vào lòng người không khi nào phai mà bọn trành hồ thêu dệt giết người đó kẻ bị đui mù, người bị chết dịch, và bị tiếng mắng chửi muôn đời. Rõ là trời có con mắt.

III.— Bản án quan tòa tỉnh Quảng-Nam buộc tội (dịch theo nguyên văn chữ Hán) :

« Bọn Huynh-thúc-Khang, Phan-thúc-Duyên, Lê-bá-Trinh,

Dương-Thạc, Trương-bá-Huy, Nguyễn-Thành v.v... đều là người trong khoa mục danh sắc há không biết người phản quốc Phan-bội-Châu là không nên theo mà Nguyễn-Thành thấy y tới nhà bèn mời Phan-châu-Trinh, Huỳnh-thúc-Khang cùng nhau mặt nghị. Kế đó Phan-bội-Châu ra khỏi nước, bọn Phan-thúc-Duyên, Lê-bá-Trinh và Nguyễn-dinh-Tấn cùng xướng lập thương hội ngầm ngầm gửi tư trợ. Theo « Ngụy tác Hà » đã khai « Phan mỗ có gửi về mỗi người một bức thư không rõ trong thư nói gì... » xem dấu tích hành vi như thế, bảo rằng không nhị tâm có ai tin được ?

« Nay xét làm thì có câu « xóa mạ lao lung » gửi thư có câu « cường quyền duyên tự » mà các bài diễn thuyết đều nêu câu « lấy yêu đồng bào làm tôn chỉ ». Tuy trong cuộc diễn thuyết vẫn nói các chi tiết : « Khai tri, tri sanh, tinh xa sùng kiệm », song đại khái lấy đề xướng « dân quyền » làm mục đích, khêu mồi bôi loạn cho phần đông. Dò xét đến nguồn gốc là do Phan-chu-Trinh, Huỳnh-thúc-Khang để xướng mà các người kia phụ họa theo. Hiện hạ hạt dân nào đồng, hẳn do thuyết dân quyền làm bước đầu mà kích thành cuộc biến này. Nếu không chiều luật nghiêm trừng thì nhân dân bắt chước làm càn, không khỏi có phòng ngại đến chính quyền mà cuộc cai trị gấp nỗi khó khăn.

Vả chăng, việc này thủ xướng chẳng qua một vài người, còn thì biết mà không ra thú, hoặc không biết mà theo mù; một mai bả vào lưới tội cả thì nước nhà có chỗ bắt nhẫn. Vậy nên xét theo lúc bình nhật tham hộp cá chứng luận, kiết nghĩ minh mạch cho được thỏa đáng : Huỳnh-thúc-Khang, Phan-thúc-Duyên cùng Phan-chu-Trinh đồng tội, xử tử ra Côn-Lôn, gấp án xá không tha, còn

Nguyễn-Thành, Lê-bá-Trinh, Trương-bá-Huy, v.v... trượng nhất bách đồ tam thiền lý cải hạng khở sai cửu niên.

Trên là án mấy người, còn Tú-Dương Hương-Cảnh Hương-Quản cũng dày ra Côn-Lôn không rõ kết án thế nào. Riêng Trần-cao-Vân còn giải vào Bình-định mới kết án, năm sau cũng án chung thân dày ra Côn-Lôn. Cộng cả sĩ dân là 9 người. Cụ Phan-tây-Hồ ở Hà-nội giải về Huế dày ra trước. Còn Thông-Cao, Dương-Thưởng v.v... dày ra Lao-Bảo là khác. Không kể số đồng chín năm giam ở tỉnh, như án Châu Chẽ vì cùng đi đồng thuyền với vị Giáo-thợ Trần-quý-Cáp, án Tư Cán dạy học trò tập thể thao là giáo nhân dũng được phóng tú...

Đọc án văn trên, thấy cái lối quan tòa Nam triều buộc tội không cần chứng cứ, không biện lệ luật, lấy ý đoán chứng mà kết án. Lạ hơn nữa là bắt giam vào ngục, rồi bắt đi dày trước, sau không tuyên án. Án trên là sao lục trong hồ sơ.

Lúc ở ngục giam từ cuối tháng hai đến tháng tám năm 1908 mới phát Côn-Lôn.

QUẢNG-NGÃI

Trước cuộc cự sưu thi Quảng-Ngãi cũng như Quảng-Nam, sĩ phu như Cử Suy, Cử Quảng, Cử Cầm, Bộ Khiết, Ấm Loan, Tú Phạm, Cao Châm cùng một số đã xem báo sách mới, đã có người xuất dương du học như Lê-Cơ, Lam-Trung v.v... tân cựu có chiều xung đột.

Đến nhịp « cự sưu » xảy ra, bọn buôn bán ra Hội-An thấy thế truyền-tin đến Quảng-Ngãi là dân chúng hưởng ứng một cách bồng-bột.

Trước hết dân chúng tụ tập xung quanh tỉnh và các phủ huyện, lại có vài người Quảng-Nam chỉ mang cái kéo, cái lược vào truyền nhau cúp tóc xin sưu. Trong bọn quan coi đốc việc sưu, có Lãnh-binh X. hành hạ dân gieo oán thù đã sẵn, dân vây bắt vợ con làm nhà giam lại. Ngoài ra dân truyền đơn kề tội quan Quận công Thạch-Trì.

Thế là thân sĩ và dân bị bắt giam, có cái hình cụ rất mới là làm cái gông bằng cây tre dài, gông chung ba bốn người vào một gông, mà bắt phơi nắng. Ngoài ít dân bị bắn, ông Bố Khiết trước làm tán tường lúc Nguyễn-Thân đi tiêu Quảng-Nam và Nghệ-Tĩnh, ông Ám Loan cựu đảng Cần vương bị tử hình, còn các ông Cử Suy, Cử Quản, Tú Châm, Tú Tuyên, Huyện Mai bị đày ra Côn-Lôn. Cử Quản chết ngoài đảo. Cử Suy và Tú Châm tha về, lại tham gia « Duy tán khởi nghĩa ». Cử Suy bị tử hình, còn Tú Châm lại đày ra Côn-Lôn, sau bị chém bắn với Nguyễn-trọng-Thưởng trong tần kích « từ chung thân khởi nghĩa » năm 1918.

Quanh cuộc cự sưu này, ông Tú Trần-kỳ-Phong (Nghĩa Bình) trước kia cùng Tú Cơ em Cử Cản có sang Tàu gấp cụ Sào-Nam ở Quảng-Đông, Quảng-Tây, mang một ít sách mới về. Đến cuộc cự sưu, ông trốn thoát ra miền Bắc dịch sang Tàu nhưng đường sá canh phòng nghiêm nhặt, đành trở về miền Nghệ-Tĩnh rồi về Quảng-Nam bị bắt cũng đày ra Côn-Lôn.

Cháu ông Tú Châm Phạm-Cao-Dài cũng trốn ra nước ngoài học chế tạo đạn ở Hương-Cảng, có bệnh long óc sau bị bắt đày ra Côn-Lôn rồi cùng Hy-Cao, Cửu-Cai kết bè gõ vượt biển sang Quảng-Đông rồi đi Thượng-Hải. Hy-Cao

bị bắt giải về Hà-Nội, nhân binh đau óc ở ngực Hòa lò rồi chết tại đây.

Sĩ phu cùng dân Quảng-Ngãi khăng khái, và kiên quyết, phần đông hy sinh vì nước, một mực thẳng tới không thối lui trước một trở lực nào. Đại khái như ông Cử Cản với Nguyễn-Thân công nhiên bài xích không kiêng nè. Lúc ông Khiết, ông Loan bị tử hình, ông ta định nhắc đến lần mình gọi lớn : « Làm trai có chết thế mới tươi tốt ». Nhưng ông ta lại khỏi bị, nên có bài thơ :

*Cố quốc sơn hà trọng,
Tân triều thế lực khinh.
Hùng tâm vong đĩnh hoạch,
Tô mộng đoạn côn kính.
Dục hiện cao trường khấp,
Ninh tri cát bất thành.
Tung nhiên lưu nhiệt huỵết,
Đồng loại hấp văn minh.*

dịch :

*Nước cũ non sông nắng,
Triều tân thế lực hèn.
Thân sá kiêng đầu vạc,
Lòng thè giết loài kinh.
Muốn học Cao luôn khóc,
Nào hay Cát chả nén.
Ta hờ trôi máu đỏ,
Đồng loại hưởng văn minh.*

BÌNH-ĐỊNH

Ai cũng biết Bình-Định là đất gây dựng nên vị anh hùng Nguyễn-Huệ : từ một tên dân trong thôn quê quật khởi vùng vây non sông, mấy năm trường oanh liệt làm cho quân Mǎn-Thanh, quân Xiêm kinh hồn khiếp via. Lại như Mai-xuân-Thưởng, Tăng-bạt-Hồ, trong cuộc nghĩa hội Cần-Vương. Mai thi tử tiết, còn Tăng bôn tẩu cả trong nước và ra ngoài, trường trải trên hai mươi năm trời, lại cùng cụ Sào-Nam gây cuộc cách mạng chống Pháp. Nhân dân Đò-bàn xưa nào có phải là dân hèn !

Cuộc cự sưu Nam-Nghĩa vừa lan vào Bình-Định, thì ngọn sóng khởi lên một cách bồng bột hơn các nơi. Nhân cuộc Nam-Nghĩa quan trường đã có lệnh gọi các quan Phủ Huyện về Tỉnh cả. Dân tới Phủ, Huyện còn gấp thay thông, tên lè nào đều bắt cúp tóc, còn toàn dân thì nêu hai chữ «đồng bào» để hiệu triệu có đặt ra «anh hai, anh ba, anh tư», nhường chức «anh cả» cho ngoài Nam-Nghĩa. Khắc con dấu «đồng bào ký» phát thê truyền khắp trong dân gian.

Dân chúng một mặt kéo đến tụ họp quanh tỉnh, sắp đặt có thứ lớp và cầm thẻ nêu, lớp trong là dân cảm tử, lớp ngoài là dân tự cường v.v... rồi lớp này thay lớp nọ, người ở nhà thì mang cơm gạo cho dân xin sưu, kéo dài như thế gần cả tháng. Một việc táo bạo là bắt bọn thu thuế chợ, nhất là tay nào ác nghiệt có tiếng. Thấy bắt mà không thấy trả về, nói giải ra ngoài dinh «anh cả» (Nam-Nghĩa) xứ án...

Ông Hồ-sĩ-Tao người đạo đức danh vọng trong tỉnh, nhà ở gần chợ Cầu Chàm cách tỉnh ly độ vài cây số, làm tri huyện gấp tang sự ở nhà.

Dân chúng kéo nhau tới nhà ông lớp này tiếp lớp khác, buộc ông đứng tên ký cho đồng bào. Ông từ chối mãi, nhưng chúng cứ đến. Thế là ông bị bắt cùng Nguyễn-trọng-Trì cần vương cựu đảng, tú tài Nguyễn-duy-Viên, học sinh Hồ-Như-Ý cùng hào dân rất đông. Sau khi tan cuộc, quan tỉnh cho lính về nhà quê phát bài chỉ thuế cho các làng mà còn có người bị dân bắt giết.

Tấn kịch xin sưu ở Bình-Định, người ta gọi quen là giặc «đồng bào» hay đảng «cúp tóc» kết cục vài mươi người bị tử hình ở chợ Cầu Chàm và mươi một người đày ra Côn-Lôn.

Tú Viên, Học Ý, Chánh Hảm, Phó Khả, Trùm Lập, Xã Hữu, Hồ Cương, Hương Thức cùng dân : Chi, Can, Tinh (ba người này là thường dân đi đốn củi gấp lính, bị bắt chở không phạm tội gì).

Phong trào «cúp tóc», ở Bình-Định viên Phủ X ra tờ cảnh cáo người ta còn truyền tung, có câu : «*Than ôi ! Biển khô ngàn trùng, cứu vớt ngoa truyền Phật sống, giờ to một trận dân đen thấy hóa thây tu*». (Tá hồ khô hải thiên trùng, tế độ ngoa truyền hoạt Phật. Cuồng phong nhất trận kiềm lè tan hóa hành tặc).

Xem thế đủ biết phong trào này ở Bình-Định rất bồng bột.

PHÚ-YÊN

Ở Phú-Yên mới có vài người Bình-Định vào cõi động, cúp tóc xin sưu ở miền sông Cầu thì bị bắt. Hương Đơn bị bắt ở Vũng-Lấp kết án tại Tòa tỉnh Phú-Yên, bảy năm đày Côn-Lôn.

Con ông Tú Trung ra học ở Quảng-Nam, trường Diên-phong bị bắt giải về. Ông Tú thường ra Quảng nói chuyện tân thơ cũng bị đày đi Lao-Bảo.

KHÁNH-HÒA

Cụ Trần-quý-Cáp người Quảng-Nam bị lén đoạn đầu đài ở Nha-Trang, cái án vô nhân đạo này, khi ban ức rung động khắp trong nước.

Nguyễn-tu-Trực, con bà Đốc Chi năm trước cụ Tây-Hồ và cụ Thái-Xuyên nam du có ghé nhà ở chơi mấy hôm, đọc bài thi « chí thành thông thánh » cùng bài phú « lương ngọc danh sơn » Tư-Trực có nhớ đổi câu đọc chơi cũng bị bắt tra tấn.

BÌNH-THUẬN

Cụ Đặng-nghuyên-Cần, hiệu Thái-Sơn, trước làm Đốc học ở Nghệ-An vì bị nghi trong đảng Đông học nên đổi vào Đốc học Bình-Thuận cũng bị bắt giải về Nghệ-An, sau đày ra Côn-Lôn.

Trên đây là tần kịch ở miền Nam, sau đây là chuyện xảy ra ở miền Bắc.

THỪA-THIÊN

Thừa-Thiên là nơi gần vua quan hơn các tỉnh khác, đồng thời kinh đô lại là nơi sĩ phu và học giới trong nước tụ tập, vì thế trong sĩ phu có người đã tiêm nhiễm Tân học cùng sách báo mới ở nước ngoài lọt vào, đầu là phải quan trên thường rắn dỗ cũng không ngăn được phong trào mới, nên chính ở Thừa-Thiên cũng có mở hội buôn hưởng ứng với hội « Hợp thương » ở Quảng-Nam cùng hội « Triển dương » ở Nghệ-An,

nhất là bản điều trần của cụ Tây-Hồ được nhiều người tán tụng.

Nhân tần kịch cự sưu miền Nam, dân chúng ở Thừa-Thiên cũng nồi lên một cách bồng bột có bắt viên Lãnh-binh cầm giữ. Nhưng lúc ấy ông Trần Trạm làm Phủ doãn có tiếng thanh bạch được lòng dân kính nể nên thu xếp được mau. Trong đám lãnh tụ đồng dân có cậu ấm sinh trẻ tuổi là Lê-dinh-Mông, người Giả-lê, bị án chung thân đày ra Côn-Lôn.

Sau bốn năm được tha về, lại có cậu học trò tên là Quynh đi trốn cùng một ít thanh sĩ bị giam (cụ cử Võ-bá-Hap v.v...)

QUẢNG-TRỊ, QUẢNG-BÌNH

Hai tỉnh này mới rục rịch bàn nói đến chuyện cự sưu, chưa kịp hành động thì sĩ dân đã có người bị kết án « phụ ngôn Nam, Nghĩa cự sưu chí sĩ ». Cái án rõ là thú nhỉ ! và mai mỉa làm sao ? !

HÀ-TĨNH, NGHỆ-AN

Nghệ-Tĩnh và Nam-Nghĩa, từ phái văn học đến phái Cần vương nghĩa hội, thường một mạch câu thông với nhau. Đến phong trào Tân học cải cách cùng Đông học cán dùi trống một nhịp với nhau, dân Nghệ-Tĩnh hò reo như gió đưa diều ; Hà Tĩnh thì huyện Can-Lộc cùng vùng làng Hạ-lôi, Kỳ-trực dân chúng tụ họp vây huyện ; Nghệ-an dân cũng xôn xao tụ tập, truyền đơn dán khắp nơi, kè tội quan lại rất kịch liệt. Có chuyện thú là quan huyện Can-Lộc hỏi dân :

— Ai bày các anh làm việc này ?
— Bầm quan ! Tân thơ !

Vụ này Hà-Tĩnh có Trịnh-khắc-Lập, Nghệ-an Nguyễn-hàn-Chi là hai tay học cứng : Quan truwong cho là tội khôi nên bị tử hình, còn đồng thời bị đày ra Côn-lon với Đốc học Đặng-nguyên-Cần, Tấn-sĩ Ngô-đức-Kế, Cử nhân Đặng-văn-Bá, Lê-văn-Huấn (ba ông này bị bắt trước vụ cự sưu), Đỗ Tịnh, Đội Phương (cựu đảng Cần-vương Lý Hạ-Lôi, Lý Tư, Hương Hạp).

Năm sau có Tử Trác, Nho Sang, Ký Long, Tú Kiện, Tú Ngôn, Cử Tịnh, Hoàng-xuân-Hành, Lê-Võ, Nguyễn-tư-Thản (sau cuộc chống thuế, can tội bạo động) cũng bị đày ra Côn-lon. Lý Hạ-Lôi, Nho-San, Ký Long, Tú Ngôn, Nguyễn-Thản, chết ngoài đảo, còn mấy người mẫn hận mới được tha về.

Lúc ấy có câu đối khóc Trịnh-khắc-Lập :

« Nhân sủ dai tiên sinh, tuy sưu thuế vi kim nhật chí
đại vắn đè hổ trước long thón, yết dục hạ nhi bất nang hạ ;

« Cố sở vị liệt sĩ tri thiết huyết vi hậu lai chi lương
kiết quả đường kinh oa vộ, đầu khả tồn, diệc bất tắt tồn. »

Nghĩa là :

« Ai cũng như tiên sinh, dẫu sưu thuế là vắn đè to
lớn ngày nay, cợp nuốt rồng nhai, cồ muốn xuống cũng
không thể xuống ;

« Xưa gọi bằng liệt sĩ, biết máu sắt là kết quả tốt
đẹp mai hậu, chầu kinh ếch giận, đầu có còn cũng
không cần còn ».

Và câu đối khóc Nguyễn-hàn-Chi :

« Bút dục thư tắc thư, khâu dục ngôn tắc ngôn, phiên phiên
khả ái tai, nhân cách đô tung tân học xuất. »

« Văn quân thê vị thê, văn quân tử vị tử, khản khản
hà vi giả, huyết ngắn toàn vị quốc dân lưu ».

Nghĩa là :

« Bút muốn viết thì viết, miệng muốn reo thì reo, phơi
phơi đáng yêu thay ! nhân cách rèn nên từ học mới ;

« Hỏi con vẫn chưa con, hỏi vợ vẫn chưa vợ, khặng khặng
làm gì đấy ? Máu tươi tuôn chảy với đồng bào. »

THANH-HÓA

Thanh Hóa trong lúc ấy cũng đã có ban cựu học cùng Âu
Học hưởng ứng với trào lưu chung, có lập ra Hà-thanh
thư xã, cùng giao thông với Đông-kinh Nghĩa-thuc ngoài
Bắc, Hợp-thương trong Quảng và Triều-dương ở Nghệ.
Cụ Tây-Hồ lúc xuất dương về (1906) có gặp sĩ phu ở Thanh.

Khi phong trào cự sưu bùng ra ở Nam-Nghĩa, sĩ phu Thanh
cũng nóng lòng hưởng ứng ; nhưng chưa kịp hành động mới
có tờ hiệu triệu quần chúng dán ở đường phố trong
tỉnh, quan tỉnh bắt được tờ giấy ấy, biết là do bọn sĩ
phu cỗ động, bèn bắt mấy tay có danh hạ ngực và tra
tóm ai viết tờ hiệu triệu ấy. Đại-ý trong tờ hiệu triệu :
« Dân chúng Nam-Nghĩa đã vì khở chung của đồng bào
mà họp nhau yêu cầu giảm thuế là một việc chánh
đáng, sẽ có kết quả tốt. Ấp Thanh-Mộc là đất danh
tiếng xưa nay, há toàn cả đàn bà, không có bọn mày
râu hay sao ? Nếu dân tỉnh Thanh ta lanh đạm ngày sau
được ăn giám thuế sưu, chúng ta dẫu biết hồ thẹn mà
ăn năn cũng đã muộn rồi, v.v... »

Về việc hình phạt thì các tỉnh khác đang giữ lẽ độ
đối với sĩ phu, còn ở Thanh thì đã dã man vô cùng,

tra tấn rồi kết án không cần biết rõ tội lỗi. Ông Tú Lê-nghuyên-Thành đứng ra nhận cả, nhưng các bạn cũng không khỏi bị án chung thân hay chín năm cùng năm năm đầy ra Côn-lôn : Cửu Xưng, Cử Soạn, Tú Thiệp, Tú Ta, Cử khai, Huyện Nam, Ký Tin (hai người sau này là cha con người Bắc ở Thanh).

Trên đây là kết cuộc vụ chống thuế ở Trung-Kỳ, kẻ tử hình (ngoài dân bị bắn, chém vô danh) người có tên tuổi thì Cụ Trần-quý-Cáp, Ông Ích-Đường, Tú Cang, Trùm Thuyết, Xã Ngọc-Kinh (Quảng-Nam), Tân Loan-Bồ-Kết (Quảng-Ngãi), Trịnh-khắc-Lập, Nguyễn-hàn-Chi (Nghệ-Tĩnh) đều lên đoạn đầu đài.

Tú Thạc, Tân Hàm, Hương Cảnh, Hương Quản (Quảng-Nam), Cử Quản, Tú Chầm (Quảng-Ngãi) Lý Hạ-Lôi, Ký Long, Nho San, Tú Ngôn, Nguyễn-tư-Thảo (Nghệ-An), Cử Xưng, Tú Thiệp (Thanh-Hóa) đều bị chém hoặc bị đầy ra Côn-lôn.

Chết ở Lao-Bảo thì có Thông Cao, Dương Thường v.v..., còn chết ở các lao tinh thì không kể hết được.



Văn khóc cụ nghè Trần-quý-Cáp

Công lý là lẽ phải ở đời. Pháp luật đặt ra là để ngăn người khỏi sa vào tội lỗi. — Mọi người trên hoàn cầu xưa nay, ai cũng phải nhận nhận như thế là phải. — Nhưng phải với chính thề nào, phải với ai, chờ đến với bọn cương quyền như thực dân Pháp thì chả phải chút nào, vì những cái đó chỉ là những danh từ rỗng tuếch. Và càng rỗng tuếch hơn nữa đối với những dân tiều nhược ở dưới quyền cai trị của chúng.

Bài « văn khóc cụ Nghè Trần-quý-Cáp » của cụ Phan-bội-Châu này thật đã lột ra một cách vô cùng mỉa mai và vô cùng oán hận về cái tinh thần « công lý và pháp luật » trong thời thực dân Pháp còn ngự trị ở đây.

Chúng ta có sinh ra làm dân mất nước mới biết rằng :

Hiền nhân quân tử là phạm vào cấm vật của nhà cầm quyền ;

Triết học chân lý là can vào tội điều của nhà pháp luật.

Nếu chúng ta không phải là dân vong quốc, làm gì mà biết được như thế.

Dau đòn thay ! Một người bạn tinh thần của chúng ta là ông Thái-Xuyên (1)

Năm Mậu Thân đời Thành-Thái bị chính phủ bảo hộ nước Pháp và cớ khép cho ông cái tội « mạc tu hưu (2) » xử ông bằng luật trảm quyết.

Ngày rằm tháng tám đêm ông ra giết ở giữa chợ Diên-Khánh, lúc đó toàn quốc nhân sĩ ai cũng biết là oan.

Nhung mà có oan gì đâu !

Hê người đã làm dân vong quốc, đã nấp nép dưới chánh phủ cường quyền thì cái sự vô cớ đắc tử hình là thường lắm.

Ông Thái-Xuyên :

Sinh bình thờ cha mẹ hết sức hiếu, ở với anh em hết sức đẽ, ở với làng nước bạn bè hết sức trung tin.

Làm thầy dạy học trò thời hết nghĩa vụ làm thầy.

Đọc sách thánh hiền, một lời nói, một nết làm, tất hết sức theo khuôn nầy mục.

Nhớ khi ông ra tới trường chém, dao đã kề cổ, còn thung dung xin với quan giám trảm, cho đặt án đốt hương, áo mao nghiêm trang, bái tạ quốc dân ngũ bái, rồi khảng khái tựu hình, sắc mặt in như khi nhóm trò giảng sách.

Chao ôi ! Thảm thiết, mà cũng tráng liệt thay !

(1) Tên hiệu của cụ Nghè Trần.

(2) Án không cần phải có tội danh gì.

Chúng ta đọc sách cũ Đông-phương, thấy luật « yêu ngôn » của Tần Thủy-Hoàng, luật « phúc phi » của Hán Vũ-Đế, thường nghĩ rằng nghiêm hình oan ngục của đời quân chủ chuyên chế, thiệt không ai độc hơn.

Ai dè làm dân bị bảo hộ của nước dân chủ tự do mà oan thảm lại ghê gớm hơn nữa.

Nếu một người đạo đức phẩm hạnh, học văn văn chương như ông Thái-Xuyên ta, mà sinh ở đời Tần-Thủy-Hoàng chắc còn làm được Phuc-Sinh, Thành-Công, ở đời Hán-Vũ-Đế còn làm được Cấp-Âm, Đồng-Trọng-Thư. Có đâu phải đến nỗi làm một chí sĩ mà mất đầu, phải trôi máu dưới lưỡi dao vô đạo.

Ôi, ông Thái-Xuyên !

Ôi, ông Thái-Xuyên !

Oan thảm cho ông, đành oan thảm cho ông ! Mà thứ nhất là oan thảm cho đồng bào ta vậy.

Từ xưa đến nay, nhà chính trị thường nói rằng pháp luật là vì người có tội mà đặt ra. Nhưng chẳng qua nhà cường quyền mới nói như thế, nếu dân nhược tiểu mà đúng nhà cầm quyền thì cho nhận xét như thế là lầm vạy.

Nghĩ như ông Thái-Xuyên mà được kết án xử tử thì tội gì ? — Chỉ vì lẽ trung hiếu thiên tính.

Hay là tội ông tại giảng học mới ? thi học mới từ Âu Châu truyền qua, cớ gì cấm người ta không được giảng ?

Hay là tội ông tại hay giảng công lý ? thi công lý là một lẽ rất phô thông, cớ gì cấm người ta không được kể ?

Hoặc giả vì lúc đó dân Quảng-Nam có việc xin xâu mà ông bị hiềm nghi phiến động hay sao? — Thì lại không phải. Bởi vì lúc đó, ông còn làm thày dạy học ở Khánh-hòa, ông chưa về Quảng-Nam bao giờ. Chắc cái việc xin xâu, ông hoàn toàn không biết tới. Thế mà tự nhiên đắc tử hình!

Thế thì ông chết vì tội gì?

Chính vì cái tội ông là người mất nước.

Pháp luật mà chi?

Đạo lý mà chi?...

Chúng ta nhắc đến lịch sử ông Thái-Xuyên, chúng ta khóc ông Thái-Xuyên, cùng khóc dù bị cho hai mươi lăm triệu đồng bào nứa vậy.

Hồi ơi! Than ôi! — Gurom vô đạo chẳng từ ai, mệnh thánh hiền mà đành như vậy.

Trời chi công sao nỡ thế?

Gương nhạt tinh há lẽ mờ chăng?

Suối đỏ kia ai thăm viếng, huyết Tranh-Hoàng biếc nhuộm non xanh!

Giống vàng chắc chưa diệt đâu, hồn Tinh-Vệ thè diễn biến bạc.

Mấy lời bạn cũ!

Tắc dạ thần soi!



Bài khóc cụ Tiều-La Nguyễn-Thành

Cụ Tiều-La Nguyễn-Thành sinh năm 1863 tại làng Thạnh-Mỹ, phủ Thăng-Bình tỉnh Quảng-Nam, tục gọi cụ ấm Hàm. Cụ là một kiện tướng trong phong trào Cần-Vương chống Pháp ở Trung-Việt. Khi phong trào thất bại, cụ ẩn mình ở Sơn-Trang Nam-Thịnh, rồi cùng cụ Phan-bội-Châu thành lập Việt-Nam Quang-Phục-Hội ở Quảng-Nam. Cụ hoạt động rất hăng, các công việc xếp đặt cho cụ Phan xuất dương trước sau đều do cụ chủ mưu. Năm 1908, cụ cùng các đồng chí xưởng cuộc kháng thuế ở Quảng-Nam. Cụ bị thực dân Pháp bắt đưa ra Côn-đảo, được 2 năm, cụ mất vì chứng bệnh thò huyết.

Bài khóc cụ Tiều-La này là của cụ Phan-bội-Châu viết ra sau ngày cụ về nước, vì khi cụ Tiều-La mất thì cụ Phan còn bị Long-tế-Quang, tổng đốc Lưỡng Quảng cầm tù ở Trung-Hoa. Đọc lên, chúng ta sẽ thấy tình cảm của những người cách mệnh đối với người cách mệnh ra sao, cũng như tinh thần của cụ Tiều-La đã đối với cách mệnh thế nào!...

HỒI OI!

Tiều-La anh ơi!

Chúng ta sinh gặp thời đại này, nếu đã vá tròn trời khuyết, lắp cạn bè oan, thời dẫu năm năm, mười năm,

hoặc hai mươi năm nữa, mang rốn lấy kiếp phù sinh,
mùa đùa với tay con tạo, chẳng làm thích chí sao ?

Nhưng việc đó há dễ dàng đâu.

Nhờ anh có câu thơ :

Bồ thiên vô lực đàm thiên vị,

Tế thế phi tài tí thế nan. (1)

Thật cảm khích, mà cũng đau đớn cho đời chúng ta vậy.

Năm xưa em còn ở ngoài bờ, được tin anh ra Côn-
đảo thời tê chi dĩ một.

Trời ơi ! một người như anh mà sự nghiệp mới có
ngắn ấy, hỏi đáng đau đáng tiếc biết chừng nào mà kề.

Tuy nhiên, thiên hạ bất như ý sự, thập thường bát
cửu (2), huống chi thời đại của chúng ta bây giờ, trăm
nghìn việc đều là bất ý cả kia mà !

Than ôi ! Từ thuở đất trời đồi ngói, núi, sông thay
về, kề trước khi chưa có anh, kề sau khi đã mất anh :

Biết bao máu hiền nhân chí sĩ, biến nhuộm cổ xanh;

Vô số xương nghiệt tử cõi thần, trắng phau đá bạc.

Kề đáng đau đáng tiếc, há phải một mình anh đâu.
Nhưng riêng về Bội-Châu này thời đã đau tiếc vì đại
nghĩa, lại còn đau tiếc vì tư tình.

Nghĩ một người đào tạo ra em, thành tựu cho em
mà bây giờ kề khuất người còn, hồn trời phách đất.

(1) *Vá trời không sicc, bàn trời dễ ; cứu đời không tài, lánh
đời khó.*

(2) *Việc thiên hạ đến 8, 9 phần 10 không được như ý mình,*

Mây Hải-vân mờ mịt bóng gươm vàng ;

Bè Đà-nắng chập chờn cơn sóng bạc.

Em thường ngâm nghĩ chuyện trước hai mươi năm :

*Mưa gió bên màn, gói Việt-Thạch chung đồng khi
thíc nhấp ;*

*Thần minh trước án, rượu Văn-Trường dẫn chén lúc
phô bày.*

Kề bọn đồng chí đồng sự trong mấy năm ấy, thâm
tri em chẳng ai hơn anh mà thâm tri anh cũng chẳng ai
hơn em.

Ôi anh ơi ! Ôi anh ơi ! Em nay lẻ loi lận đận !

Trời xế đường xa, kề tâm sự với ai, thăm đường
lối với ai !

*Anh còn sống lại được chăng ? trời khôn thăm hỏi ;
Em đã về không tro đó, đất quá hép hỏi.*

Ngậm ngùi nóng nỗi ấy ;

Bối rối sự tình này.

Mà bảo rằng không đứt ruột rời chau với anh có thể
nào dặng.

Than ôi ! Lịch sử anh thế nào, nhân cách anh thế
nào ? — Những ai là người có tâm huyết, có mắt tai,
chắc đều biết thầy.

Em nay xin kề lại vắn tắt mấy câu, còn như thường
thuật thủy chung, em đã viết vào bản « Việt-Nam nghĩa
liệt sử » bằng Hán-văn.

THAN ÔI !

Thất bại mà vẫn anh hùng !

Thời cùng mới thấy tiết nghĩa.

*Kiếm mã thuở đầu xanh khởi nghĩa, tuổi hăm chín
đã nức tiếng tri binh ;*

*Phong vân khi tay trắng chống trời, sau trăm trận
vẫn bền gan sát tac.*

*Vai vế rập anh em đủ ngón, mười năm lẻ kinh doanh,
chuốt vây rồng toan thời chin từng mây.*

*Lược thao đánh binh giáp ngang lưng, đói phen sắp
xếp trong ngoài, mai vuốt cọp quyết xông tư mặt gió.*

*Vận tồ quốc đương hồi diên đảo, nên nỗi tài cao mà
cứng mạnh, lười cường quyền bùa sụp tối người khốn.*

*Kiếp đồng bào chưa thoát khỏi trầm luân, ngắn chiều
thuyền ngược nức đương xuôi, thân hào kiệt hy sinh vì
sóng dữ.*

*Côn-lon đảo xây mồ thần thánh, tiếng chiêu hồn ba
vạn sóng chung quanh ;*

*Hải-vân quan nghi ngút khói chung thành, bia bất hủ
mấy từng non dặng đặc.*

ÔI THÔI THÔI !

Nghĩ càng xót ruột,

Nói chẳng hết lời.

*Chỉ em chưa thỏa đã đành, mà thân em còn sống
sót tối nay làm thế nào bây giờ ?*

*Địa hạ cáo trinh anh, hồn thiêng anh chỉ vẽ giùm
cho, họa may cái sống thừa của em, nhờ anh mà còn
có hy vọng.*

*Vì vậy, đêm khuya trời lặng, rách máu đốt hương,
em viết mấy lời gửi thăm anh ở dưới suối vàng và lại
có bài gửi thăm anh Ô-Gia với anh Nam-Xương (1).*

*Đau đời nên phải nhớ tiên sinh,
Ưu quốc xưa nay bậc lão thành.*

*Tay trắng đỡ liều vai gánh nặng,
Lòng son đưa trước bạn đầu xanh.*

*Bội-Châu không bác e vô sự,
Lao-Bảo nhở ông mới có danh.*

*Tiếc bác lấy gì an ủi bác,
Một chung rượu lat máu thần minh.*

*Bảy thước thân trai gánh nợ đời,
Tinh thần khu xác một mà hai.*

*Trong vòng lồng chậu không chim cá,
Trước mắt non sông có bể trời.*

*Cây cỏ biếc đem giây máu nhuốm ;
Ruột gan hồng cagy tấm trắng soi.*

*Chúng ta cũng vẫn giòng Hồng-Lạc,
Xin hỏi Nam-Xương có mấy ai.*



(1) Hai đồng chí của cụ Phan đã chết.

Chiêu hòn quốc-văn

Tác giả bài này là cụ Nguyễn-thượng-Hiền hiệu Mai-Sơn, sinh năm 1868, tại làng Liên-Bạt, phủ Ứng-hồ, tỉnh Hà-Đông. Xuất thân trong một nhà đại gia văn học. Năm 17 tuổi, cụ thi đỗ Cử nhân. Năm 18 tuổi, cụ thi đỗ Đinh-nghuyên. Nhưng chưa kịp xướng danh thì kinh thành Huế thất thủ. Năm 1892, tức 8 năm sau, lại phải thi hai lần liên tiếp, kết quả lần trước trúng Đinh-nghuyên, và lần sau trúng Nhị giáp Tiến-sĩ.

Cụ không muốn làm quan, song muốn làm vui lòng thân phụ là cụ Hiệp tá đại học sĩ Nguyễn-thượng-Phiên, nên cụ ra nhận chức đốc học tỉnh Ninh-Bình, rồi đốc học Nam-Định. Vì là con rể của Tôn-thất-Thuyết, nên cụ bị chánh quyền thực dân Pháp đặc biệt theo dõi. Trong thời gian này, cụ bí mật tham gia phong trào Đông-Kinh Nghĩa Thục. Cụ đóng một vai trò quan trọng.

Khi thân phụ mất, cụ đợi cúng tuần bách nhật xong, rồi trốn sang Trung-Quốc, cùng các đồng chí mưu cuộc cách mệnh.

Tại hải ngoại, cụ viết hai quyển sách bằng Hán-văn để kêu gọi thanh niên nước nhà đứng dậy đánh đuổi thực dân Pháp, là « Viễn hải quy hồng » và « Tang hải lệ đàm ». Cả hai đều được bí mật trong nước, nhưng tiếc nay không còn ai giữ được.

Năm 1912, trên đất Trung-Quốc, cụ cùng các ông Phan-bội-Châu, Cường-Đề thành lập Việt-Nam Phục-Quốc Hội, chủ trương cách mệnh theo Tam dân chủ nghĩa của Tôn-Văn.

Sau vì buồn rầu thấy công cuộc cách mệnh bị thất bại nhiều phen, và đề che mắt bọn mặt thám của Anh, Pháp, cụ vào tu tại một ngôi chùa ở Hằng Châu, thuộc tỉnh Chiết-Giang.

Năm 1926, cụ bệnh mất. Trước khi từ trần, cụ dặn các đồng chí và nhà chùa hỏa táng rồi cho xuống sông Tiền-đường để phần tro cốt được trôi lên miền Bắc.

Thi văn của cụ nay còn khá nhiều. Nhưng bài Chiêu hòn quốc văn này là bộc lộ tinh thần yêu nước nhất. Đọc nó, chúng ta xem như một bản truyền đơn kêu gọi đồng bào thừa cơ Pháp Đức đánh nhau trong trận Thế-giới chiến (1914-1918) để giành lại chủ quyền và lãnh thổ.

Nguyễn văn

Việt-Nam quốc Nguyễn-thượng-Hiền cần dĩ nhất phiến đan tậm, mãn thiên huyết hận, chiêu ngã Việt-Nam quốc hồn nhi cáo chi viết :

Ô hô ! Quốc chi lưỡng gian, đại tiêu tuy thù, mạc bất hữu kỳ quốc hồn, nhi ngã độc vô. Phi ngã quốc chi vô hồn. Nhân tính thực ngu, duy lợi thị thị, duy danh thị xu, dĩ xiêm du vi đắc kế, thị trung nghĩa vi úy đồ, bất tri bang quốc diên diệt chi khả thống ; đân tri thân gia phi noãn chi kham ngu.

Đương quốc cùu chi niệu bại, thực hữu cơ chi khả đồ.

Hợp ngô quần khả dĩ phục Sở ;

Phấn ngô lực khả dĩ chiêu Ngô.

Nãi thị hôn hòn mặc mặc,

Chiêu điềm mộ du.

Mị đích giả dĩ vạn kế

Ưng nghĩa giả vô nhất phu !

Ai lữ tai !

Cử quốc giai bất tri miên si ?

Hà quái bỉ súc chi như khuyên trung đồn,

Nhi thát chi nhược viễn hạ cu.

Ô hô ! Quốc do tại thị ;

Hồn tắc an tò ?

Ngã kim đăng cao ; phát thanh dĩ hô ;

Tây cổng chi vực ; Đông kinh chi khu ;

Hoan, Ái chi điện ; Hương, Bình chi đô.

Khởi vô nhất nhị nghĩa sĩ, niêm quốc nạn dĩ
khuông phù ?

Khởi vô nhất nhị di dân, khich nghĩa niêm dĩ
chi khu ?

U dĩ tuyết chủng tộc chi sĩ,

U dĩ tây sơn hà chi ô !

Ô hô !

Hồn như hà tại ?

Hap quy lai hồ !

Anh phong kính khí, phản kỳ chân ngô !

Vật trầm luân ư nô giới ; ô thư phát phu !

Vật bái khồ ư lô đình, nhục thử dần lư !

Quy tai ! quy tai ?

Niệm nhĩ tiên tổ, nhược Lê-Thuận-Thiên dể chi phá
địch ; nhược Trần-Hưng-Đạo vương chi cầm Hồ !

Quy tai ! quy tai !

Thị nhĩ lân cảnh, nhược Trung-hoa chi phẩn khởi ư
Vũ vực ; nhược Nhật-bản chi xưng hùng ư Hải ngung.

Thiên nhân vạn nhân,

Các tề nãi tâm, nhất nãi lực, kiến nãi tích ; hoàng
nãi mô ; xứ thế giới chi nhân giai loát mục viết : « bỉ
Việt-Nam giả kim dĩ năng phẩn nhiên độc lập bất cam
vi Pháp-lan-Tây nhân vĩnh thế chi nô ! »

Ô hô đồng bào !

Ngã, nguyệt tú thiên niên minh linh quốc hồn, lại
nhĩ tráng khí chi suy hư, hoặc nhiên lai tò, bất tuân bỉ
nhất ban tru tâm cầu phế, nô nhan tỳ tất dĩ cầu tò !...

Bản dịch của Thái-Bạch

Người nước Việt-Nam là Nguyễn-thượng-Hiền xin kính
cần lấy mảnh lòng son và máu hận đầy trời, kêu gọi
hồn nước Việt-Nam mà bảo rằng :

Than ôi !

Nước lớn nước nhỏ tuy khác nhau, nhưng nước nào
cũng có hồn, chỉ riêng nước ta là không thôi. Thật ra
đâu phải rằng không có, nhưng khốn nỗi lòng người ngu
si, quá đỗi say mê vì danh lợi, ưa thích điều nịnh hót,
sợ sệt đường trung nghĩa nên trước cơ đất nước tan tành,
đâu có biết xót, mà chỉ nghĩ sao cho vinh thân phi già
là được.

THI VĂN QUỐC CẨM

Hiện nay, nước thù đang bị thua trận, ấy tức là cơ hội cho ta khôi phục.

Họp đòn lại có thể gây dựng được bờ cõi;
Gǎng súc lèn có thể đánh tan được thù chung.
Cớ sao hồn hồn mê mè?

Sớm đưa chiều ninh.

Theo địch có hàng muôn chước,
Vi nghĩa sao không một người!

Thảm thương thay!

Cả nước không biết hồ là gì!

Chả trách nó coi như lợn nuôi trong chuồng, đánh cho như ngựa dưới xe.

Than ôi! Nước hãy còn kia!

Mà hồn đâu mất.

Ta nay lên cao, kêu gọi mấy lời:

Nào đất Sài-thành; nào miền Hà-nội;

Nào vùng Thanh, Nghệ; nào chốn Hương, Bình.

Há không ai người nghĩa sĩ, nghĩ thù ra tay cứu vớt!
Há không một người dân nào, vì nghĩa cả lên đường rong ruổi!

Đề rửa nhục cho dòng giống;

Đề tẩy xấu cho nước non.

Than ôi!

Hồn ở nơi đâu?

Sao chẳng về mau?

CHIỀU HÒN QUỐC VĂN

Chí giỏi tài cao, trở lại đường ngay.

Tóc ấy da ấy, chờ đẽ làm tớ làm tôi;
Đầu óc kia, không nên vào luồn ra cúi.
Về đi, về đi!

Theo gương tiên tổ, như Lê-Thái-Tồ đuổi giặc Minh,
như Trần-Hưng-Đạo phá quân Nguyên.

Về đi! Về đi!

Xem gương láng giềng, như dân Trung-hoa dấy lên ở Vũ-Xương, người Nhật-Bản xung hùng ở cõi khơi.

Nghìn người muôn người,

Dốc lòng nhau lại, cùng gǎng súc, cùng lập công, cùng bàn kế, đẽ cho người trên thế giới, ai ai cũng phải lác mắt nói: « Kìa nước Việt-Nam, nay đã vùng lên giành độc lập, không còn là nước tớ đòi của Pháp-lan-Tây nữa ».

Than ôi! Đồng bào!

Ta nguyện hồn thiêng của nước bốn nghìn năm sẽ nhớ hùng khí của tất cả quốc dân mà làm cho sống lại, không đẽ bị mất về lũ kẻ lòng lang dạ sói với quần mặt thịt mày mo nữa.



Giọt lệ biển dâu

Bọn thực dân Pháp trong những năm có mặt trên lãnh thổ nước ta thường rêu rao là đem văn minh và nhân đạo sang khai hóa cho dân tộc Việt-Nam.

Vậy họ đã khai hóa những gì, nhất là ở những năm mới đầu với danh nghĩa « Bảo hộ ».

Để biết rõ, xin các bạn hãy đọc bài này của cụ Mai-sơn Nguyễn-thượng-Hiền viết bằng chữ Hán trên lục địa Trung-hoa khoảng năm Dương-lịch 1914, nhan đề là « Tang thương lệ ngữ » tức « Giọt lệ biển dâu » do ông Nguyễn-thượng-Khôi, em ruột cụ dịch ra quốc-văn.

Xem toàn bài, chúng ta thấy tác giả tuy mượn câu chuyện tâm sự với một ông bạn người nước Hán (Cao-ly) cũng chung một cảnh ngộ như mình — vì nước ấy cũng đang bị đe nén dưới gót xâm lược của đế-quốc Phù-tang — Nhưng thực chất là đe tố cáo với dư luận trong ngoài những mưu mô và hành động đã man một cách trắng trợn của bè lũ cướp nước nói trên.

Tôi là người Việt-Nam đi khỏi nước đã 6 năm nay, những công việc mưu sinh, trăm việc chẳng được việc gì, mình giày mặt vỗ, tâm hồn đau khổ, ngửa mặt lên trời hỏi trời, trời chẳng trả lời cho, cúi đầu xuống đất kêu, đất không

thèm nói với, một mình trơ trọi trong khoảng mênh mông bốn bề hiu quạnh, bực mình mới đi chơi vung trong các cõi doanh hoản để tìm xem có ai là người thân thể cũng giống như mình để kết làm bạn uất hận, cùng nhau kê lề những nỗi niềm uất hận, mãi sau mới gặp được một người nước Hán là ông Man. Một hôm chúng tôi họp nhau ở trên ngọn núi nhỏ, lấy cùi làm chiếu, lấy máu làm rượu, lấy mật làm đồ ăn, đua gươm mà nói chuyện, cùng thô lộ cho nhau biết những nỗi chua chát trong lòng.

Ông Man bảo tôi rằng : « Chúng ta mỗi người ở một nước tiếng nói y phục khác nhau, nhưng tình-trạng thì giống nhau, nghĩa là cùng là người mất nước cả. Than ôi, ôn Nguyễn, cái thảm họa mất nước ông với tôi đều phải chịu, nhưng nước Hán tôi đối với giống người lùn vì quan gần gũi nên áp lực mạnh hơn nhiều như một người giặc ở liền quân cường đạo, không kẽ mưa nắng, ngày đêm lúc nào nó cũng có thể tra khảo minh để lấy của đâm chém giày vò minh cho chết. Còn như nước ông nghe nói bị người Pháp chiếm nhưng người Pháp ở xà mà nước lại giàu, chắc hẳn họ không đến nỗi làm hại nước ông quá lắm. »

Tôi trả lời rằng : « Chao ôi, ông lại còn cho nước ta là may mắn lắm sao ? Tiếc rằng ông chưa đặt chân đến nước tôi lần nào nên ông không biết. Ở đời bao giờ ta có giống hồ dữ mà không ham ăn thịt người, con chi non bị diều hâu bắt mà xương thịt còn toàn vẹn. Núi Hương-sơn của nước tôi đã cao chót vót thì xương cốt dân nước tôi cũng cao như thế, sông Nhị-Hà nước ta

chảy cuồn cuộn thì máu dân nước tôi cũng chảy nhiều
như thế, ông còn chưa biết sao ?

Ông Man nói : « Những sự hung tàn của người Pháp xưa nay chưa có ai nói cho tôi biết, xin ông kể lại tường tận, tôi xin lắng tai nghe. Lúc ấy máu nóng trong lòng tôi sôi lên sùng sục bất giác kẽ chuyện ra dài dằng dặc, nay chép ra đây để ghi lại niềm oán thù, uất hận của tôi. Còn sau này, ai xem đến mà thương tôi, khinh tôi hay cười tôi, thì cũng dành vậy. »

Nước tôi diện tích rộng 37 vạn dặm vuông, dân số hơn 25 triệu người, ruộng đất tốt lại có nhiều nguồn lợi trên rừng dưới biển dù thành một nước trên mặt địa-cầu. Vài trăm năm trở về trước, dù có nhiều lần bị nước ngoài xâm lấn, nhưng nhờ người trong nước trên dưới một lòng, kháng chiến mãnh liệt nên vẫn giữ được đất nước toàn vẹn. Năm mươi năm trở về đây, làn sóng Âu-Châu tràn sang, cục diện đổi khác hẳn, những người cầm quyền trong nước bây giờ đã ngu lại gân bướng, cứ khăng khăng giữ Chủ nghĩa bế quan tỏa cảng, không biết lấy việc ngoại giao làm cần thiết, phải mở mang tri thức cho nhân dân. Vậy nên người Pháp mới thừa cơ, trước tiên là đem người sang ruyền đạo Gia-Tô để biết điều thực hư trong nước, kế đến đem hàng hóa sang bán để đi sâu vào trong dân gian. Sau khi đã ô hết tinh hình họ mới dùng đến chiến tranh, bắt kè hòa ước, hể là 36 tỉnh trong nước tôi đều lọt hết vào tay họ. Khi đã xác thế rồi, thấy ai phản đối họ tiêu diệt ngay; coi quan lại ước tôi như phường nô lệ, nhân dân nước tôi như bầy súc vật, thi hành những chính sách cực kỳ hung ác để trói chặt hàn tay, hút hết máu mủ, tình trạng bi thảm này đã 26 năm. Chính sách độc ác nhất của họ có bốn điều :

- 1.— Áp dụng hình phạt tàn khốc nhất.
- 2.— Đánh sưu thuế rất nặng-nề.
- 3.— Chẹn hết mọi đường mưu sinh của dân.
- 4.— Giam hãm không cho dân chúng tôi phát triển về đường tri thức.

Ngoài ra còn muôn ngàn điều tai hại, nói không sao xiết. Tóm lại một câu : họ chỉ muốn tiêu diệt toàn thể dân tộc chúng tôi mà thôi.

Ngày 23 tháng 5 năm Ất-dậu (1885) là ngày kỷ niệm lớn nhất của nước tôi về việc mất nước vua trốn. Mấy năm về trước, quân đội nước tôi đánh nhau với quân Pháp, nhiều lần bị thua, Quan Thống-Đốc quân-vụ đại-thần Nguyễn-Tri-Phương, quan Tổng-Đốc Hoàng-Diệm đều tự tử vì việc nước Nam-Kỳ, Bắc-Kỳ đều mất, Pháp mới đem trọng binh vào uy hiếp kinh thành áp bức chính phủ nước tôi phải lập hòa ước mới. Quan Điện-tiền thượng tướng quân Vệ-Chinh-hầu Nguyễn-Thuyết (tức cụ Tôn-Thất-Thuyết) xưa nay vẫn chủ chiến, bây giờ giận lắm định đem quân ra đánh phá tan sào huyệt, giết hết quân giặc, không ngờ chúng đã có phòng bị trước, sau một trận kịch chiến đến sáng thì kinh thành thất thủ, ông mới hộ vội xa giá chạy ra Cam-lộ, quân giặc đuổi theo không kịp, liền bắt cụ thân sinh của ông đây ra hoang-đảo, một ông già 80 tuổi, tinh thần lẩn lộn không còn biết việc đời là gì nữa mà còn ghép cho có tội để phải chịu khí độc lam chưởng. Giặc Pháp tự cho là văn minh mà lại có cái hình luật bắt tội dây dưa như thế thật là quái gở.

Quan Tả-dực tướng quân Trần-xuân-Soạn khởi binh ở tỉnh Thanh-hoa đóng quân ở Ba-Đinh, giặc Pháp đánh mãi

không được mời đào mả ông cha của Tướng quân lên đem xương bỏ ra giữa đường cho người đến báo với Tướng quân nếu không hàng sỹ đem vứt xuống nước. Tướng quân không trả lời, giặc đem vứt xuống sông thật. Đó là cách đối xử với người thù địch của một nước văn-minh chăng ?

Quan Hiệp-đốc quân-vụ đại-thần Phan-Đinh-Phùng đem quân giữ vững thượng du hơn 10 năm, giặc dùng đủ trăm phương nghin kế cũng không sao thắng nổi rồi cũng đào mả cù thân sinh quan Hiệp-đốc lấy xương ném xuống sông, sau quan Hiệp-đốc mất ở son trại, quân lính tan hết, giặc cũng lại đào mả ngài lên đem thây ra đốt rồi vung vãi tro cho tan hết, thật là thảm. Quân giặc đối đãi với người, trái việc hẳn với công lý như những việc trên đây là thảm tệ nhất, còn như giết hại người vô tội bằng gươm súng, xua đuổi những dân lương thiện vào khe suối để cho chết xuống đất làm cỏ mực, xuống nước làm béo trôi, khi oan thảm xông lên mù-mịt, che khuất cả bóng mặt trời, mọi mình tôi không thể nào tả ra cho hết tình trạng, nói ra cho đúng sở mục được. Tuy vậy tôi cũng xin kể qua ra đây một vài việc để rõ sự đau đớn :

Mùa xuân năm Đinh-hợi (1887) nghĩa binh ở Thanh-hoa tan rã rồi, giặc vẫn cứ ngày ngày tập trung quân ra khắp nơi, thấy ai chạy ngoài đường xa hay nấp trong hang núi đều bắt đem về; nếu là nghĩa binh thì đem giết ở cánh đồng làng Thọ-hạc về phía bắc tỉnh thành, là thường dân và các người già yếu thì trói lại đem đến cầu làng Bố-vệ cách phía nam tỉnh thành vài cây số, chúng đem lính giữ hai đầu cầu, mỗi buổi chiều quan

binh Pháp đến ra lệnh ném người xuống sông. Mỗi lần ném một người xuống nước chúng lại vỗ tay cười lấy làm vui cùng thích thú. Nếu ai còn nhô đầu lên mặt nước hay còn ngoi ngóp ở giữa sông, chúng lấy súng bắn cho kỵ chết. Trò dã man này kéo dài luôn ba bốn tháng, nước sông Cầu-Bố đỏ ngầu như máu, người qua lại không ai còn dám đi trên đường ấy nữa.

Quan Bắc-kỳ Hiệp-thống quân-vụ Đại-thần Nguyễn Thuật hội họp những nghĩa binh ở Hải-dương thường đóng ở một huyện giữ nơi hiểm yếu để chống giặc. Giặc mờ người trong huyện làm gián điệp, nhưng không một ai chịu ra làm tay sai cho chúng. Giặc tức giận liền giết hết cả dân một huyện. Lại có lần giặc về quê quán quan Hiệp thống bắt hết mọi người già trẻ ra họp ở đình (tục nước tôi làng nào cũng có một cái đình để làm nơi hội họp bàn việc và ăn uống) gọi Lý-Chinh tức là Lý-trưởng ra hỏi những phần mộ tổ tiên của quan Hiệp-thống. Lý-Chinh từ chối nói không biết, giặc liền chém chết ngay. Rồi chúng lại trói một đứa trẻ 16 tuổi, giơ gươm ra dọa nạt, bắt trả lời, đứa trẻ cũng lặng thinh, giặc đâm ngay gươm vào mặt nó, máu chảy ròng ròng, đứa trẻ quát to lên: « Lũ giặc chúng bay là đồ hung-bạo, quan Hiệp thống hết lòng lo việc nước, ta lấy làm ăn hận không theo ngài được, có đâu ta lại giúp chúng bay làm việc tàn ngược ấy ! Giặc giận liền lấy vải quấn chặt mình đứa trẻ rồi châm lửa đốt. Đứa trẻ vẫn chửi mắng giặc cho đến chết. Ngày nay nói đến việc ấy, ai cũng phải ứa nước mắt và căm hờn quân tàn bạo.

Năm Bình-thân (1896) giặc họp nhiều đạo binh đến đánh

hai tỉnh Hà-tĩnh, Nghệ-An, yết-thị ra ngoài nói ai đầu hàng thì tha cho khỏi tội, thế mà sau kéo quân đến đâu cũng đốt phá giết chóc, người hàng hay không cũng chết cả. Mấy mầu đất ngoài dinh trại của giặc chỗ nào cũng có máu chảy chan hòa, tối khi giặc rút khỏi, một vùng mấy trăm dặm vuông giữa khoảng núi Hồng sông Lam không còn bông nhán dân nhà cửa nào nữa.

Phép lấy thuế của dân ở nước tôi trước kia, ruộng chia ra làm ba hạng mà thu, giá thuế rất nhẹ. Năm nào mất mùa hay lúa xấu, thuế được giảm hay được tha hẳn. Từ khi nước tôi thuộc Pháp, Chính sách của họ rất hà khắc. Thoát đầu, ruộng hạng ba lên làm ruộng hạng nhì, ruộng hạng nhì lên làm ruộng hạng nhất để chịu thuế cao. Nhưng sau, bắt kè xấu tốt ruộng nào cũng bị coi là ruộng hạng nhất cả. Tiếp tới diện-tích của điền-thđ cũng tăng lên, trước kia là 1000 mẫu nay tính là 2000. Dân không chịu nổi thuế nặng xin cho khâm đặc họ cứ làm ngo, nghĩa là chính sách của họ chỉ cứ tính ruộng đất ở trên giấy tờ rồi bắt dân chịu thuế khổng, dù nặng nề cũng không kêu van vào đâu được. Không những thế, gấp năm mất mùa hay lúa xấu, thuế vẫn phải nộp đủ số. Làng nào không nộp được thì linh tráng kéo về bắt gá, giết-lợn, tra tấn từ già đến trẻ tiếng than khóc rất là thảm thiết. Kết cục dân phải bán vợ đợ con để nộp thuế hay chịu chết quăng thây xuống hang xuống rãnh.

Dân ông từ 18 tuổi trở lên phải nộp tiền sưu mỗi người ba đồng bạc rồi được cấp cho một cái thẻ gọi là giấy thuế thân. Nếu ai không có giấy này gọi là lậu-đinh phải phạt rất nặng. Ngoài đường nơi nào cũng có linh tuần-cảnh

tùn là những người rất hung ác. Ai đi qua lại đều phải khám giấy thuế thân, nếu không có giấy phải giam vào nhà lao làm việc khổ sai, mãn hạn phải nộp phạt còn nặng gấp mấy lần tiền thuế. Linh tuần-cảnh nếu mỗi tuần không bắt được ai phạm-pháp thì bị khiển trách nặng. Họ thường vu tội cho người để thoát thân. Có lần một người buôn bán đi qua một thành phố gấp linh xét giấy rồi vò nát cho vào miệng định nuốt đi. Người kia sợ quá vội bóp chặt cổ tên linh không cho nuốt. Tên linh vẫn không nhả, người buôn bán càng bóp chặt thêm khiến tên linh tắt thở mà chết. Khi đem xét xử, người đi buôn khai rõ sự thật, mồ cuống họng người linh ra quả nhiên có cái giấy thuế thân, người lái buôn mới thoát tội. Đó là một chuyện, nhưng ở trong cái thế-giới đầy gai-góc này, dám hăng lên dùng sức mạnh để giữ mình, chỉ có một người ấy thôi, còn chịu oan ức không biết bao nhiêu người mà kề.

Thuế thân thi chỉ thi hành cho những người dân thường, còn những người có phầm-trật đều được miễn. Ông mới nghe thế tưởng rằng đó là cái chính-sách quý trọng người sang nhưng không phải đâu. Người nào có phầm-trật cứ ba năm phải trình bằng cấp một lần với cơ quan hành chánh và phải nộp 15 đồng bạc gọi là tiền giúp nước. Gọi là «giúp» tiếng có sang hơn là bắt phải nộp nhưng tiền lại mất nhiều hơn, vậy cái cách lừa dối như câu chuyện người nuôi khỉ sáng cho ba quả, chiều cho bốn quả cũng rất thịnh hành ở Âu-châu chăng?

Ở thành phố ngoài thuế thân ra, mỗi năm người dân còn phải nộp 2 đồng bạc gọi là thuế thông-hành. Có giấy thuế ấy mới được đi tự do trên đường phố sau khi nộp thuế

người dân cũng được cấp một cái thẻ có dán hình cảnh binh xét thấy biết ngay là thật hay giả, không thể lừa dối được. Người nhà quê có việc ra đến thành phố quá ba ngày cũng phải lãnh thẻ kè trên, nếu không thì phải phạt nặng. Còn người ở thành phố, từ thức ăn đồ mặc, nhà ở đồ dùng, không cái gì là không có thuế, đến đại tiều-tiện mỗi tháng cũng phải nộp 6 cắc bạc, kè chi đến những việc khác, như vậy đủ hiểu người Pháp tham lam, vơ vét đến thế là cùng.

Người phải nộp thuế au cũng đành đi, nhưng ở thành-phố chó cũng là một vấn đề cho thuế má. Ai nuôi chó mỗi năm phải nộp một đồng bạc. Người ta phát cho một cái thẻ buộc vào cổ chó, nếu không thì chủ nuôi phải phạt. Còn như trâu hay bò tuy không phải nộp thuế vào sở công nhưng phải nộp vào công-ty bảo-hiểm súc-vật. Nhà nào có nuôi một con trâu thì mỗi năm phải nộp tiền bảo hiềm 2 đồng bạc nếu, trâu mắc bệnh chết, công ty sẽ bồi thường theo giá con trâu ấy. Nhưng mỗi khi có dịch, trâu chết rất nhiều, người ta đến báo với công-ty, công-ty bảo phải đợi khám-nghiệm rồi mới bồi thường, nhưng kết cuộc chẳng bao giờ có người đến ngó vào đám trâu chết cả, xét ra trong nước trâu có tới muôn ngàn, công-ty bảo-hiểm thu tiền rất nhiều, nhưng nói đến bồi thường từ khi có công-ty chưa nghe thấy nói ai được tiền ấy cả. Không phải người ta ai ai cũng ngu mà vứt của đi đâu. Chính vì có chính phủ làm hậu-thuẫn cho công-ty, nhà có trâu không thẻ không bảo hiềm, bảo hiềm mà không có hiệu-quả không thẻ không im đi, nếu còn đòi tiền bồi-thường đã không ích gì mà còn có hậu họa là khác nữa.

Ở các miền quê, thuế cũng rất nặng dù các thô-sản rất thường cũng phải nộp thuế. Có một người nghèo gánh rau vào chợ để bán, tính ra tiền thuế còn nhiều hơn tiền bán cả gánh rau người ấy không nộp được bị kẻ thu thuế hành hạ rất khổ phải quăng bỏ gánh rau mà đi. Lại một người nghèo khác đem một con heo ra chợ bán không được giá, phải mang về rồi đi lại trước sau ba lần mới xong việc, cộng tiền thuế ba lần phải nộp thì vừa bằng tiền con heo.

Đại phàm vật gì ở trên mặt đất như cây cỏ, viên ngói, hòn đá nghĩa là cái gì dùng được đều có biên hết vào trong sổ thuế. Thuế đất, thuế nhà, thuế môn bài, cứ mỗi năm một tăng. Đi lại ngoài đường thuế xe, thuế ngựa, thuế gồng gánh cứ tinh ngày mà thu đủ. Nhất là thuế đò giang đem so với các thứ thuế khác lại càng nhiều hơn, vì rằng nước tôi từ Bắc vào Nam sông ngòi nhiều như mắc cài, dân cư trú ngụ hai bên sông muốn qua lại buôn bán thường phải dùng thủy-đạo nên mỗi năm thuế đò giang là một nguồn lợi về thuế to tát vô cùng.

Ngoài thứ thuế này đến thuế rượu lại càng kỵ lạ và ác hại hơn; dân chúng tôi ở về nhiệt đới, do đó mà ít nghiện rượu, giá rượu rất rẻ từ 10 năm nay một số con buôn Pháp xin với chính phủ lập một công-ty cất rượu độc quyền. Dân gian không ai được nấu rượu, công-ty tha hồ bán đất, nhưng rượu của công-ty có độc, uống đến ba chén là nhức đầu hoa mắt, người nghiền chỉ chừng nửa năm là chết. Dân khuyên nhau đừng uống rượu thì chính phủ chiếu theo số định bắt mỗi suất phải mua ba chai mỗi tháng. Chính sách ấy mới thi hành ở một vài

tỉnh, nhưng từ đó trở đi, họ vẫn dù dỗ cho dân uống rượu. Người của sở Thương-Chinh đi tuần khắp các làng xóm, xông xáo vào các buồng the nhà người ta mà lục xét xem có rượu lâu hay không, hoặc theo gót người để xem đi đâu có giấu giếm ở nơi nào, suốt năm xôn xao như đi lùng bắt giặc. Ai mà nấu lâu, bắt được một chai rượu phạt tới vài bốn trăm đồng bạc trả lên, nghèo nộp được thi bắt người thân thuộc phải nộp theo, thân thuộc nộp không đủ bắt đến làng xóm, giam cầm từ đây đến cả người vô tội khiến có người phải mang cả nhà di trốn. Trước khi chưa nộp được phạt, hàng ngày kẻ phạm-pháp phải làm việc khổ-sai, đêm tối thì bị giam vào ngục tối hoặc nửa năm, hoặc 1 năm khổ-sở vô cùng, đến khi tha về thì thân hình tiêu tụy, nhà cửa tan-tác, nhiều người buồn khổ phải tự-lử. Ở huyện Quảng-Xương tỉnh Thanh-Hóa có một làng nhỏ chỉ có độ hơn 100 nóc nhà mà có ba người phạm vào lệnh cấm nấu rượu vì dân làng ấy trước đây vẫn làm nghề buôn rượu. Viên Công-Sứ súc cho quan huyện bắt người ấy và cả làng phải liên đới nộp phạt. Bị tù giam mấy năm số tiền phạt vẫn chưa sao nộp đủ, dân kêu với quan huyện xin nộp hết ruộng nương nhà cửa để thanh toán việc này cho khỏi nạn bắt bớ giam cầm. Quan huyện băm lén viên công sứ, sau đó có việc phát mại ruộng đất làng này. Từ đó làng chỉ có người mà không có ruộng đất nữa, nhưng dân vẫn không giám rời đi nơi khác vì còn có những thuế mà khác phải đóng. Đó là việc chính tôi được thấy rõ, xét ra mấy năm nữa dân làng này sẽ kiệt quệ mà chết.

Bên nước tôi, những ruộng muối ở ven biển xưa kia

vẫn để cho dân tự do làm rồi đem buôn bán với nhau. Muối làm ra đã tốt lại rất rẻ. Từ khi có công-ty muối lập ra, dân (bị) cấm không được làm muối như đối với việc rượu vậy. Muối của công-ty bán ra lắn cả đất cát, giá lại rất cao, nhà nghèo có được tý muối thường qui hơn gạo, cho nên người có Hán-học nước tôi khi ăn cơm lại nhớ đến câu thơ của Tô-đông-Pha :

*Khởi thi văn thiểu giai vọng vị,
Nhì lai tam nguyệt thực vô diêm,*

Dịch nghĩa là : « Há có phải nghe nhạc thiểu hay quá mà quên cả vị thức ăn. Sở dĩ ăn không biết vị gì là ngon vì đã ba tháng ăn không có muối ».

Người nước Pháp cho nước tôi là nơi có nhiều mồi lợi nên kéo nhau sang lũ lượt, ngoài những công-ty rượu, công-ty muối, họ còn lập các đồn-diền nữa cũng có ít nhất 1/3 ruộng đất đã khai khẩn sẵn do mồ hôi nước mắt của dân bấy lâu ần-nặc để tránh thuế...

Tỉnh Quảng-nam là một tỉnh về phía nam Kinh-Thành nước tôi, dân khồ về suru cao thuế nặng, kéo nhau đến tinh, Công-sứ không nghe cho quân lính ra xua đuổi, dân ngã xuống sông chết đuối 3 người. Dân chúng nỗi giận, mới đem xác ba người chết đuối ấy để trước cửa dinh Công-sứ rồi tụ họp vài ngàn người mặc đồ tang chẽ khóc vang trời đất, hàng tuần không chịu giải tán năm ngón ngang cả ra đường. Viên Công-sứ không biết làm thế nào đánh điện báo viên Khâm-sứ. Viên Khâm-sứ vào hỏi dân vì cơ gì giám làm loạn. Dân trả lời : « Chúng tôi tay không, khi giới không có, làm loạn thế nào được, chỉ

vì sưu thuế nặng, công dịch nhiều chịu không nổi nên đem nhau đến đây kêu xin mà thôi ». Viên Khâm-sứ nói : « Chúng bay nghèo nàn cùng khổ, không đóng đủ được thuế khóa thì chết đi là hơn ». Nói xong y ra lệnh cho lính xả súng bắn vào dân, dân chết đến mấy trăm người, máu chảy ra lênh láng, bấy giờ mới chịu giải tán. Ngoài ra còn có ông Lê-Khiết là Bố-Chánh đã về hưu và ông Trần-qui-Cáp đỗ tiến sĩ cũng đều bị giết. Ông Lê-Khiết vì ngày thường vẫn ghét chính-sách bạo-ngược của Pháp, ông Trần-qui-Cáp viết thư cho người bạn có 7 chữ « ngô dân thủ cử khoái khoái khoái ! » (dân ta làm việc ấy, khoái khoái lâm). Người Pháp biết được ghép vào tội phản nghịch đem chém luôn cả 2 người. Than ôi ! cui đầu kêu van đã bị cái họa mất xác, nói lời kháng khai cũng bị cái tội chém đầu, như thế tính mạng của dân nước tôi thật không bằng cỏ rác vậy.

Vài năm trước đây người Pháp làm con đường sắt ở biên giới xứ Bắc-Kỳ nước tôi để đi thông sang tỉnh Vân-Nam bên Tàu. Nhưng vì dân ở nơi đó không làm nỗi cái công trình lớn-lao ấy, họ mời mọ dân nghèo ở các địa phương đến làm công vì ở đó khi độc-lam chướng nặng lâm, họ hứa trả công rất nhiều cho người ta xô đến. Sau họ lại nuốt lời hứa, thường có người làm việc suốt ngày mà không được bữa cơm no. Thay chết ngòn ngang ở hang núi không biết bao nhiêu mà kể, nếu ~~người~~ có lòng nhân từ qua đây hẳn nghĩ rằng tình trạng này so với cảnh chiến trường ngày xưa còn gấp bội. Việc xé núi ấy hàng ức muôn người làm không phải là không có ai về được, nhưng vì trong khi làm việc bị đói rét lại nhiệm phải khi độc-lam chướng

nên thân hình tiêu-tụy có về đến nhà vài tháng rồi cũng chết, và không chết cũng thành đồ bở, suốt đời không làm ăn gì được nữa. Con đường ngoằn-ngoèo đầu từ Tam-Tuyên, cuối đến Lục-Chiêu (Lục-Chiêu là tên đất Tàu thuộc tỉnh Vân-Nam) người Pháp gọi là con đường sắt, nhưng người nước tôi gọi là con đường máu.

Giặc Pháp thôn tính nước tôi chưa đầy 30 năm mà thay đổi ngôi vua đến 4 lần (2 vua bị phế : Hàm-Nghi, Thành-Thái, một vua bị đầu độc : Đồng-Khánh), hoặc vì vua có tư chất anh-minh nên họ ghét ngầm, hoặc có vua không chịu nổi sự đè nén thường phản đối lại nên họ giận mà bỏ đi. Vua nổi ngôi ngày nay chỉ có bảy tám tuổi (vua Duy-Tân) họ ôm lấy đê sai khiến thần dân trong nước. Họ giết những người trung-nghĩa hiền lương bảo là theo chỉ của triều đình, tăng việc sưu thuế bảo là Dụ của hoàng-thượng. Ông vua thật ra chỉ là bù-nhin, đồ chơi của họ. Theo ý đoán của tôi, sau mười năm nữa, ông vua trẻ kia mỗi ngày thêm mờ-mang trí thức thế nào cũng sẽ bị nạn.

Giặc Pháp đối đãi với quan lại nước tôi không những coi là bầy tôi tớ, còn sai như sai chó, đánh như đánh trâu làm cho họ mất hết lòng thương dân và đức liêm-sỉ. Những kẻ xe ngựa nghênh-ngang, huy-chương rực-rỡ ngày nay đều là hạng tôi tớ hèn mạt của nước tôi ngày trước cả. Như vậy họ cũng không đáng trách. Còn những người có đủ tư-cách làm người, có nhân phẩm thì bị hãm vào thế cùng khổ, người có lòng trung-nghĩa không bị giết cũng bị đày, quân giặc không thể lấy lợi mà nhử, lấy uy mà hiếp được.

Trước kia các tỉnh miền Nam, miền Bắc nước tôi vẫn đi lại thông đồng, nhân dân đem hàng hóa đi buôn-bán với nhau dễ dàng. Từ mấy năm nay, quân giặc ra lệnh nghiêm cấm người Nam-Kỳ không được ra Trung-Kỳ, người Trung-Kỳ không được đến Bắc-Kỳ vì vậy việc thương-mại đình-trệ, sinh-kế của dân-chúng rất là khốn-quản, gấp phải năm mất mùa, lúa gạo không chuyên vận được từ vùng này qua vùng khác, dân đành chịu chết đói. Thủ hỏi cái lệnh cấm ác nghiệt ấy người Anh có thi-hành với dân Án-Đô không? Người Mỹ có thi hành với dân Phi-luật-Tân không? Con người mà bị bóp chặt cổ họng không cho thông khí vào phổi, cánh tay bị đóng đinh, các bộ-phận trên cách biệt nhau có thể sống được chăng? Than ôi, giặc cố ý làm những việc tàn ác ấy chỉ do ý muốn tiêu-diệt dân-tộc tôi vậy.

Gần đây phong trào Âu-Mỹ tràn lan sang khắp Châu Á, người ta biết rằng cứ khứ khứ giữ mãi cái lề lối cũ thì không hề nào cứu vãn được sự bại vong và mong sinh tồn trên Thế-giới được. Vậy nên người nước tôi ra du học ngoại-quốc ngày một thêm nhiều, trong nước thì trí-thức đã lo việc khai hóa dân chúng, mở trường học, hội buôn, đua nhau học tập, ham chuộng thực nghiệp. Quân giặc thấy thế nghiến rằng trọn mắt tìm cách vùi dập. Chúng kết hiếu với các nước mạnh ở lân-cận để chặn đứng mọi mưu-mô cách mạng, rồi chúng phế bỏ ông vua anh minh của nước tôi là vua Thành-Thái, gần đây vua nước tôi rèn luyện được một đội quân theo kiểu mới, hăng-hái nghiên cứu tân-học, chúng bức bách lập hiệp ước mới, ngài không nghe nên bị phế. Chúng còn cho bắt những người có óc duy-tân đem giết hay lưu đày cùng tịch thu tài sản. Chúng buộc ai ra ngoại quốc sáu

tháng phải trở về nếu không cha anh phải tội, những ai đọc tân thư, nói chuyện về ngoại-quốc và lập hội buôn cũng là phạm-pháp. Chúng lại tung ra hàng trăm ngàn quân trinh thám lúc ăn lúc hiện như ma quái. Có người đang ngồi trên xe bỗng chốc bị xích tay, có người đang đi ngoài đường bị bắt đưa đến nhà tù, không biết mình vì sao mà phải tội. Người cả nước lo sợ như ngồi trên đống chông gai hay nước sôi lửa bỏng, ngâm hòn nuốt giận cay đắng trăm chiều, thế mà giặc vẫn chưa thỏa. Nghe nói chúng lại sắp tăng thuế, mở rộng thêm nhà ngục. Tình cảnh nước tôi ngày nay đau đớn thảm bại không khác gì nước ông thế mà càng ngày giặc càng làm thêm những việc tàn-ác, có lẽ chúng sẽ biến dân tôi thành giống mọi Châu-Phi cả.

Tuy nhiên phàm ở đời việc gì cũng cực lầm tắt có phản-ứng, sự oan độc càng khốc liệt, tri phạt-thù càng bền vững, sự nguy hiểm càng cấp bách, sự tự vệ càng mạnh thêm. Nước Mỹ độc-lập, nước Đức nỗi dậy đều do ở sự bị chà đạp, cùng quẫn, khổ nhục quá mà sinh ra. Xưa nay có nước nào lớn mạnh lại không bao giờ bị đồ vỡ, có nước nào suy yếu lại không bao giờ nỗi dậy được? Thân ta chưa chết, chí ta hãy còn, ta quyết thề cùng chúa bác, anh em in sâu sự báo thù rửa hận, vào trong đầu óc; kẻ trước ngã xuống, người sau tiến lên, người già chết đi, lũ trẻ nối tiếp nuôi chí quật-cường, đầu gập trăm ngàn thất bại cũng không hè thoái nản. Một ngày kia ta sẽ nhân kẽ hở, thừa cơ hội thuận tiện mang máu nóng của muôn người rửa sạch non sông, chắc đuôi loài di-tộc, phục lại đất nước bốn ngàn năm của họ Hồng-Bàng chẳng là điều khó vậy.....»

Hịch khởi nghĩa Thái-Nguyên

Cuộc khởi nghĩa Thái-Nguyên do ông Đội Cấn cầm đầu bùng nổ vào lúc nửa đêm 13 qua ngày 14 tháng 7 năm Đinh-Tỵ tức ngày 30 tháng 8 năm 1917, giữa lúc cuộc Âu chiến thứ nhất đang tiếp diễn tại chiến trường Pháp-Đức.

Ông Cấn chính tên là Trịnh-văn-Đạt, người làng Yên-Nhiên, phủ Vinh-Tường, tỉnh Vinh-Yên (Bắc-Việt). Xuất thân trong một gia đình làm ruộng nghèo, năm ngoài 20 tuổi đi lính khổ xanh cho Pháp và dần thăng lên đến Đội-trưởng lên đóng ở Thái-Nguyên.

Vốn sẵn lòng cứu quốc diệt thù từ lâu, nên đến thời gian nói trên, ông cùng các bạn đồng ngũ là Đội Giá, Đội Trường và Đội Xuyên âm mưu cùng các anh em chính trị phạm trong đế lao Thái-Nguyên chủ trương việc khởi nghĩa. Trong số chánh trị phạm có ông Lương-ngọc-Quyến là người đóng vai quan trọng nhất, thứ đến là các ông Tú Hồi-Xuân, Ba Chi, Cả Thấu, Hai Vịnh, Nguyễn-gia-Cầu, Ba Nho, Ba Quốc, v.v... người thi can vào vụ ném bom năm 1913, người thi là hộ tống của cụ Hoàng-hoa-Thám.

Sau khi đã bàn định kế hoạch, nửa đêm ngày nói trên, Đội Trường đi bắn chết tên giám binh Noel và Quản Lập, cắt thủ cấp đem về làm vật tế cờ. Tức thì Đội Cấn thời kèn tập họp lính trong trại lại, đưa thủ cấp địch ra hiếu dụ. Còn Đội Giá thì chạy sang đế lao giết tên thủ ngục, đem các anh

em chánh trị ra. Các tù nhân ở các nhà giam khác cũng được thả ra và sung vào Cách-mạng quân.

Ngay đó, một hội-đồng quân sự mở ra tên nước được đổi là « Đại hùng đế quốc »; Cách mạng quân được mang tên là Thái-Nguyên Quang-Phục quân. Cờ thi lấy năm sao làm hiệu (gọi là cờ ngũ tinh). Ông Đội Cấn được toàn thể đồng chí bầu làm Đại-đô-đốc, ông Lương-ngọc-Quyến làm quân sư.

Tỉnh thành Thái-Nguyên ngay đêm hôm ấy về tay Cách-mạng quân. Nhưng chỉ giữ được đến ngày 5-8-1917 thì lại phải về tay giặc, sau những trận giao chiến ác liệt.

Cánh-mạng quân phải rút vào rừng tồ chức đánh du kích. Quân Pháp đi giao chiến phải nhiều phen bị tòn thắt nặng nề. Nhưng rồi cách mạng quân cũng dần dần bị hao mòn gần hết. Ông Đội Cấn định đem thủ hạ về Hòa-Bình lập chiến khu, nhưng không qua được sự canh phòng bố trí của giặc ở trên các ngả đường.

Đến ngày 5 tháng Giêng năm Mậu-Ngo (1918), trong một trận kịch chiến ở Pháo-Sơn, ông bị vây đánh quá ngặt, biết đại sự không thành được, và không muốn để mình bị lọt vào tay Pháp, nên ông tự bắn vào bụng chết. Một vài đồng chí cũng tự tử theo ông. Tất cả thi hài đều được anh em chôn chung một huyệt ở chiến trường. Ông Cấn mất rồi, dư đảng của ông là Đội Giá, Đội Xuyên cũng chỉ cầm cự được ít lâu thì bị tiêu diệt.

Hai bài hịch khởi nghĩa này do ông Đào-trinh-Nhất dịch lại từ bản Pháp-văn ra (không rõ nguyên văn bằng chữ nôm hay Quốc-ngữ) là hai bài kề tội trạng thực dân và kêu gọi đồng bào tham gia cuộc khởi nghĩa.

Cả hai đều đe tên ông Cẩn, nhưng không rõ ai là người thảo ra. Theo lời các anh em chánh trị phạm ở Côn-đảo về thuật lại (qua lời của những người tham gia cuộc khởi nghĩa bị Pháp bắt đày đi ngoài đảo) thì do ông Lương-Ngọc-Quyến và ông Tú Hồi-Xuân hội thảo trước cuộc khởi nghĩa một ngày, tại Đè-lao ở Thái-Nguyên.

Một điều chúng ta cũng nên biết là Nguyễn-thái-Học sau này tức là con đẻ tinh thần của Đội Cẩn, và cuộc Yên Bác khởi nghĩa đã chịu ảnh hưởng rất nhiều của cuộc Thái-Nguyên khởi nghĩa này. (theo lời của Nhượng-Tống trong quyển Nguyễn-thái-Học).

BÀI THỨ NHẤT

(Phát hối nửa đêm 14 tháng 7 âm lịch năm Đinh-Tỵ
tức 30 tháng 8 dương lịch 1917)

Đại-Hùng Đế-Quốc năm thứ nhất, tháng 7 ngày 14.

*Thái-Nguyên tỉnh, Quang-Phục quân
Đại đô-đốc Trịnh, bố cáo, cho dân chúng đồng
báo được biết :*

Nước Việt-Nam nhà ngày nay gồm trong cõi Đông-Dương, nguyên xưa là đất Tương quân (?). Dân tộc ta vốn dòng dõi Rồng Tiên. Ruộng đất ta phi nhiêu, dài mấy trăm muôn dặm, đầy những núi non tinh tú. Kể từ Hồng-Bàng lập quốc đến giờ, lịch sử truyền nối hơn 4.000 năm, trải qua các triều đại Kinh-dương-Vương, Đinh-tiên-Hoàng, Lê-dai-Hành, Lý, Trần, Hậu Lê rồi đến bǎn triều Nguyễn thị, mỗi đời kế tiếp mở mang bờ cõi thêm to, diềm tò non sông thêm đẹp, bày tỏ biết bao

nhiều nghị lực, hy sinh bao nhiêu máu thịt, mới xây dựng lên được giang sơn gấm vóc này để lại chúng ta.

Chẳng may đến giữa thế kỷ thứ 19 vừa rồi, Pháp tặc ở Âu Châu, già lây danh nghĩa thông thương truyền giáo cướp mất hương hỏa quý hóa của ta.

Thì ra lúc đó triều đình ta còn mải miết trau dồi lối học khoa cử từ chương, không lo gì võ bị, chúng giở ngay thủ đoạn bạo ngược xâm lăng nước ta. Thoạt tiên chiếm đoạt sáu tỉnh Nam-Kỳ, rồi sau dần dần sinh truyện cướp nốt Trung, Bắc. Chúng ra tay tàn sát những người có nhiệt tâm yêu nước, phá hủy đèn đài thành quách ta, bóc lột tiền tài sản nghiệp ta.

Cũng may, ta còn có những bậc anh hùng chí sĩ, những người danh vọng tài năng, biết đồng tâm hiệp lực, kháng cự lũ giặc ngoại xâm. Bình lực chẳng có mấy, khi giới rất tầm thường, thế mà các nhà cách mạng tiền phong ấy đã từng chiếm giữ được ít nhiều chỗ hiểm yếu để làm căn cứ mà đương đầu với giặc khá lâu. Ta kể ví dụ như ông Hoàng-hoa-Thám một thời oanh liệt ở Nhã-Nam, hay ông Phan-đinh-Phùng mười năm kháng chiến ở Hà-tĩnh, ấy là chứng cớ hiển nhiên.

Có điều, các vì dân tộc ấy có chỗ thủ hiềm vững vàng mà không gấp được thời cơ may mắn; đến nỗi ngoại vien là thứ rất cần dùng thiết yếu mà cũng không có. Thành ra khi giới thiều thốn, lực lượng yếu dần, trước sau đều bị quân địch tiêu diệt. Từ đó tới nay, tấm gương anh dũng của các cụ tiền bối, không thấy người nào có đủ tài lực nối chí làm theo.

Ngoài những hạng người lối lạc hy sinh như thế, trong xứ ta còn lại toàn là anh em quê mùa, chất phác, vô học, nhắm mắt chịu ép một bề. Thực dân không còn trở lực gì phải kiêng kỵ nữa, tha hồ hoành hành bạo ngược, thô thi phà hoại ngay những luật lệ tự chúng đặt ra ; áp dụng những thói quan buôn chúc ; tìm đủ cách làm cho nòi giống ta càng ngày càng đi đến họa diệt chủng ; kết án cực nặng ; hành vi tội bức dã man ; luôn luôn nói truyện hứa hẹn khi trả. Lại còn tàn nhẫn đến nỗi khai quật cả lăng tẩm một vị tiên để bắn triều (1) để lấy vàng bạc châu báu, truất ngôi hai vị hoàng đế ta, đưa đi an tri ở một hoang đảo thật xa (2).

Kể từ khi hạ thành Hà-nội tời giờ, chúng đã tự do thay đổi ngôi vua nước Nam ba lần trong khoảng ba chục năm, mà không đếm xỉa gì đến dân tam dư luận.

Thuế má thì mỗi ngày một tăng lên mãi ; bà con ta chỉ lo đóng góp cũng đủ chết. Mỗi người dân Việt-Nam, như phải tròng cõi vào sợi dây, càng ngày càng xiết chặt thêm ; mười nhà hết chin lâm vào cảnh khổn cùng ghê gớm.

(1) Năm 1913, khâm sứ Huế là Mahet tự tiện đào mả vua Tự Đức, vì nghe nói mả vua chôn theo rất nhiều bạc vàng châu báu. Muốn trốn trách nhiệm, Mahet làm giấy bão các cụ thương bên bộ ký tên vào. Lúc ấy duy có Nguyễn-hữu-Bài không ký, cũng như hồi năm 1907, Ngô-đình-Khả không chịu ký tên vào giấy của triều đình xin bỏ vua Thành-Thái. Nhân đây ở kinh đô có câu phong dao « Bỏ vua không Khả, đào mả không Bài » (Phế quân vô Khả, quật chủng vô Bài).

(2) Vua Thành-Thái bị phế năm 1907, người Pháp lấy cớ nhà vua rối loạn thần kinh, nhưng sự thật là vua không chịu ký nhượng Bắc-kỳ làm thuộc địa. — Vua Duy-Tân bị phế năm 1916, sau cuộc khởi nghĩa thất bại. Cả hai cha con cùng bị đày sang cù lao Réunion gần Phi-Châu.

Vạn nhất có người nhiệt tâm với quốc gia, hơi ra mặt chống chính sách đô hộ, liền bị tố giác với quân thù, làm cho sở nguyện phải bị đè nén chôn vùi tức tốc.

Chao ôi !

Mỗi khi tưởng nhớ cơ nghiệp tổ tiên đã đồ bao nhiêu máu đào mới xây dựng nên, mỗi khi nhớ đến tình cảnh nước nhà bấy lâu gian truân khổn khổ, chúng ta thấy bầm gan tim ruột, thương xót vô cùng.

Chúng ta nhẫn nhục đã tới cực điểm, tắc lòng bi thống giang sơn chủng tộc như nung như đốt.

Kẻ thù ta hiện đang bị công kích ở Âu-Châu ; chúng bắt người mình đem sang bên Tây làm bức tường đỡ đạn ; chúng bóc lột tài sản xú sở mình để tiếp tế quân nhu. Bà con ta bị bắt đem sang Tây từ mấy năm nay, tội nghiệp người sống phải trần lực ra làm lụng vất vả, người chết cũng chẳng được chôn cất tử tế. Thương hại con cái vợ già ngồi trong nhà kêu van, ông già bà lão ra ngoài đường khóc lóc. Tình cảnh nước nhà đau khổ không thể tưởng tượng. Những nỗi đau đớn kẽ sao cho xiết. Tóm lại, cái kiếp sống của dân ta điêu đứng đến nồng nỗi này, không tài nào cam chịu được nữa.

Nước ta khổ sở kiệt quệ, sống giờ chết giờ, cảnh ngộ có khác gì một sợi chỉ mong manh sắp đứt ; chịu đựng đau đớn nhiều quá, bà con nhà ta như kẻ nằm liệt giường bệnh, hấp hối tắt hơi.

Phen này chúng ta ra sức phẫn đấu để khôi phục độc lập cho tổ quốc, nếu bất hạnh mà mục đích không đạt,

đại công không thành, thì cuộc đời hết cả sinh thú, chúng ta cũng chẳng thiết sống làm gì cho nhục nhẫn, khốn khổ.

Bản chúc, Thái-nguyên Quang-Phục quân Đại đô đốc, từ trước tới nay không hề có giây phút nào quên lăng nỗi khốn khổ của đồng bào dân chúng; ngay những khi còn sống lam lũ ở chốn thôn quê làm nghề cày ruộng, lòng hằng băn khoăn tức tối về thảm họa vong quốc. Nhiều lần ta đã lập tâm xướng nghĩa khởi binh, tuốt gươm giết giặc; nhưng rồi lại phải ngâm hòn khoanh tay, là bởi ta chưa gặp thời cơ nào thuận tiện cho được thực hành chí muốn. Vì thế ta đành ăn nhẫn ra đi lính tập; hơn mươi năm trường được sống chung cha với bao nhiêu anh em cường tráng nước nhà mà phải ngậm miệng làm thính, nhưng lúc nào ta cũng nuôi hoài bão cứu thù Pháp tặc, chờ hòn biển tâm thoái chí. Từ trước tới đây, chỉ bởi lực lượng chưa đủ, ngoại vien chưa có, theo như mong mỏi, cho nên ta chưa muôn mưu toan đại sự một cách trợ vơ tháo thứ.

Hôm nay thời cơ đã đến, trong nước thi có những bạn đồng tâm đồng chí cùng tôi tuốt gươm chĩa súng, đánh giết quân thù; bên ngoài thi có những nhà cách mạng ta bấy lâu trú ngụ bên Tàu, bên Nhật, giờ này sắp sửa đem quân nhu khi giới về giúp ta, hợp lực với ta đánh đuổi Pháp tặc.

Ta chiêu tập những anh em có tinh thần tự do độc lập, có nhiệt tâm yêu nước thương nòi, lập thành những đạo binh cứu quốc và hôm nay đã bắt đầu khôi phục lấy tỉnh Thái-Nguyên. Lá cờ năm ngôi sao đã kéo lên phấp phới trên kỳ đài, tôi đã tuyên bố tỉnh Thái-Nguyên độc lập.

Cùng là con dân nước Việt-Nam, chúng ta phải coi nhau như anh em ruột thịt một nhà. Vậy ai là người thông minh, học thức có thể đến đề trù mưu hoạch sách, làm những việc ích lợi chung, ai là người có sức khỏe mạnh hãy mau mạo đem bắp thịt cánh tay giúp đỡ trong cuộc chiến đấu.

Anh em ta cố sức phán khởi phen này, đồng tâm hiệp lực đá đảo quân thù.

Những ai đứng vào hàng ngũ cùng tuốt gươm giết giặc, ta rất hoan nghênh, và đề cho mỗi người được thi thố tài năng sáng kiến trong cuộc tranh đấu tự do độc lập chung.

Còn những kẻ nào vẫn manh tâm nô lệ, phò tá quân thù, thì hãy coi chừng bị lấy đầu không tha!

Nay bối cáo

BÀI THỨ HAI

(Phát sáng hôm sau khi hạ thành Thái-Nguyên)

Đại-Hùng Đế-Quốc năm thứ nhất tháng 7 ngày 14.

Thái-Nguyên tỉnh, Quang-Phục quân

Đại Đô-đốc Trịnh...

bối cáo đồng bào Việt-Nam biết :

THAN ÔI !

Trời giáng tai họa, nước Nam nghèo nàn. Trận gió xâm lược, từ Tây phương thổi tràn sang Đông, nhiều thế

hệ ta bị lôi cuốn tiêu diệt bởi nó. Kẽ có năm chục năm nay, cơ đồ hương hỏa chúng tôi trơ trọi giống như một bãi sa mạc; những tinh hoa trong nước phải sống một cuộc đời nô lệ bi thảm; bốn mươi triệu anh em chị em đồng bào khóc than rền rĩ với nhau như đang ở trong nước sôi lửa nóng; tinh cảm tột quắc đồng bào khiến cho những chiến sĩ ái quốc phải động lòng xót xa.

Bao nhiêu nỗi khổ sở bấy lâu Trời hành chúng ta, hôm nay là hết.

Đảng Hoàng-Thiên bắt chúng ta phải chịu đau đớn, thử tinh thần khi tiết chúng ta, nay Ngài rủ lòng doái thương, muốn trả cho chúng ta mọi sự sung sướng thanh vượng.

Bên ngoài, ta có những bậc tài năng lỗi lạc đã hấp thu ánh sáng ở các nước văn minh ngoại dương giờ đêm ánh sáng về soi đường dẫn bước cho ta tiến hành; trong nước thì có những người nhiệt tâm học thức, đem ra áp dụng vào việc bảo thủ cùa quốc.

Năm Mậu-Thân chúng ta đã giết quân thù ở giữa Hà-nội (1) làm cho chúng kinh hồn hoảng vía.

Năm Kỷ-Dậu, cuộc khởi nghĩa ở Lạng-Sơn (2) khiến lòng phẫn uất của người mình được hả hơi ít nhiều.

(1) Việc đầu độc ở trại lính Tây Hà-nội về mùa hạ năm 1908. Đảng viên cách mạng hợp với Đề-Thám định đánh úp lấy Hà-nội cờ động được một số lính tập chịu làm nội ứng, đánh thuốc độc vào đồ ăn của quân lính Tây rồi quân ở ngoài sẽ kéo về tấn công, nhưng việc không thành vì có kẻ phản bội, chỉ thu được kết quả là ít lính Tây trúng độc chết.

(2) Năm 1909, một số Đông-du học sinh ta hợp với đảng viên cách mạng Tàu nồi lên ở Lạng-Sơn, giết Tây chết nhiều.

Ngoài ra, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục (3) đã khích thích tinh thần ái quốc một độ rất sôi nổi; tỉnh Quảng-Nam nồi lên phản kháng suru thuế (4); một người học sinh mạo hiềm ném bom giữa thành phố Hà-nội (5); trong Nam-Kỳ, Xích-Long kéo cờ xướng nghĩa, chống cự kẻ thù (6). Tóm lại, chúng ta vì văn minh, vì chủ quyền của tổ quốc ra sức phấn đấu hơn mười năm nay, tinh thần càng ngày càng mạnh. Những việc làm nỗ lực cứu quốc của ta đã khiến cho quân thù khiếp đảm, đồng thời lại gọi được hồn Độc-Lập của quốc dân tỉnh ngộ phản khởi.

Hiện thời cả Âu-Châu đang rối ren lục đục, tàn sát lẫn nhau. Pháp đang nguy khốn ở ngay trong đất nước chúng. Anh với Nga đã cùng Đức giảng hòa riêng, thế là cờ lập, mất hai tay tả phù hữu bất trọng yếu, Thổ với

(3) Các cụ Lương-văn-Can, Nguyễn-Quyền, Đào-nguyễn-Phò, Phan-tuấn-Phong, Lê-Đại, Dương-bá-Trạc v.v... lập trường Đông-Kinh Nghĩa Thục bề ngoài là cơ quan giáo dục, nhưng bề trong chính là công cuộc cách mạng kháng thực dân. Lúc ấy là năm 1907.

(4) Năm 1908, dân tỉnh Quảng Nam khởi lên phong trào kháng cự suru thuế, kéo nhau đi hàng vạn người lên biều tình ở trước tòa sứ. Phong trào ấy tràn lan tới các tỉnh Bình-định, Thừa-thiên, ra đến Nghệ, Tĩnh. Người Pháp lấy vũ lực đàn áp, bắn chết lương dân vô số. Lòng người công phẫn lợt lùng.

(5) Năm 1913, Nguyễn-khắc-Cần ném bom vào nhà hàng Hà-nội Hôtel, giết chết hai võ quan Pháp là Chappis và Montgand.

(6) Lúc bắt đầu Âu chiến 1914-1918, một nhóm ái quốc ở Nam-Phần phản nhiều là người có chân trong hội bí mật Thiên-Địa hội, họp nhau khởi nghĩa, tôn Phan-xích-Long làm Minh-Chủ, đề hiệu triệu dân chúng cho dễ, vì Xích-Long là người tu hành nói tiếng bùa phép. Phong trào này đại khái cũng như phong trào Kỳ-Đồng và Thiên-Binh ở Bắc, năm 1897.

Áo đã chẹn ngang quân Ý để tiến binh vào đất Pháp, đánh giữa chỗ chí mạng; thành Ba-Lê không thể giữ nổi, sắp mất đến nơi.

Bản thân Pháp đã bị nguy ngập đến thế, làm sao còn khoe khoang bảo hộ chúng ta được không biết?

Vậy ta nên nhân lúc Pháp yếu thế, thura lấy cơ hội hiếm hoi thiên tai nhất thì này mà báo thù tuyết hận, khôi phục giang sơn.

Nay phụng mệnh hoàng đế, ta tổ chức quân đội, hợp lực trong ngoài nhất quyết đánh đuổi quân thù ra khỏi đất nước. Tôi đã liên kết với Trung-Quốc; võ quan với quân sĩ ta từng chịu huấn luyện binh học tân thời ở các trường võ bị Trung-Quốc và Nhật-Bản ai nấy đã trải nhiều chiến trận, kinh nghiệm quân sự, phen này cùng hăm hở đem tài học và lính mang về, sẵn sàng hy sinh cho tổ quốc.

Với mười muôn hòm súng đạn và một ngàn phi cơ ở ngoài đem về, chúng ta sẽ đánh quân thù những trận sấm sét; chỉ trong nay mai, ta sẽ chiến thắng thành công.

Quân đội cách mạng ta có nghĩa vụ với dân với nước quyết không sách nhiễu và tơ hào xâm phạm đến tài sản của dân, bắt cứ trong lúc hành binh hay khi dồn trú nơi nào, Quang-Phục quân chỉ có một việc là thu phục bờ cõi của tổ tiên, giết trừ quân giặc bách chủng để cho toàn thể quốc dân đồng bào được hưởng độc lập tự-do an cư lạc nghiệp.

Hồi đồng bào :

Chúng ta phải cùng nhau cố công ra sức phen này hầu

làm cho trọn sự nghiệp vĩ đại, lá cờ Ngũ Tinh được vê vang phấp phổi cả năm châu, không phụ lòng trông mong tin cậy của tổ quốc.

Hồi đồng bào !

Một quốc gia Tân-tạo, vững bền thiêng thu vạn tuế, bắt đầu xây dựng từ ngày hôm nay. Toàn thể đồng bào cùng có trách nhiệm tháo ách nô lệ đè đầu đè cổ chúng ta bấy lâu.

Nay bố cáo

THƯ KÈ TỘI KHẢI-ĐỊNH

Thư kề tội Khải-Định

(TỨC « THẮT ĐIỀU TRẦN » CỦA CỤ PHAN-CHU-TRINH)

Nước Pháp là một nước dân chủ, nhưng người Pháp sang cai trị Việt-Nam lại cố duy trì cái ngai vàng mục nát để hủ hóa tinh thần dân Việt, và đề làm bù nhìn sai khiến lũ sỉ phu rởm chỉ biết có cân đai bối tử, thè ngà, hốt bạc, mũ cánh chuồn là vinh, ngoài ra không biết chi là liêm sỉ ở đời, là cái nhục của người dân mất nước.

Vì thế, người Pháp trong những ngày có mặt trên đất chính trị ở đây, họ đã đem đầy các vua Thành-Thái, Duy-Tân đi chỉ vì các vua này là những người yêu nước, không muốn làm tay sai cho chúng đàn áp dân tộc mình. Và chúng đã đưa ông Bửu-Đảo, con vua Đồng-Khánh lên ngôi lấy hiệu là Khải-Định. Vốn là một tên ăn chơi đàng điếm quen thân từ hồi còn niên thiếu, nên Khải-Định từ khi lên ngai vàng cho đến lúc xuống đất đen, lúc nào cũng là một con cùu « của nhà nước Bảo-hộ ». Vì ngoan ngoãn, nên năm 1922, Khải-Định được chánh-phủ Pháp cho đội mũ áo sang Ba-lê làm « hè » mà mệnh danh là dự cuộc đấu xảo, và cũng vì thế nên Khải-Định đã không ngăn ngại làm những điều xỉ nhục cho nhân phẩm và quốc thể Việt-Nam.

Nắp dưới bóng mát của cha con họ Thực, và cứ định hình cho mình là vua thật, nên Khải-Định tưởng ai cũng sẽ tung hô vạn tuế như các quan lại ở nước nhà. Nhưng không

dè, cụ Phan-chu-Trinh lúc ấy lại « tung hô » cho bằng cách gửi đến một bức thư, lên án cho là một hòn quân vô đạo phạm 7 tội đáng giết. Bức thư này cụ Phan viết ở Marseille vào ngày 15 tháng 7 năm 1922, nguyên bản bằng Hán-văn để gửi cho Khải-Định, đồng thời cụ đưa dịch ra Pháp văn để đăng báo và phát truyền đơn đi khắp trên đất Pháp gây thành một dư luận sôi nổi vang dội về cả bên nước nhà, khiến cho thày trò Khải-Định thâm gan tím ruột mà không làm sao được. Bản sau đây là bản dịch ra Việt-ngữ năm 1926 của ông Nguyễn-kim-Đính chủ bút Đông Pháp thời báo, một nhân viên trong Hội-đồng trị sự lo đám tang cụ Phan ở Sài-gòn. Chúng tôi xin sao lục, để hiến quý bạn đọc.

Bệ Hạ,

Trinh này sống gấp lúc nước nhà diên nguy, mắt tròng thấy cõi đời cái gì cũng đổi mới cả, ham mến cái văn minh dân chủ, giận cái chuyên chế quân quyền, quan lại thi tham tàn, nhân dân thi thảm khốc, thấy như thế tội đau lòng quá, không còn tiếc gì đến thân mình, muốn kéo cái nguy cuộc lại. Năm 1907, tôi đã đưa thơ cho Chánh phủ Bảo hộ, đòi phải sửa sang một cái chánh sách mới, những điều tôi yêu cầu như lập trường học, mở hội làm ruộng, đi buôn, thay cách ăn bán theo lối Âu Mỹ, những việc tôi đề xướng đó đều ở trước tai mắt mọi người, tưởng cũng chẳng tội gì. Vậy mà Chánh phủ Nam triều lâu nay quen cái thói chuyên chế, chỉ mong sao cho vinh thân phi già lấy một mình, thấy ai nói đến cải cách thì ghét như cùu thù, coi nhân dân như cỏ rác, ấy chính là những cái mầm cách mạng nồi lên.

Năm 1908 xảy ra việc dân biến, những người bị giết, bị tù chết có đến hàng mấy ngàn, Trinh này cũng bị buộc tội chết đày đi hoang đảo. Ôi ! nước Nam đứng ở dưới quyền bảo hộ của nước Pháp cũng đã lâu, vậy mà những chánh sách hủ bại ấy không thấy cải cách, cái nọc độc chuyên chế đến thế, tưởng nói ra thế giới ai cũng lấy làm lạ lùng ! Trong khi ấy nếu không có những bức chỉ sĩ nhân nhân nước Pháp, thì cái nghĩa bác ái bình đẳng ghé vai gánh vác cho Trinh, thì cái thân già này còn đâu có đến ngày nay. Trinh sở dĩ còn được chút sống thừa đều là nhờ ở cái văn minh của dân tộc Pháp cả. Năm 1910 Trinh được ra khỏi ngục, năm 1911 Trinh qua ngũ bên Pháp quốc, khảo cứu học thuật, 12 năm trời ở ăn các nước dân chủ, hit thở cái không khí tự do, vì vậy mà biết刊登 cái công lý ở cõi đời, hiểu刊登 cái nghĩa vụ làm dân, liệu coi thời thế nước nhà ngày nay nếu không mau mau kêu gọi quốc dân dậy, cùng nhau hiệp lực đồng tâm cùng với bọn bạo quan ô lai kia quyết liệt một phen, đem cái ma lực chuyên chế của quân chủ đã mấy ngàn năm nay, nhô đến tận gốc, lấp cho đầy nguồn, ra tay quét sạch sành sanh, thì quốc dân ta trời nữa, tới khi nghe tin bệ hạ lên ngôi đã được 7 năm nay, mà tuyệt nhiên chưa được nghe có cái chánh sách gì hay, kiêu dâm càng ngày càng lồng, phạm danh giáo, loạn kỷ cương, biết bao những cái thủ đoạn ngang trái, nǎm chặt cái quyền chuyên chế nhà vua, coi thường những luật lệ thường phat nước nhà, đem máu mủ dân đê cung vào sự vui sướng của mình, trái cả cái cách văn minh của nhân đạo, ngăn cả con đường tiến bộ của quốc dân, cái đức thùy tha dơ dáy lan khắp mọi nơi, không có

ngòi bút nào tả ra cho xiết, xét coi cái chánh thề văn minh lập hiến ở các nước bên Âu Á, mỗi khi nhà vua có phạm điều gì, quốc dân được phép hỏi tội, dẫu nước ta bây giờ dân quyền chưa có, hiến pháp chưa lập, nhà vua còn nắm cái quyền độc đoán, nhân dân chưa được nghị luận tự do, nếu theo lấy cái đại nghĩa ấy mà làm, thời bệ hạ tất phải chịu những hùa riu của quốc dân gia vào, không thể tha thứ được. Nói ra khôn xiết, song bây giờ hãy đem 7 tội mà bệ hạ đã phạm với quốc dân, kể cho rõ ràng, khi bệ hạ nhận được bức thư này, hãy nên tĩnh ngộ lại mà tự xử lấy mình.

I.—Tôn bệ Quân Quyền

Bệ hạ từ khi lên ngôi tới giờ, thường hay phát ra những tờ chiếu ép nhân dân lai đê tôn quân quyền lên, đó là nghĩa gì thế ? Nước ta vốn nước sùng thượng Nho học, câu đó chính tự miêng bệ hạ nói ra, vậy thi coi trong đám nhà Nho tôn nhất là ông Khổng, ông Mạnh ; ông Khổng đáp cái câu « một lời nói làm cho nước thịnh » có nói rằng : « *Làm vua khó, làm tôi không dễ* », đáp cái câu « *một lời nói làm cho nước mất* » có nói rằng : « *Ta không thích gì làm vua, chỉ sao cho lời ta nói mà không trái thói* » — Ông Mạnh-Tử có nói rằng : « *Dân quý nhất, rồi đến xã tắc, còn vua là khinh* », còn muôn vàn những câu nói khác nữa đều cùng một ý ấy. Bệ hạ thử giở các sách Ngũ Kinh, Tứ Thư ra coi có câu nào làm cái chứng tôn quân được không ? Vì cái địa vị của mình ở trên muôn người, thì cái tấm lòng của mình phải ở dưới muôn người, ấy là cái tinh thần của Nho giáo đó. Nếu không hiểu như thế mà cứ lên mặt hò hào với người trong nước

rằng : phải tôn ta ! Phải tôn ta ! Ấy là cái đao sắp phải tiêu mất đó. Xưa vua Kiệt nhà Hạ có câu rằng : *Ta có thiên hạ cũng như trời có mặt trời, khi nào mặt trời mất thì ta mới mất.* Vì thế dân cũng đáp lại rằng : *Mặt trời kia bao giờ mất, ta cùng người đều mất.* Vua Trụ nhà Thương có nói rằng : *Ta sanh có lẽ nào không có mạng tự trời ?* Vì vậy dân cũng đáp rằng : *Trời trong tự dân ta trông, trời nghe tự dân ta nghe.* Ấy là cái chứng quân quyền tự tôn đó. Kết cuộc lại, một anh thi phái phóng ra nội Nam-Sào, một anh thi đầu treo dưới cờ Thái-Bach. Ông Khồng-Tử có phê bình một câu rằng : *Ông Thang đuổi vua Kiệt, ông Võ Vương đánh vua Trụ, đều là ứng mạng trời mà thuận lòng người cả.* Ông Mạnh cũng phán đoán một câu rằng : *Nghe giết đứa cô độc là Trụ, chờ chưa từng nghe nói giết vua bao giờ !* Đó chẳng phải những lời thốt ra đích đáng của những bậc chân chánh Nho học đấy ư ! Kinh truyện còn đó, đều do tay hai ông Khồng Mạnh chép ra, sao được tự đổi mình để đổi người ư ! Ngày nay bệ hạ phát ra những lời chau du ấy, có phải là tự mình phản đối với Nho giáo không ? Có ông vua nào tự mình trái với quốc giáo mà lại ngồi trên người ta được lâu dài bao giờ ! Ấy nói về học thuyết Á-Đông thi như thế, còn nói về học thuyết Âu Tay, thì nước là nước của dân, đặt ra triều đình để chịu phần ủy thác của quốc dân, còn ông vua hay quan Tổng Thống thi túc là người đại biểu trong một nước, cũng như trong một công ty nào có người xếp (chef) vậy. Đã chịu phần ủy thác, đã được hưởng những quyền lợi, thì phải làm sao cho đầy đủ cái bỗn phận của mình. Nếu không thể thi người trong nước ai cũng được chiếu luật mà giết đi cũng như xử một tên phạm tội kia vậy. Ấy cái thuyết bình đẳng

tự do là như vậy, mà cái trách nhiệm của mấy người làm đầu quốc dân là như thế. Nếu ai coi nước nhà như một món của riêng mình, thì ví như bọn trộm cướp ; còn ai cậy cường quyền mà áp chế nhơn dân, thì ví như quân phản nghịch, sẽ đem quốc pháp mà xử trị ngay. Đến ngày nay cái nghĩa ấy đã như mặt trời chói lợi giữa trời, phàm các dân tộc văn minh ở thế giới đều cần dùng như nước lửa, lúa gạo ; tin cẩn như kim khoa ngọc luât, thuận thì được thịnh, mà nghịch thì mất ngay, các nước lập hiến đều noi theo như thế. Xưa vua Lộ-dịch (Louis) thứ XVI có câu nói : « *Trẫm tức là nước nhà* », thì dân Pháp ai cũng cho là đại-nghịch bất đạo, đến nay nhà làm sứ chép hãy còn giận chưa nguôi. Cái ý ấy cũng chẳng khác gì bên Nho giáo, ông Khồng-Tử có nói rằng : « *Mình ghét những sự của dân muôn ; mình muốn những sự của dân ghét, thì túc khắc có tai và đến thân ngay* ». Ông Mạnh-Tử có câu nói rằng : « *Thiên hạ là thiên hạ của thiên hạ* », quả thiệt có thể. Ngày nay bệ hạ sinh ở cái nước Nho giáo, làm ông vua trong cái thế kỷ thứ hai mươi dưới quyền bảo hộ của quân Pháp là nước dân chủ, vậy mà tự tôn mình như thần thánh ngồi trên đầu trên cổ dân mà không biết ngượng ngùng gì, rõ ràng là bội nghịch với cái giáo nghĩa của ông Khồng ông Mạnh ; trái với cái văn minh của thế giới, thi không những rằng dân nước Nam này không dung, mà chắc rằng nước Pháp cũng đem lòng giận. Gần đây coi cái thời thế của các nước bên Âu Á, như nước Nhật-Bản kia vốn là nước đồng văn với ta, bốn mươi năm trước đã đặt ra thí dân nghị viện, các việc đều do dư luận của quốc dân, nhà vua không được tự chuyên lấy một mình, đến nay thế nước cường thịnh, đứng đầu các nước phương Đông, vậy mà nhân dân còn hiềm rằng quyền vua lớn quá, mấy năm vua Minh

Trị về sau, đã một lần thiếu chút nữa bị ám sát, năm trước đây quan Tề Tướng là Kinh Nguyên bị đâm chết, vì cớ ấy nên ngay đến nước Tau là nước tổ văn minh của ta, hơn mươi năm trước cũng đuổi vua đi mà lập thành dân quốc. Các nước bên Châu Âu quân quyền cường thịnh nhứt không đâu bằng vua nước Nga, thứ đến vua nước Đức, vua nước Áo, tới sau thua một trận lớn rồi, vua Ni-cô-la thứ hai bị quốc dân giết, cả nhà đều bị chết một cách thảm khốc, vua Uy-Liêm thứ hai thì phải trốn qua nước Hà-Lan, còn vua Sa-Lư nhứt thi hai lần lén về toan mưu khôi phục đều bị quốc dân đuổi như đuổi heo, rốt lại cũng bị đày chết ở ngoại hoang đảo. Cứ như trên kia đã nói, các ông vua các nước ấy, đều là những người thấy xa nghe rộng cǎ, vậy mà dân trong nước còn ghét như sầu mọt, ghê như rắn rit, mỗi khi cử động một cái gì không cần thận, thi tự khắc có những lời bao biếm theo ngay, mưu một việc gì không lành, thi tâm thần khó lòng giữ vững, coi do dù biết cai dân trí ngày nay không phải u mê sợ sệt như trước nữa. Nước ta vốn là một nước quân quyền chuyên chế, bao nhiêu chính trị ở triều đình không cho nhân dân được phép hỏi tới nhất là 80 năm trở về sau đây, vua thi dốt nát ở trên; bày tôi thi nịnh hót ở dưới: hình pháp dữ dội, luật lệ rối loạn, làm cho dân không còn biết sống theo cách nào. Trao vua Gia-Long dùng theo luật lệ trao Can-Long nhà Thanh, là một cái luật chuyên chế thứ nhứt ở Á-Đông này, coi như luật ấy ban ra, quan Đại tổng-tài Nguyễn-văn-Thành là một người khai quốc công thần đệ nhứt mà chỉ vì mấy câu thơ văn nhỏ mọn đến nỗi bị giết cả ba họ, liệt tờ trào Nguyễn hơn hai trăm năm trước dựng nên cơ nghiệp này, công đức cũng đã là lớn

lao, vậy mà con cháu hơn sáu mươi năm sau đây tặc té ra như thế, đến nỗi diệt vong đều là tự mình gây nên cả — Hình pháp thi như thế, còn về giáo dục thi quá ư đồi bại, trong nước những người deo lốt sĩ phu mà không biết một chút gì, đến nay thế nước càng ngày càng suy yếu, đến nỗi sụt xuống bậc cuối cùng nếu không nấp ở dưới cờ bảo hộ của nước Pháp, thi ngày nay không biết đã truy lạc xuống vực sâu hang thẳm nào. Cứ lấy lẽ công mà luận tội, thì mấy anh ngồi cao đứng đầu túc là mấy anh vua đó, phải phục tội thượng hình, dẫu chối cãi cách nào cũng không thoát khỏi, không những rằng quyền vua không tôn được, mà ngay chính cái địa vị vua cũng khó lòng giữ được. Vậy mà cha truyền con nối được đến ngày nay, thi đủ hiểu rằng cái dân trí bẽ tắc, thiệt đáng thương lắm. Từ khi bệ hạ lên ngôi, chưa nghe thấy một điều hay nào, mà những điều ác đã inh ôi bên tai, chạy đầu này mưu đầu nọ để bước lên cái địa vị chí tôn, rồi thi tự coi mình như thần thánh, nết làm như ủy mị; ở ngôi vua mới được 7 năm mà những sự oán vọng của dân ta đã chất chứa đầy bụng, huống chi lại còn chực mượn thói cường quyền để tự tôn lấy mình! Cứ những tội ác ấy, chiếu theo cái luật đổi đai quân chủ ở hòn Âu Châu xưa nay thi một là đáng giết, hai là đuổi đi cũng chẳng oan gì! Đó là một tội.

2.— Lạm hành thưởng phạt

Thưởng phạt là một việc lớn trong nước, tánh mạng của dân, gièng mối quan hệ vào đó. Ông Không-Tử có nói rằng: *Hình phạt không trùng*, thi dân không còn biết *dễ chân tay chồ nào*. Ông Mạnh-Tử cũng có nói rằng:

Trên không đạo theo, dưới không phép giữ, vậy mà không mất là không có. Chánh thề ngày xưa, mỗi khi trao quyền trước cho ai, thì có cả mọi người trong triều đều bằng lòng, làm tội người ở ngoài chợ, thì có cả mọi người đều vừa ý, hai điều ấy nếu không công bằng, thì quốc dân cần dùng cái chánh phủ này làm gì! Tôi nghe đích thiệt rằng hiện nay trong triều có mấy thằng « chó chết » kia đều là những bọn cống giao của họ hạ, ngày trước đã từng phen cùng họ hạ vui chơi với xóm liêu vườn hoa; dong ruồi các đầu đường xó chợ; tới khi họ hạ được lên ngôi thì trao ngay cho quyền trước, đê ngay vào bên tả, bên hữu minh, bao nhiêu những người quen thuộc khi xưa đều cất nhắc cho làm quan cả. Lại nghe nói có quan Thị lang kia, vợ y ngày trước đối với họ hạ có chút oán nhỏ, họ hạ vẫn lấy thế làm hiềm, nay được lên làm vua, thì lập tức báo thù mà cách chức một cách vô cớ, lại có quan Thượng thư kia, thường hay đem việc riêng của họ hạ nói với người ngoài, vì có ấy họ hạ buộc vào trọng tội, xử 8 năm tội đồ, án đã thành rồi, sau nghe tin viên quan ấy vốn là một người giàu có, bèn chém lấy mày muôn đồng bạc, rồi tha tội đày mà giáng chức đài di chỗ khác. Ấy những việc thưởng phạt đều là do ý riêng của họ hạ chứ chẳng thèm ngó đến quốc pháp là gì. Lại nghe tin ở quanh mình họ hạ, đều có đặt ra những kẻ trinh thám, có hơn 40 người, sớm tối đi rảo quanh khắp thành thị hương thôn, nghe coi có ai dị nghị mình, thì buộc vào tội, nếu không cũng tìm cách ám hại riêng, vì thế mà những bọn vô lại, mượn thế hoành hành, khách đi đường bảo nhau bằng con mắt, không sờ biết chừng nào. Xưa kia vua Lê-Vương nhà Châu vò đạo, sợ người ta nghị luận đến mình cũng lập cách như vậy để bit miệng dân, rồi rất cuộc cũng bị quốc

dân phân thây ra, bệ hạ há chẳng lấy đó làm gương ư. Đó là hai tội.

3.— Thích chuộng những sự quì lạy

Cái phép lạy quì chẳng qua là cái biếu hiệu tôn kính đó thôi chứ một người ngồi chót vót ở trên, một lũ người áo mũ râu ria phủ phục ở dưới, không những con mắt người ngoài trông vào có vẻ ngượng ngùng, mà lại hèn cả cái tư cách của loài người đi nữa, như thế chẳng qua làm cho kẻ trên càng kiêu căng, kẻ dưới quên cả túi hồ, thiệt là một cái lẽ phép tối dã man. Đến bây giờ đây trong thế giới các nước văn minh, không đâu còn có cái thói như thế nữa chỉ còn có một đôi chỗ mọi rợ ở miền rừng núi hay miền sa mạc nào còn thế mà thôi. Vậy mà phong tục nước ta vẫn còn chưa bỏ, thiệt là một cái xấu hổ chung cho dân tộc ta. Năm 1906, quan toàn quyền Beau đã hạ lệnh cấm thói (lạy) ấy, song những bọn quan lại nước ta hãy còn lấy cái đó làm vinh diệu, không chịu bỏ đi, thành ra cái lệnh ấy chưa thi hành được, người trí thức ai cũng lấy làm xấu hổ. Tôi khi quan toàn quyền Sarraut đàm nhậm lại sirs giấy nghiêm cấm một lần nữa, quốc dân ai cũng lấy làm mừng, duy có bệ hạ còn giữ mãi cái thói mọi rợ ấy, không những không chịu bỏ đi mà lại ham như ăn uống, phô trương như lễ nghi; mỗi khi trong triều có làm lễ mừng gì, bệ hạ vênh mày ở trên, các bầy tôi rút đầu ở dưới; rồi lại cho người chụp hình, đê truyền bá đi khắp trong nước, đến nay những bức hình ấy không những còn lưu hành ở trong nước Nam mà, đến cả các nước bên Âu Mỹ chỗ nào cũng thấy có. Khi bệ hạ qua Pháp quốc, các quan đại thần tiễn chân đến bến Tourane, còn làm một

cuộc đại lê nữa. Khi tới bến Marseille cũng vậy. Ôi qui lạy chặng phải là cái lê văn minh, ông vua chặng phải tôn như ông trời, thần dân chặng phải là một loài nô lệ, bến xe chặng phải là chỗ miếu đường, bến tàu chặng phải là chỗ chào mừng, vậy mà đặt mũ áo xuống bùn than, coi loài người như trâu ngựa, chỉ bày trò cho người nước ngoài khi, và làm cho mất cả danh dự chung của quốc dân, ai cũng lấy chỗ làm tủi nhục, duy có bệ hạ lại lấy thế làm hanh diện mà vui lòng làm, nếu không phải là « chí ngu » thì đâu có đến nỗi thế; cực dĩ chi sai người lấy sáp nắn tượng hình những khi triều hạ bày ở trường đấu xảo Marseille, đè khoe khoang với các nước, bệ hạ thi tay cầm hốt ngọc, minh dựa ngai vàng, ngất ngưởng ngồi trên, các quan lớn nhỏ thì mặc đồ triều phục, cui đầu nhắm mắt, phủ phục ở dưới, trông chặng khác gì bày rái tè cá, lũ khỉ lam trồ, thiệt không biết sự xấu hổ của loài người là gì; các người thức giả Âu Tây trông thấy đều bụm miệng cười thầm. Về phần bệ hạ đã mặt dày mày dạn không biết xấu hổ là gì thì đã dành rồi, nhưng còn nhơ nhuốc cho quốc thể thì sao? Ông Mạnh-Tử có nói rằng: *Vua coi bày tôi như chó ngựa, thì bày tôi coi vua như khách qua đường; vua coi bày tôi như cỏ rác thì bày tôi coi vua như cừu thù.* Bày tôi còn như thế huống chi về phần dân thi chặng nói cũng biết rồi. Vậy bệ hạ đối với quốc dân là người thế nào? Là khách qua đường chặng, là cừu thù chặng? quốc dân nên xử trí bằng cách nào mới đáng? Đó là ba tội.

4.— Xa xỉ quá độ

Tại xã An-Cựu, bệ hạ lập nên cung điện lâu dài, rất là tráng lệ, lại mua các đồ sứ cổ ở bên Tàu mỗi thứ có tới ba,

bốn ngàn đồng bạc đem vẽ đập bề đề chắp hình long lân, lại phi không biết bao nhiêu là vàng, mướn người Tây đúc tượng mình ba bốn cái cả đến áo mũ giày dép, đều là trang sức bằng vàng ngọc bửu thạch đem qua bày ở trường đấu xảo Marseille; sự xa phì ấy đến cả châu Âu châu Á xưa nay đều chưa từng đến thế. Bệ hạ trước khi lên ngôi làm vua, tung kiết nợ nần thế nào, phần nhiều người trong nước đều biết cả, ngày nay may gặp giàu, sang, đã không biết nghĩ đến tấm thân của mình ngày trước thì chờ lại tiêu canh phi bậy, món tiền không phải lấy ở trong túi của bệ hạ thi chặng phải là món tiền mồ hôi nước mắt của dân đầy ư? Lại nghe nói bệ hạ đi Tây, trong khi ở dưới tàu hàng ngay đem rượu xâm-banh ra dãi các hành khách, nguyên một món tiền bồi cho tàu có đến hai mươi lăm ngàn quan tiền Tây ấy là chưa kè đến kim tiền kim khánh muối cho ai thi cho nữa. Ôi cái xứ Trung-Kỳ nhân dân theo nghề làm ruộng, nghèo khổ đến cực điểm lại còn nay hạn may lụt, thiên tai xẩy đến luôn luôn, còn thèm quan tham lại nhũng, đất xấu dân nghèo, gia dĩ trong khi có cuộc Âu châu chiến tranh, đồ ăn thức dùng cái gì cũng tăng giá, cái thảm trạng lưu ly đói rét, đến nay còn chưa hết; lại thêm sưu thuế nặng nề, gánh chịu không nỗi so với hai xứ Nam, Bắc thì xứ Trung-Kỳ lại khổ bội phần hơn. Không nói đâu xa, cứ nói ngay từ năm 1916 tới năm 1918 là những năm bệ hạ lên làm vua, nội mệt tỉnh Thanh-hoa, Nghệ-an, Ha-tĩnh, Thừa-thiên, Quang-nam, Quang-nghĩa nhân dân bị bão, bị lụt, bị hạn, bị bệnh dịch hàng ngày trên báo chương kêu la không dứt, cái cảnh tượng thương tâm thảm mục đến thế là cùng! Bệ hạ ngồi trên muôn dân, mà chưa từng nghe làm một việc gì hay để cứu lấy kiếp sống thừa của con người, quyên

một chút đinh gì để đỡ cơn đói khát của dân, vậy thì cái thân bệ hạ đối với quốc dân tuyệt vô quan hệ đã lâu lắm rồi ! Đã vậy mà ngày nay còn dám ăn cắp tiền của nước làm của riêng mình mà tiêu xài xa phi, đem những của mồ hôi nước mắt mà liệng vào chỗ không đâu, cứ những cái cử chỉ như thế, thì bệ hạ còn có tư cách gì mà đứng trên đầu nhân dân nước ta nữa ! Vì thử bệ hạ lấy cái món tiêu dụng cung thất ấy, mà dựng ngay một trường học lớn tại kinh thành ; lấy cái món tiền mua đồ trang sức và đúc tượng đồng, mà mua những đồ bày biện trong nhà trường, và dùng làm lương bổng của các giáo sư và học sinh ; lấy những món tiền phung phí ở dưới tàu để trợ cấp cho các lưu học sinh Việt-Nam ở bên Pháp, thì món tiền có lợi ích biết là dường nào ! Ôi cái tình cảnh của dân nước ta ngày nay, cần cù suốt một năm trời đồ mồ hôi, xót con mắt, vợ la đói con la rét không kề, ngoài mình không có một manh áo, trong bụng không có một hột cơm không kề, chỉ ngày đêm căm cui làm sao có đủ món tiền mà nộp sưu thuế cho nhà nước, vậy mà ngày nay lại phải nhịn đau đớn, hiến tiền của để cung cấp cho thằng hôn quân kia nó huy hoắc thì có khổ hay không ? Trong cái lúc bệ hạ tiêu xài huy hoắc thế, có nghe biết cái việc làm của quan Đại Tông Thống nước Tàu là Lê-nghuyên-Hồng không ? Y vì thấy chính-phủ Tàu nghèo, bèn tự nguyện đem cái món tiền lương của mình hàng năm là ba triệu rưỡi quan tiền Tây dâng lại quốc dân để làm việc hữu ích, báo Tây khen mãi không thôi ! Ôi ! nước Tàu là một nước đất rộng tiền nhiều, bạc lắm, khắp cả thế giới không đâu bằng, lại là một nước độc lập, vậy mà cái ông Tông Thống lo dân thương nước kia, còn không muốn lãnh cái món tiền lương của mình, sợ để thiệt thòi cho quốc dân,

huống chi bệ hạ là một cái ông vua ở nước bị bảo hộ, cứ cái địa vị thi còn ở dưới quan Tông Thống toàn quyền đại thần kia ; danh hiệu chẳng qua đổi với bọn nô lệ, công nghiệp không hơn gì một người tầm thường ; vậy mà dám để mình như ông trời, làm việc như trộm cướp, mỗi một năm ngoài những món tiền lương bồng ra, lại còn thêm tu tạo cửa nhà, chơi bời lâng phi, tính lại không biết bao nhiêu kè ! Khi bệ hạ gửi bức thư cho quan thuộc địa đại thần, trong đó có câu xưng minh là cha mẹ của dân, nước Nam vốn là một nước trọng cái gia đình luân lý, có khi nào lại sinh ra cái thứ cha mẹ bất lương thế bao giờ ! Tưởng nên đổi là một tên giặc chung của dân thì phải. Đó là bốn tội.

5.— ĂN BẬN KHÔNG PHẢI LỐI

Bệ hạ tự mình chế ra những thứ lê phục lối mới, mỗi khi làm triều đều có mặc, cái mốt (mode) áo chiến bào của bệ hạ mặc, xung quanh rẽo áo và hai cổ tay đính băng vàng ngọc, đeo một chuỗi bửu thạch vàng bạc sáng ngời, trông không ra Âu mà cũng chẳng ra Á, lại thêm trên cái nón của bệ hạ có vẽ hình rồng phun năm sắc, nghe nói khi quan Thống Ché Joffre qua nước Nam, bệ hạ mặc cái áo ấy ra nghinh tiếp, lần này qua Pháp, đến viếng mồ chiến sĩ vô danh, bệ hạ cũng có mặc áo đó, may sao người Pháp không để ý gì đến những việc lê chế nước ta, nên cũng không ai biết, ví phỏng có người Pháp nào biết đến hội diễn Việt-Nam, mà hỏi gần rằng : chẳng hay cái áo của bệ hạ mặc đó có phải là áo quân phục của nước Việt-Nam không ? Thi không biết bệ hạ sẽ đáp lại thế nào ? Ôi, lê phục các nước trong thế giới này đều có định chế cả, những khi

tiếp khách cùng triều hội, nhút cử nhút động đều có quan hệ đến quốc thể, nếu sơ xuất một chút thì đối với người ngoài mang tội trái phép, nước ta ngày xưa, đối với việc này, lấy làm cần thận lắm, trên từ Thiên-tử, dưới đến thứ dân, đều có thể lệ, khuôn phép riêng, chép vào hội điền, truyền làm lệnh chung, nếu có sai trái điều gì, thì sẽ có hình phạt theo ngay, nếu ngày nay bệ hạ cho rằng lề lối xưa không hợp với nay nưa, phải nên cải cách lần lần cho hợp thời thế, thì sao bệ hạ không bắt chước ngay công phục nước Nhựt, nước Tàu, hay bắt chước ngay các nước bên Tây, dựng nên thể lệ, rồi công bố cho quốc dân biết mà noi theo? Lẽ đâu bệ hạ tự chế ra rồi tự mặc lấy, đối với bờ trong thì người trong nước quan chiêm vào đã không chánh đáng gì; đối với bờ ngoài thì con mắt người ngoại quốc trông vào, chỉ thêm làm nhục cho quốc thể, so vào quốc pháp, nên đem ra trừng trị, không còn tha thứ được. Đó là năm tội.

6.— Tội chơi bời

Bệ hạ từ khi lên ngôi tới giờ, cái nghi vê để chế, càng ngày càng thấy lỏng lảm thêm, mỗi khi ra đi chơi, lúc thì cõi voi, lúc thì đi xe ngựa, những bộ hạ theo hầu, nhiều tới hơn trăm, ít cũng tới ba, bốn mươi người, chiều sớm chiều hôm dong ruồi ở các nơi đường sá chợ búa, những đồ trang sức lòe loẹt, những cái nghi trang hách dịch, cùng những kẻ bộ hạ kiêu hãnh, thiệt là nước Nam tự năm sáu mươi năm tới giờ chưa từng thấy ông vua nào như thế, các người đi đường khốn nỗi tránh, các dân cư chán chường về nỗi huyên náo, vậy

mà bệ hạ vẫn dương dương tự đắc, có ý khoe khoang cho người ta biết mình đây làm vua là sang đến như thế nào!... Xét luật pháp các nước văn minh, không có cái quyền lợi nào ra ngoài được giới hạn, ngày nay bệ hạ tự tôn cái quyền làm vua quá, bao nhiêu oai phuộc đều do tự noi mình, còn như chính trị bê trễ, không lưu tâm đến, phân dân đói rét, không đề ý đến, chỉ đi chơi hoang suốt ngày, không tiếc gì đến thì giờ và tiền bạc, như bệ hạ thì thiệt là tôn vinh đấy, nhưng còn quốc dân tật khổ thì sao? Có phải bệ hạ chỉ là người biết hưởng lợi quyền mà không biết làm bồn phân không? Nếu chiếu vào luật thì nên ghép vào tội phóng khi trách nhiệm, làm nước hại dân, nên đem ra làm chánh pháp. Đó là 6 tội.

7.— Chuyển này đi Tây có một sự ám muội

Bệ hạ chuyển này qua nước Pháp, phàm người trong nước ta có quan tâm đến quốc sự đều đem lòng suy nghĩ, trước còn la, sau thì giận rồi kẽ ủm lùm, chỉ trỏnghau mà cười. Bệ hạ mượn tiếng rằng đưa Hoàng-tử đi du học, và viếng đài Việt-Nam quân sĩ trận vong cùng là coi xem các nơi bị tàn phá ở phía Bắc nước Pháp, nhưng đó đều chẳng qua là cái việc riêng của bệ hạ, một người thôi, chứ chẳng phải là việc chung của quốc dân. Và những việc ấy cũng chẳng phải cần kíp gì! Hay bệ hạ mượn tiếng rằng qua du lịch nước Pháp để khảo sát các văn minh đem về mà sửa sang quốc chính lại, thì bệ hạ không phải là cái người như thế, vì nước Pháp là một nước dân chủ, mà bệ hạ là ông vua tôn quân quyền, chẳng khác gì đem cái hình vuông mà đút vào

ống tròn, không ăn nhập gì với nhau cả. Huống chi bệ hạ là người không hiểu tiếng Pháp, còn các quan đại thần đi theo như mấy tên kia đều là một bọn hạ lưu ở nước ta, so bề trí thức còn thua kém đứa con trẻ mười tuổi ở nước Pháp. Và trong khi bệ hạ ở Paris, chỉ được nghe chuyện mỗi khi coi đua ngựa, trả đến 200 quan tiền Tây, sau thấy tờ Thần báo bên Pháp đăng: « Vua An-Nam mỗi khi bước chân ra đến ngoài, dấu chân đều đầm đìa những nước bông, và vò các tiệm bán đồ kim ngọc nữ trang thì tỏ ra bộ rành biết các giá cả lắm. » Ấy cái con mắt quan sát của bệ hạ chỉ có thể mà thôi, ngoài ra các nơi như viện bác vật, nhà bác cổ, trường học lớn, xưởng to, và các chỗ biểu hiệu cái văn minh của người Pháp thi chưa hề thấy bệ hạ để bước tới, mượn cớ rằng đi coi trường đấu xảo thuộc địa Marseille, thì hỏi rằng trường đấu xảo ấy có những gì, chẳng qua lại mấy món đồ của người trong nước, như Bắc-kỳ, Nam-kỳ, thi cũng ở dưới quyền quản trị của người Pháp, ngoài ra còn có gì khéo lạ nữa, còn như núp dưới quyền chuyên chế của bệ hạ là 12 tỉnh Trung-kỳ, sỹ phu thi lòng đen như mực, nòng dàn thi nghèo đói chí tử còn có gì gọi là khéo nữa. Hay muốn nói cái khéo thi duy có bệ hạ và một bọn quan lại kia lạy qui khéo, nịnh hót khéo, ăn của hối lộ khéo mà thôi. Tiếc rằng cái bọn qui mị ấy, nếu ở vào thời kỳ nước Pháp sáu bảy mươi năm trước thi đã liêng vô nước lúa hay đã hiến cho sài lang rồi, bệ hạ ngày nay dãnh dắt tụi ấy đi chắc cũng biết rằng ngoài mình với tụi ấy ra thì không còn ai đâu xứng đáng được nữa. Lại nghe bệ hạ đi qua Pháp có mang một cái sự ám muội ai dóm vô cũng dẽ trông thấy, số là vài năm trước bệ hạ có một tay quyền thế kia nâng đỡ lên làm vua, khi đã được

làm vua rồi, mượn cái oai chuyên chế vét cho hết những của cải của nhân dân để mua sắm các đồ quí của các nước và thâu hết của báu của lịch triều để lại nơi miếu đường cộng cả thảy có đến hơn trăm rương ngày nay mang hết qua bên Pháp, rồi nhờ mấy người Pháp kia vận động ton hót với đảng quân chủ để bảo hộ cho được vững vàng cái địa vị làm vua của cha con mình, và nhờ làm hậu viện cho đạt cái giấc mộng tôn quán quyền của mình để hống hách, để khóa miệng người trong nước lại rồi sau sẽ ký ngầm mấy cái điều ước gì đó để báo đáp lại. Ấy cái việc của bệ hạ định như thế, dầu thuộc sự bí mật, song quốc dân ngày nay ai cũng nghe biết cả rồi, ngạn ngữ Tây có câu « Không có lửa sao có khói ». Nếu bệ hạ không thể sao lại có lời đồn dâi kia ? nhưng tướng là cái kế gì chờ cái kế ấy thiệt là vụng tinh lâm. Bệ hạ muốn cho bền chặt cái địa vị quân chủ của mình mà lại đi cầu khấn với một nước dân chủ, Trinh này biết chắc việc cầu này chẳng xong nào ! Chỉ có bệ hạ ngu dốt chưa từng đọc đến những lịch sử dân chủ cách mạng của nước Pháp đó thôi. Nếu biết rõ, thì chỉ có cái đầu, đoán hơi, tự lấy làm hồ thị, chờ nói gì được nữa. Nay hãy coi lúc thế kỷ thứ 18 bên Âu-châu, cái quyền quản chủ nước Pháp lên tới cực điểm, thường phạt tự theo ý mình tự nhận mình là Nhà Nước, coi nhân dân như tội, mọi, phung phí tiền của như đất bùn, nào sửa sang cung điện, nào chơi bời xa xỉ, phục sức hoa mỹ, lạy qui tôn nghiêm, có phần lại hơn bệ hạ bảy giờ.

Song trò đời nếu cùng quá thì phải trở lại, là lẽ tự nhiên, vậy cho nên trong lúc bấy giờ đã có những bậc

danh nhân nước Pháp như ông Lư Thoa, ông Mạnh-đức-tư-Cưu, ông Phúc-lộc-dặc-Nhĩ, v.v.. cùng nỗi lên mà đè xướng cái chủ nghĩa dân quyền, không đầy mười năm mà thế lực ánh hưởng khắp cả toàn Âu, dân tộc nước Pháp là một dân tộc đi đầu trước nhất, một người vung cánh tay hô lên, bao nhiêu người hưởng ứng, đầu đến roi đầu đứt tay, cũng càng té càng dậy, lại tiếp theo, lại phản chấn hơn nữa. Vì thế nên mới tầu được khúc khải ca, mà cái đầu vua Louis thứ XVI mới treo cao ở đoạn đầu dài. Bệ hạ cũng nên lấy đó làm gương. Ngày nay bệ hạ chơi thành Paris, hẳn cũng ngó thấy bên đường có đúc những tượng đồng cao lớn, đó đều là những bậc anh hùng hào kiệt đã hy sinh với cái chủ nghĩa dân quyền đấy ! Một cái tượng đúc hình một vị nữ thần tay cầm bó đuốc tự do, ánh sáng chói lọi, chiếu khắp ba ngàn thế giới, tức là vị thần dân chủ đó. Phàm trong cõi đời này, ông vua nào vô đạo thì sẽ bị vị thần ấy không dung tha ! Bệ hạ đã qua đấy cũng nên bớt chút thì giờ chơi bời, đến viếng những nơi cung điện ở Versaille, thăm cái di tích của ông vua vô đạo ngày trước mà tự xét lấy minh. Từ khi vua Louis chết rồi, nước Pháp đòi ra chính thể dân chủ, nghị viện do dân cử lên, bao nhiêu những quyền lập pháp, hành chánh cùng cất đặt các quan đều do viện ấy cả. Tới nay cái chính thể quân chủ chuyên chế đã hầu tuyệt tích ở trên thế giới này, mà nhân loại còn được hưởng cái hạnh phúc tự do là đều do ở cái công lưu huyết của dân tộc Pháp cả đấy ! Bệ hạ sao không thương thuyết với quan Thuộc địa đại thần mà đi chơi chỗ cung điện Bao-bông, cho được thấy cái khí tượng bình đẳng tự do của một quốc dân cộng hòa so sánh với cái chính thể

chuyên chế hắc ám của nước ta hơn ngàn năm nay, rồi mới biết cái dân quyền chủ nghĩa khác nào thần thánh không thể xâm phạm được, sau này nó sẽ bồng bòng bột bột như mặt trời lên cao soi khắp thế gian, mà cái chính thể quân chủ kia sẽ bị như chuột lủi, chó chạy, không còn biết ăn núp vào đâu được nữa, đến ngày nay thế giới đã tặng cho dân tộc Pháp một cái huy hiệu là «mẹ dân quyền». Ấy cái danh dự của nước Pháp, dân Pháp như thế, vậy mà ngày nay bệ hạ toan đem mấy trăm rương châu báu kia giá đàng bao nhiêu mà dám mong thi hành cái kế hoạch đem tiền tài ám nhẫn cả một dân tộc văn minh, nghịch cái phong trào của thế giới, trái cả công lý của nhân đạo, như nhuốm cả cái vinh quang của quốc dân, để mong nắm chặt cái vận mạng quân chủ chuyên chế của mình, thì còn mặt mũi nào đối với thế giới, vạn quốc nữa ! Đó có phải là bệ hạ tự mình khi lấy mình không ? Cái công cuộc của bệ hạ mưu định trong chuyến đi này hẳn là thất bại đã đành rồi, nhưng chỉ tiếc cho sáu, bảy triệu bạc mồ hôi nước mắt của quốc dân và cái kho báu tàng vô giá của nước nhà mấy trăm năm, ngày nay bệ hạ liêng theo dòng nước biển Tây mà trôi đi cả. Đó là 7 tội.

Trở lên trên 7 tội đó, đều là kể những điều có quan hệ với quốc kế dân sinh. Còn những tội lặt vặt khác thì không thể kể xiết, hoặc là những việc không quan hệ gì đến quốc sự, hay việc riêng của một người, nên chẳng sá bàn chi. Ôi ! thế giới ngày nay, dân tri tiến bộ, một ngày cách xa hàng ngàn dặm, các ông vua ở các nước lập hiến bên Âu bên Á vài mươi năm trước đây đều đã đem cả các chính sự lớn nhỏ của nhà nước, hai tay dâng

lại cho quốc dân, không đám hé răng một tiếng nào, chỉ mong sao cái địa vị minh không phải trut xuống vực sâu hang thẳm đã cho là hạnh phúc lắm rồi. Vậy mà đối với quốc dân vẫn chưa được yên nào, họ vẫn chực đuổi cút đi dè tới mải cái bình dân chủ nghĩa mới là khoái ! Vậy nên từ nay trở về sau, trong thế giới này còn ông vua nào đứng lại được nữa cũng chẳng qua như lúc nước xuống, không bao lâu sẽ bị cuốn hết ra ngoài biển. Chẳng lừa là người trí giả, cũng đã thấy rõ rồi. Không nói đâu xa, nói ngay trong cái thời kỳ Âu chiến đây, bị quốc dân giết cùng đuổi đi cũng có đến 18 vị vương và 3 vị hoàng đế. Bệ hạ là kẻ dốt nát, tự cao tự đại trong xó nhà, nên không nghe biết đấy. Nước ta xưa nay chính thề do tay một ông vua cầm, quan lại hiền hay ngu, chính trị phải hay quấy, quốc dân không được phép hỏi đến, như trên kia tôi đã nói kỹ rồi, tới nay thế nước ngày càng hèn yếu thêm mãi, đến nỗi không còn được kề vào là một nước ở trên thế giới này được nữa. Nay hãy ngoi quanh các nước trong vùng Đông Á như nước Tàu nước Nhật không kề đến rồi. Ngay đến nước Xiêm, trước kia vẫn là nước thần phục mình, mà ngày nay đã nghiêm nhiên đứng vào hàng binh đẳng với các nước. Còn nước ta thì sao ? Vì sớm biết tinh ngộ, vài mươi năm trước đây, nhân nương nau ở dưới tay người Pháp, mau mau thoát ly cái dây trói chuyên chế, bài trừ cái nọc hại quan lại trộm cướp. Công thương làm sao cho phát đạt, nông lợi làm sao cho chấn hưng, thì dân ta có đâu đến nỗi như ngày nay ! Đến nỗi như ngày nay đó là tội ở ai ? Không những cái ông vua hiện tại bây giờ phải mang lấy trách cứ, mà cả đến những ông vua trả về trước

cũng không trốn khỏi cái công luận búa riu của quốc dân gia vào nữa. Ôi, cái phong trào ở ngoài thế giới như thế, mà cái tình thế ở trong quốc dân như kia, cái ngai vàng của bệ hạ chẳng khác gì trứng đê đầu dảng, thiệt có như câu vua Hiển-đế nhà Hán nói rằng : *cái mạng của trăm không biết ở ngày nào !* Cái mạng của bệ hạ ngày nay cũng như vậy. Mà bệ hạ còn ngu muội không biết gì nên tự coi mình như thần thánh. Dân oán không biết, ai nói không nghe, thiệt là nghịch thời thế, trái nhân tâm, toan đem cái tro tàn chuyên chế, dốt tiếu cái dân tri tích tụ đã lâu ngày, vét hết báu nước, thâu sạch của dân, quên cái khổ muôn người, toan sự vui sướng riêng một mình. Ôi ! đất nước Việt Nam này có phải của riêng nhà bệ hạ đâu ! Nhân dân Việt-Nam này có phải đầy tờ riêng của bệ hạ đâu ! Bọn quan lại rút của dân đã chán rồi, bệ hạ lại đào khoét thêm vào : máu mủ dân Việt-Nam chưa hết, nên bệ hạ còn hút cho đã nữa phải không ? Cái danh hiệu nước Việt-Nam này còn chưa được nhớ nhớ, nên bệ hạ phải làm cho xấu thêm, để người ngoại quốc trông vào chê cười khi thị nữa phải không ? Ôi ! Nước ta có tội gì mà phải chịu cái nghịch báo ấy ? Dân ta có tội gì mà gấp cái thứ vua quỷ ấy ? Nếu không tìm cách mà trừ bỏ đi thì cũng đến chết theo với loài yêu quái ấy mà thôi. Trinh này viết đến đây, thì bút đã cùn rồi, tay đã mờ rồi, giấy đã hết rồi, mực đã cạn rồi, mà còn muốn nói chưa dứt lời. Những điều của Trinh bày tỏ ra đó, chẳng phải công kích riêng một mình bệ hạ đâu, chính là công kích đứa hòn quân đó. Ông Mạnh-tử có nói rằng : «*tôi có muốn nói nhiều đâu, cục chẳng đã nên phải nói đó thôi*» ! Ấy cái tâm sự của Trinh này cũng như thế

đó. Bệ hạ nếu còn một chút thiên lương mà biết hối ngộ ra, biết tin rằng quân quyền không có thể cậy được, dân quyền không có thể đoạt được thì hãy mau mau quay đầu lại mà thoái vị ngay đi, đem chánh quyền giao trả lại cho quốc dân để quốc dân được trực tiếp ngay với chính phủ Pháp mà làm công việc, để mưu sự ích lợi sau này. Vậy, may ra quốc dân còn thương cái lòng mà tha cái tội đi, ấy là cái kẽ sách của bệ hạ ngày nay không còn gì hơn nữa. Chớ vì bằng thói cũ không chừa, choán cái ngôi chí tôn, ra cái oai chuyên chế, hăm chìm quốc dân xuống cái vực sâu hang thẳm kiếp kiếp đời đời, thì Trinh này sẽ bỗ cáo với quốc dân và thương thuyết với chính phủ Pháp, lãnh mạng hai mươi lăm triệu đồng bào Việt-Nam, cùng với bệ hạ tuyên chiến một trận kịch liệt, hê cái ngày nào đầu Trinh này rớt xuống đất tức là cái ngày quân quyền của bệ hạ chìm xuống đáy sâu, kéo lại trách rằng Trinh không bảo trước.

Bức thơ này một bản viết bằng Hán văn gởi cho bệ hạ, ngoài còn dịch ra chữ Pháp để đăng lên các báo, và phát đơn ra để cầu người Pháp công đoán.

Một là vì Trinh này đối cùng bệ hạ đã đoạn tuyệt hẳn, không còn một chút quan hệ gì, chỉ đúng vào cái địa vị đối đãi mà thôi, cho nên bức thơ này không phải «dâng lên» cho bệ hạ, mà chính là «gởi cho». Hai chữ «bệ hạ» mà tôi dùng đây, chẳng qua là cái tiếng xưng hô đã quen trong Hán văn đó thôi.

Một là Trinh vi vốn người theo Khổng giáo, nên không theo cái lề phép chuyên chế đặt ra từ đời Tần-

thủy-Hoàng trở về sau, cái tên húy của vua không dám nói động đến, nước Tàu nước Nhật bỏ đã lâu rồi, chỉ còn có nước Nam đó thôi, ngày nay Trinh này đò thư cứ gởi ngay cho «Bửu Đảo» là cái tên húy của bệ hạ, để tỏ ý phản đối.

Marseille, le 15 Juillet 1922

Phan-chu-Trinh



Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa

Nước Việt-Nam ta là nước tôn sùng Nho giáo và trước đây là một nước theo chánh thể quân chủ.

Nhưng trong mấy nghìn năm, người dân Việt-Nam có theo đúng tinh thần Nho giáo không? — hay Nho giáo đã bị các triều đại phong kiến xuyên tạc và lợi dụng để dần đưa dân tộc đi đến chỗ yếu hèn. Nhất là dưới chính thể quân chủ thời Nguyễn triều. Triều đại này về mặt vận đã trở thành một thứ triều đại bù nhìn cho thực dân sai khiến. Nước đã yếu, dân đã hèn, ngai vàng mủ miện đổi với thế kỷ văn minh Âu Á đã trở thành những đồ chơi, những con múa rối cho thiên hạ mua cười và khinh bỉ. Thế mà cái quân chủ vẫn còn một số người sùng bái, cái học từ chương (vốn không phải của Nho giáo) vẫn được duy trì, mạo nhận là cái học của ông Khổng ông Mạnh để ngu dân và che mắt mọi người.

Cho nên theo nhà cách mạng Phan-chu-Trinh, thì muốn tự chủ, độc lập, người Việt-Nam ta phải bỏ cái chính thể và cái học hủ bại ấy đi. Không thì chẳng có bao giờ bước chân lên đường khai hóa được.

Vậy cái học ấy và cái chính thể ấy đã gây hại cho dân nước thế nào?

Chúng ta hãy xem lại bài « Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa » này của cụ diễn thuyết trước hàng vạn thân sĩ và đồng bào tại nhà Hội Việt-Nam ở Sài-gòn tháng 11 năm 1925.

T Thưa các anh em, chí em đồng bào,

Từ khi tôi biết cái học mới đến bây giờ, thì trong trí tôi bực tức, ngẫm nghĩ lấy làm lạ quá. Lạ vì trong xứ Á đông này có bốn nước đồng văn, mà đều sùng cái chính thể quân chủ, đều sùng thượng Nho giáo. Vậy làm sao mà từ hồi cái văn minh bên Âu Châu tràn sang cõi Á-Đông đến nay thì chỉ có người Nhật Bản bỏ ngay cái học cũ mà theo lối mới, thì sự giàu mạnh trông thấy liền trước mắt, chừng trong bốn năm mươi năm mà đã sánh với vai liệt cường? Còn nước Xiêm ở gần bên ta, thi nó lai chẳng có đạo Nho gì hết, nó chỉ có đạo Phật mà thôi, mà nay nó cũng đứng vào hàng vạn quốc bình đẳng, tại làm sao mà được như thế?

— Chẳng có sự lạ, hễ người Anh lai nó cũng cho vào, người Pháp lai nó cũng cho vào, người Mỹ người Đức lai nó cũng dãi tử tế, để nó học lấy cái hay của mấy nước đó.

Chỉ chừa ra có ba nước là nước Tàu, nước Cao-Ly và nước ta dân thì nghèo nước thì yếu, cái phần người dốt nát chiếm 80 phần trăm. Còn gọi là thượng lưu, trung lưu chẳng qua là trong bọn « bát cô » (1) đã chiếm hai phần ba trong nước, thật chẳng biết cái Nho học là gì,

(1) Bài kinh nghĩa có tám vế, thường gọi là văn bát cô, bọn bát cô tức là những người học đi thi cử ngày xưa.

mà cũng nhắm mắt lại chê càn cái văn minh mới là mọi rợ! (Đây là tôi nói Cao-Ly và Tàu, còn Việt-Nam ta đề tôi nói lại sau).

Nhưng mà nay cái phong trào trong thế giới nô mãnh liệt lắm, ai thuận theo nó mà đi thì thuận buồm xuôi gió, ai không thuận theo nó thì cũng bị xô đẩy mà đỗ lướt đi như cỏ rác.

Vậy cho nên bọn thiếu-niên Cao-Ly họ đã tỉnh dậy, mới có cái hồi vận động năm 1919, làm cho Nhật-Bản phải bỏ lòng hồ lang đi, mà trả cái tự do lại cho họ; nước Tàu thì có sự vận động bọn thanh niên năm 1925, làm cho liệt-cường thề nào cũng phải lấy sự công bình mà đổi đổi lại với họ.

Khốn nạn thay cho cái dân tộc nước Việt-Nam ta, đến bây giờ trong dân tộc mà gọi là các ông Nho học tức là các ông có học được ít chữ Tàu; mà nhất là các ông đã đậu được cử nhân, tiến sĩ; các ông đó tôi dám chắc rằng không hiểu Nho giáo là gì hết; vậy mà hễ mở miệng thì cứ đem Nho giáo ra để làm chỗ dựa, để bài bác cái văn minh kim thời, tức là cái văn minh mà các ông tuyệt nhiên không hiểu được một chút nào cả.

Còn nói về các anh thiếu niên tân học, trừ ra có đôi anh tự cái súc thông minh của mình mà tìm kiếm ra thấy được nhiều ít kỹ dù thi chỉ theo cách học cũ: mong kiếm lấy cái chức phẩm gì, hay là coi cho rộng để viết lách khoe khoang mà thôi. Không có ông nào chịu đem cái sự học của Âu Tây để so sánh lại với cái

học cũ của ta, xem điều gì hay, điều gì dở cho người ta xét đoán mà tìm lấy đường tiến tới về sau.



Tôi xin lỗi các anh chị em đồng bào, cái đề mà tôi lựa để diễn thuyết bùa nay, quân trị chủ nghĩa (tức là nhân trị chủ nghĩa), dân trị chủ nghĩa (tức là pháp trị chủ nghĩa), cái đề mục đó thật là lớn lao quá, không phải là sức tôi có giải quyết ra cho minh bạch được. Muốn giải quyết ra cho minh bạch thì phải tìm về Âu Á lịch sử chính trị học và chính trị triết học, mới có thể nói ra cho tinh tường được.

Các anh em, chị em có lạ gì tôi: cái học về đường lịch sử chính trị Tàu thì tôi cũng hiểu được ít nhiều, còn về đường tây học thì thật là kém lắm. Nhưng mà tôi cũng rán hết sức, đem cái việc mà tôi đã biết xin nói ra để anh em nghe, còn các việc gì cao xa không thấu, thì để phần ông nào hiểu hơn tôi diễn giải ra cho anh em chị em rõ.

NÓI VỀ CÁI LỊCH SỬ QUÂN TRỊ CHỦ NGHĨA

Cuộc quân chủ đến ngày nay thì cũng như một cái hoa tàn lá héo phất phơ trong đời bây giờ.

Xem như trong một cõi Á-Đông này — không kể những ông vua đã mất nước rồi mà những nước mạnh họ chỉ để làm con nôm, con bù nhìn để đe dân bồn xú — thì chỉ có vua Xiêm và vua Nhật đủ quyền phép đáng xung là ông vua mà thôi. Âu Châu bây giờ dân chủ đã đến 14 nước mà quân chủ chỉ sót lại có 12 nước. Còn bên

Mỹ Châu thi chǎng có một nước nào quản chủ. Vậy thì ta có thể nói quyết rằng : trong trái đất này chỉ có 8000 triệu người, mà số dân có vua thì không được một phần trong số mười.

Vé vang thay cái oai quyền quản chủ ! Góm ghê thay cái dục vọng của quản chủ ! Đang hồi thương cõi, trung cõi, dân chúng còn hèn yếu ngu dốt, cho nên bắt câu loài dân nào cũng phải có cái quyền quản chủ để bao bọc cho dân, che chở cho dân ; đang cái thời đó thì quản chủ thật là một vị thuốc rất hay cho loài người hồi đó.

Khốn nạn thay cái tinh loài người ; thấy người ta tôn trọng mình bao nhiêu thì mình lại thêm kiêu hanh bấy nhiêu ; thấy người ta kính nể mình bao nhiêu thì mình lại càng tự thần tự thánh bấy nhiêu ; thấy người ta chiều chuộng mình thì mình lại muốn ngồi lên đầu người ta ! Không những thế, lại muốn truyền cho con cháu đời này qua đời khác, như cái gia tài riêng của mình. Đất muôn cho ai thì cho như là bán ruộng, còn dân thì làm như bọn mọt vậy.

Ta thử xem từ xưa đến nay, bắt cứ vua nào, hễ cướp được nước lên làm vua thì tìm đủ cách để truyền cho con cháu cho lâu dài, mà rốt cuộc lại họ nào lâu lăm thì trăm năm, còn mấy họ vẫn thì năm mươi năm thôi. Cái cuộc đó thì ở Á ở Âu gì cũng như thế cả. Nhưng mà ở Á Châu thi đến thế kỷ mười bảy, mười tám, các bậc hiền triết ra xướng lên cái chủ nghĩa dân quyền. Mấy ông vua nào hung dữ chuyên chế, phản đối

lại cái phong trào dân chủ thì bị nhào cả : còn anh nào điều hòa với dân thì còn ngoắc ngoài đến bây giờ.

Về cái vấn đề này thì tôi cốt chỉ rõ cái quản trị chủ nghĩa bên Á-Đông này thật không phải là gốc từ Nho giáo. Tôi xin chỉ vẽ rõ ràng cái tư tưởng sai lầm từ xưa đến nay cho anh chị em đều hiểu.

Cứ theo các ông triết học Âu Châu bàn về lịch sử nhân loại : kể từ loài người mới sinh, rồi làm sao mà có gia trưởng, làm sao mà có tù trưởng, làm sao rồi thành vua thành chúa ; cứ nói như thế thì mất hết thi giờ, mà các ngài ngồi nghe cũng vô ích. Vậy cho nên tôi cứ sử Tàu mà cắt nghĩa để các ngài dễ hiểu hơn.

Tàu thì tôi cứ nói từ vua Hoàng-Đế. Vua Hoàng-Đế là một ông vua mạnh nhất ở Tàu. Từ ở núi Côn-Lôn (phía Tây nước Tàu) tràn xuống phía bắc Tàu, rồi đánh với dân bản xứ Tàu là dân Hữu-miêu ở miền Dương-tử giang, giết được tướng nó là Xuy-Vưu. Ông ta thật là một ông vua lớn của nước Tàu. Nhưng vậy mà đến khi ông Khổng Tử làm sách, ngài không muốn đề tên ông Hoàng-Đế đâu, vì ông ấy thường binh thượng võ lắm. Ngài chỉ chép từ vua Nghiêu vua Thuấn mà thôi. Vì hai ông vua ấy không có lòng gì muốn làm vua hết, chỉ bị các nước chư hầu bắt buộc, họ bầu cử lên mà thôi, cũng nổi nghiệp ông Hoàng-Đế đi đánh Hữu-Miêu, nhưng trong một tháng không được thi rút binh về để lo sửa việc học hành, dạy dỗ dân mà thôi.

Đời đó thì bày ra những là dạy dân có ngũ luân, làm ra lịch có ngày tháng, thi giờ, cho tiện người làm

ruộng, đặt ra cân, ra thước, ra lường để cho tiện dân buôn bán, bày ra có áo xiêm, có lẽ phục, v.v.. còn nhiều nữa tôi không thể kể ra đây cho hết được. Đây các ngài nghe cho rõ : cái dân tộc Á-Đông mà có Nho giáo ra là từ hai ông ấy. Nên ông Không xưng là «tồ thuật Nghiêu Thuấn». Thầy Mạnh nói cũng chỉ khen Nghiêu Thuấn. Mà bây giờ ở nước ta những ông có học được một hai chữ Tàu, hê mở miệng ra là nói đạo Nho cũng vì cái lịch sử lờ mờ đó.

Đây tôi xin nhắc lại cái đời Nghiêu Thuấn lúc đó thế nào ? — Cái đời đó vua Nghiêu vua Thuấn, chẳng qua là một anh thủ lãnh của đám tù trưởng ở trong ân tộc Trung-Hoa hồi đó mà thôi.

Cứ theo cái dấu tích lịch sử mà suy, thì lúc đó chư hầu nước Tàu có ít cũng là đến 15 ngàn nước ; về sau trong hai trăm năm rồi vua Võ hội chư hầu ở Đồ-Sơn còn lại một vạn nước, tính theo số đó thời đó, thì không sai sút mấy. Vậy thì cái nghi vệ và cái quyền lợi của thiên tử hồi đó ra thế nào ? Thiên tử cũng ở trong một nước nhỏ như các nước chư hầu vậy thôi, chỉ có lập ra triều nghi để cho các chư hầu triều cống. Cái quyền to nhất là cái quyền được tế trời đất, còn chư hầu chỉ được tế những núi, những sông ở xứ mình mà thôi. Thiên tử có đi xem xét ở các nước chư hầu phải đón rước. Thiên tử được cử người lên làm quan, có tội thì phạt, có công thì cũng được phong làm chư hầu.

Vậy thì nói lược lược qua đó, anh em chị em đều biết ông Thiên-tử cũng như ông Tồng-lý hội Van-quốc

đời nay. Chỉ có được lê triều cống, được cầm quyền chinh phạt, là theo cái sổ nhiều chư hầu mà phạt nước này thường nước kia.

Thương hại thay các ông học chữ Tàu, nghe nói cái tên Nghiêu Thuấn thì các ông tưởng là nhà Ngũ-phụng-lâu, cõi xe lục long xa, tưởng là cũng ra vào hò hét như các vua ta bây giờ. Nhưng mà ai có đọc địa dư hay là có đi du lịch đến chốn Bình-dương Bồ-bản, thì mới biết rằng cái kinh đô của hai Ngài bằng hai cái thành con bảy giờ, nghĩa là không đầy hai ba dặm vuông.

Từ đời Võ nối vua Thuấn, truyền ngôi cho con trai những nước chư hầu lớn mà cõng đầu nhất, nghĩa là nó muốn giành ngôi Thiên tử : như là đời ông Võ thì giết Phùng-Phong, đời Khải thì giết Hữu-Hộ, đời ông Thiếu Khang thì giết Hậu Nghệ ở nước Hữu cùng. Ấy tôi tạm đặt đó là cái thời kỳ thứ hai của Thiên tử.

Từ đó về sau đến 4000 năm, đến đời ông Kiệt. Ông Kiệt thì tôi không cần nói những cái lối của ông ấy ra, các ngài cũng đã hiểu rồi. Đến khi đó thì các nước chư hầu không phục ông Kiệt, mới tôn ông Thang là vua một nước chư hầu nhỏ nhất làm đầu, mà đánh đuổi ông Kiệt đi, rồi thay vào ngôi Thiên tử. Cái việc đã mấy nghìn năm rồi, có thật hay không, không biết, nhưng mà tôi cứ thuật lại mà nghe : Khi ông Thang đã được chư hầu cử lên làm Thiên Tử, thì ông cáo với dân và các chư hầu rằng : « Ông lấy cái sự đuối vua Kiệt đó làm thận, nhưng vì ông muốn cứu dân nên phải làm ». Tuy ông nói thế nhưng chư hầu cũng cứ tôn ông lên ngôi

Thiên tử. Ấy là cái oai quyền Thiên tử tấn tới về bước thứ ba.

Từ sau con cháu ông đến sáu bảy vua dỗi nỗi nhau làm vua truyền đến 600 năm. Đến đời ông Tru, dân không phục nữa mới mất nước. Hồi ấy dân ông Tru, ba phần thi đã hai phần phục theo ông Văn-Vương rồi, thế mà ông Văn-Vương cũng không chịu đuổi Tru, đến đời con ông Văn-Vương là Võ Vương mới giết ông Tru mà lên làm vua. Đến hồi đó thì trong sự đánh dẹp, thấy tập luyện cũng đã gồm ghê lắm rồi, thấy quân lệnh cũng nghiêm trang, binh giáp cũng dữ dội, cũng lấy giết người chảy máu nhiều làm danh giá, bắt được tướng giặc thi cũng chặt đầu bêu lên, cũng đã làm cách dã man như lối bây giờ vậy. Cho nên ông Khổng Tử khen ông Văn Vương là chí đức, chê ông Võ-Vương là vị tận thiện là thế.

Từ ông Võ đến đây là hơn một nghìn năm, ông tức là vua nhà Hạ. Khi ông lên làm vua thì dưới quyền ông còn hơn một vạn nước; đến hồi vua Thang nhà Thương đuổi vua Kiệt, thì còn mấy nước chư hầu mà không thấy sứ nói đến. Đến đời ông Võ Vương nhà Chu đánh ông Tru thì thấy chư hầu không hẹn mà tới hội được 800 nước. Vậy thi trong độ một nghìn năm mà tuyệt hơn tới 900 nước. Đời ông Võ Vương nhà Chu thi oai quyền to lắm, nên có thể nói rằng đến đời này oai quyền Thiên-tử tấn tới bước thứ tư.

Bây giờ tôi xin nói tóm lại : Khổng, Mạnh và Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ, tức là những ông đã làm ra cái gương đẽ cho các vua đời sau gọi là Nho giáo đó.

Ta phải xem xét cái thời thế phong tục của các vua đời sau so lại với Nho giáo thì có giống chút nào không ?

Từ sau Võ-Vương giết vua Tru, dân đã không phục, duy có đời vua Văn, vua Võ, vua Thành, vua Khanh, thì dân phục mà chư hầu cũng phục. Đến đời vua U, vua Lệ thì dân nó nỗi lên giết các vua ấy, rồi ngôi Thiên tử của nhà Chu từ đó mà mất theo. Một đoạn lịch sử tốt đẹp như Tàu từ Nghiêu Thuấn cho đến Văn Võ, thật như là cái khí mùa xuân, như là cái ánh sáng mặt trời êm ái, ai thấy mà không khen ngợi. Ai thấy mà không ước ao. Vậy cho nên đức Khổng, thầy Mạnh nhân đó mà lập ra cái đạo đẽ bình trị thiên hạ thì cũng phải lắm.

Lạ thay, qua đến đời Xuân Thu là nửa đời Chu thì năm nước Bá ra, chẳng cần gì đạo đức nhân nghĩa như trước cả, chỉ lấy cái giả dối thay nhau, còn Thiên tử chỉ đẽ cái hư hiệu mà thôi. Từ lúc đó thì còn được 300 nước; hơn một trăm năm nữa rồi chỉ còn bảy nước; không đầy một trăm năm nữa thì rút cuộc lại thống nhất về nhà Tần.

VỀ CÁI THỜI NÀY TÔI MỚI CẮT NGHĨA CÁI QUÂN TRỊ CHỦ NGHĨA TỨC LÀ NHÂN TRỊ CHỦ NGHĨA

Ông Tần-Thi-Hoàng khi mới lên làm vua thì ông làm cái gì ? Ông đặt ông là ông vua đầu, ông truyền cho đến muôn nghìn đời về sau, ông sợ dân khôn nên ông đốt sách, ông sợ học trò chống cãi lại nên ông chôn sống học trò ; sợ đẽ gươm giáo trong dân gian nhiều thì dân nó nỗi giặc, nên ông phá ra đúc làm tượng đẽ

chơi ; phá mẩy cái thành cao ; lấp mẩy cái ao sâu, không cho dân dựa đó mà chống lại nhà nước. Lại tin cái câu sấm « Vong Tần dã Hồ » mà bắt cá dân già trẻ đi đắp cái Vạn-lý trường-lành, khổ nǎo biết bao nhiêu. Cái mổi loạn phát ra từ đó.

Ông làm như thế thì ông tướng có cái gì mà sợ nữa. Ông làm ra cái cung điện A-phòng, bỏ vài ba nghìn con gái đẹp vào để chơi. Ông làm ra cái lăng Li-son, dài ba bốn dặm, có đàng cách đạo, trùng thành ; còn nhiều cái sang đẹp nữa. Ông lấy chữ « Trâm » để cho một mình ông Hoàng để được xưng mà thôi.

Đời xưa hẽ xưng « hoàng » là « hoàng », xưng « đế » là « đế » khi trước đạo nho lấy « vương » là quý, ông chỉ đế phong cho đầy tớ mình mà thôi.

Sung sướng đặng bao nhiêu, chưa đầy 13 năm đã bị thằng Triệu Cao nó giết, rồi thiên hạ lại vào tay nhà Hán, quân chủ lại vào tay nhà chuyên chế khác nữa.

Đó ! xin các ngài nghe rõ một khúc này nữa. Nay những ông nho học ở nước ta, các ông yêu mến đạo Nho mà các ông ghét nhà Tần biết bao nhiêu ; vì các ông thấy nhà Tần bội đạo Nho. Nhưng mà vua của các ông có xấu thế nào các ông cũng cứ ví với Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Võ, chứ không khi nào các ông vi với vua Tần. Nhưng mà các anh em thử nghĩ xem — vua mà xưng « Trâm » là theo đạo Nho hay là theo Tần ? Vua mà xưng là « Hoàng đế » thì theo đâu ? Vua mà có luật giết ba họ người thi có phải theo Tần không ? Vua mà dám dục ở trong cung với hàng trăm hàng nghìn

cung nữ, có phải là bắt chước theo Tần không ? Vậy mà ông Vua nói mình theo đạo Nho, tự ông nói vậy là phải ; các quan nịnh theo vua thì họ nói theo cũng là phải đi, bọn đó không kể, còn các ông đồ già cũng ráng gân cò lên mà cãi rằng :

Vua mình theo đạo Nho !

Triều đình mình sùng đạo Nho !

Nước nhà mình theo đạo Nho !

Dân mình theo đạo Nho !

Vậy thì đạo Nho ở đâu ?

Do nhà Hán đến nhà Đường, do nhà Đường đến nhà Tống, do nhà Tống đến nhà Nguyên, do nhà Nguyên đến nhà Minh, do nhà Minh đến nhà Thanh, nghĩa là trong độ 2200 năm đó, cách chính trị của nhà Hán cũng không có cái gì rộng rãi công bình ; nhưng Hán cũng còn hơn Đường, Đường cũng còn hơn Tống, Tống cũng còn hơn Nguyên, Nguyên cũng còn hơn Minh, Minh cũng còn hơn Thanh. Xét cái lịch sử quân chủ ở Á-Đông này thì chúng ta biết rằng từ Tần-Thủy-Hoàng về sau, các nước nói theo đạo Nho đó kỳ thật không có thi hành một chút đạo Nho nào, chỉ còn sót lại một hai điều ở trong gia đình mà thôi. Kỳ dư là những điều mẩy ông vua chuyên chế dựa vào đạo Nho để đè nén dân.

CÁCH CHUYÊN CHẾ Ở Á ĐÔNG KHÉO HƠN ÂU CHÂU THẾ NÀO ?

Vua Âu Châu ở xứ Thượng võ, cho nên làm cái gì cũng hung hăng mà ngay thực, cho đến sự độc ác cũng vậy.

Lúc trước muôn đè nén dân thì phải thông đồng với Giáo hội, bày đặt ra nói ông vua là ông Thần Trời, thay mặt cho Thần Trời, hay là Thần Trời hóa thành ra ; nghĩa là ông vua không phải một loài với dân thì dân phải tôn kính ông vua. Nhưng mà những cái lẽ đó là can cùng giả dối, chỉ có phỉnh dân ngu được một lúc mà thôi, cho nên sau rồi ở Âu Châu cái dân quyền càng mạnh chừng nào thì quân quyền càng xếp lại chừng ấy. Vua Á-Đông thì họ không làm như thế. Họ lựa ở trong cái lời nói của ông Không ông Mạnh, hoặc ở trong sách cỗ những câu nói có nhiều nghĩa để họ dựa vào đó, lập ra pháp luật để bó buộc cai trị dân ; cái ngòi vua thì gọi là con Trời, nhưng họ cũng cứ xưng họ là người, chẳng những họ không đứng ra ngoài cái hàng bà con của dân mà họ lại đứng vào cái hàng thân thiết của dân, như là ta nói « quân, sur, phu », lại thường nói « vua, cha, chồng ». Dù ở chỗ hương thôn dốt nát không biết ông vua là thế nào nhưng mà họ thấy đứng vào hàng cha, thầy, chồng, thì họ cũng cho đứng vào đám thân thiết. Dân ngu thì họ cứ kính, cứ yêu, chứ họ có biết đâu đến hối giận của ông vua thì ông giết cả ba họ người ta. Mà còn ông cha, ông thầy, ông chồng, thì có làm ích cho ta, chứ có khi nào làm hại làm ác như thế. Còn khi cha mẹ ta đẻ ta ra thì đòi, no, sống, chết, thế nào cũng ở trong tay cha mẹ ta, nào ông vua có biết đến đâu. Thế mà đến hối tuổi ta lồng lộng lớn lên thì đánh một tiếng là « tôi trời con vua ». Ông vua muốn cho sống thi được sống, ông vua muốn cho chết thi phải chết, ta không có thể chối cãi lại được là nghĩa lý gì ?

Dân bên Âu Châu thượng võ, cho nên dòng quý tộc chưa phải có võ công mới lên được, mà đã lên được thì khó mất lắm. Còn bên Á-Đông này, cái cách quý tộc lại chuộng thi văn, mà trong thi văn đó ai đậu mới được làm quan, ai không đậu thi thôi, bèn quan võ thi chỉ có hồi có giặc hay là hồi khai quốc mới có người tài thật, kỳ dù thi võ chức chỉ là đề thưởng cho những người dốt nát. Thi dụ như một người đi lính, dù dốt nát mấy nhưng mà đi lính từ 20 tuổi đến 50 tuổi, thi thế nào cũng lên được chức lãnh binh, đề đốc, huy trưởng được cái mì phú quý ít năm, nghĩa là mình ăn ở miễn sao cho người ta đừng ghét là được. Ấy là cái mưu quân chủ rèn tập cái tri dân ở Á-Đông làm cho khờ khỉnh. Ta thi dụ nước ta đã mất mấy mươi năm rồi, mà đến kỳ thi ai cũng khi khủm lo cho đậu được một chút mới thôi. Hết đậu được thi cho là mồ mả ông cha có phúc. Còn người có thể hay là có tiền thi cũng vác đi lo làm quan, cũng kiếm một cái hư hàm. Chứ chúng ta đi ra Hà-nội, ra Huế, ta thấy những là bọn mang thẻ bài ngà nó đi đụng đầu với nhau, còn một bọn thi đang vác tiền đi lo, thi ta cho là một bọn điên cuồng ngu dại, ta không biết cái óc chúng nó ra thế nào, nhưng mà ta biết rằng cái giống đó là giống đã gieo mầm từ các đời vua trước đã mấy nghìn năm rồi.

Nói tóm lại, cái cách chuyên chế ở Á-Đông này là tôn lên mấy lời tà thuyết, như là câu « lợt lòng mẹ ra đã phải chịu cái nghĩa vua tôi ». Nhưng mà ta có biết rằng « quân thần dĩ nghĩa hiệp » là nghĩa làm sao ? Vậy cho nên có người họ chán, họ bỏ đi ở ăn, thì bọn chuyên chế nó lại lập ra cái luật « hữu tài bất di quân dụng » nghĩa là có tài mà không cho vua dùng, nó lập ra cái luật « yêu quân », nghĩa là nũng vua, đề mà phạt bọn người ấy. Nó sợ rằng dân biết chính trị nhiều thi dân nồi lên cách mạng, cho nên nó cấm học trò và dân không được nói

đến chính trị. Hết thấy những cách chuyên chế đó, nghĩa là họ bảo dân rằng: « May mắn làm gì làm, nhưng đừng động đến cái ngôi vua của con cháu ta! »

Có hay đâu giữ khéo thì dân trong nước không động đến ngôi vua của con cháu họ thật, nhưng mà ngoại quốc đến lấy thì dễ như chơi, bởi vì dân nó ngu ! nó không biết nước là cái gì cả. Ta thử xem gương nhà Tống trước mất với nhà Liêu rồi sau mất với Kim, rồi sau mất với Mông-Cồ ? Còn nhà Minh thì mất với Mãn-Châu, Cao-Ly thì mất với Nhật, Việt-Nam thì mất với Tây.

Thương hại thay trong hai nghìn năm nác nhà vua chẳng ngó cho đến cái lợi của dân tộc, chỉ lo tính toán mà đè nén cái tri của dân, đè mà giữ chặt cái chìa khóa tủ sắt ngôi Thiên tử cho con cháu mình. Nhưng mà có hay đâu, dân đã ngu nước phải yếu, vua quan lại nghênh ngang tham nhũng nữa, như thế tắt loạn, loạn thì ngôi vua mất. Nếu dân ngu quá, yếu quá, không đủ giấy loạn được, thì các nước khác nó tràn vào ấy là cái lẽ tự nhiên, làm gì thế nào cũng không khỏi mất. Cho nên xưa nay cái ngôi vua thay đổi luôn, cũng như cái ghế hạng nhất ở rap hát vậy.

CÁI QUÂN CHỦ LỢI HẠI THẾ NÀO ?

Vậy bây giờ ta tóm lại đề coi cái lợi hại về quân chủ ra thế nào, thì ta thấy bắt đầu là Á, là Âu, là xứ nào, dân tộc nào mà lập thành nước đề đến bây giờ, là đều nhờ những anh hùng hào kiệt đời xưa, họ ra cầm đầu cho dân, ngoài thi đối phó với các dân tộc khác, trong thì sửa sang lại việc hòa bình ở trong nước. Những cái

công đức của các ông đó ta cũng nên khen ngợi, đáng ghi nhớ, chứ không phải không. Còn cũng có dòng dân, trước còn đứng được, sau lại không có anh hùng hào kiệt đứng ra chống chọi, thì lại bị nước khác nuốt mất. Xem vậy thì cái lợi của quân chủ ở đời thương cỏ, quý không gì bằng. Tuy các ông cũng có mưu về lợi riêng, nhưng chúng ta cũng có thể tha thứ cho được. Còn cũng có một cái dịp dùng cái quyền quân chủ rất tốt. như nước Nhật, nước Xiêm, khi người Âu Châu mới qua thì dân còn ngơ ngáo không biết gì, thế mà nhờ trên có ông vua anh hùng, dưới có các quan tài tri, đem đường chỉ lối cho dân tấn tới lại càng mau. Vậy thì cũng là một sự hay. Còn từ đó sắp sau, chỗ nào dân không thể nhờ được dịp đó thì cái quân chủ chỉ là một đồ vô dụng.

Ta xem bên Tàu 30 năm trước, vua Quang-Tự đã hạ chiếu duy tân, vì có một người thiếp của cha, mẹ trai tham của, không chịu thay đổi chính trị, chẳng những làm cho dòng vua Mãn-Châu mất, mà làm cho Tàu đến nay hãy còn khốn đốn. Vua Cao-Ly, bên vợ thì duy tân, bên cha thì thủ cựu, đánh nhau mãi, giết nhau mãi, rốt cuộc lại, cha mẹ thì bị ở tù, vợ thì bị giết, mình thì hai tay bưng nước đưa cho Nhật, rồi bị cách chức.

Nhắc qua đến ông vua nước ta là ông Tự-Đức mà đến bây giờ mấy anh quan già và mấy anh đỗ già còn ca tụng là « thánh quân », khi người Tây mới qua, quan binh thì cũng có như ông Nguyễn-tri-Phương, ông Võ Trọng-Binh xin đánh, mà nói có muốn đánh thì phải xuất tiền đi ngoại quốc mua súng ống về mới có thể đánh

được. Nhưng mà ông vua ấy có tính thương tiền tiếc bạc, cứ muốn chôn dưới đất, chẳng muốn đem mua cái gì cả, ông trả lời với các quan binh rằng : « Các anh muốn đánh thì đánh, nhưng mà nếu các anh không hơn thi các anh mời đê mẹ con trẫm vào đâu ? » Làm ép cho mấy ông quan võ như là ông Võ-trọng-Binh bỏ về, còn ông Nguyễn-tri-Phương đê cho Tây bắt, rồi không ăn mà chết. Cũng có người học thíc như ông Nguyễn-trường-Tộ, khuyên vua dạo qua bên Tây, xem xét cái văn minh của họ rồi cho người qua học ; các quan văn cũng có nhiều người xin thế, mà ông vua trả lời rằng : « Nhật nó là dòng mọi, Xiêm nó là dòng mọi ; mọi thi nó học với mọi được, chứ như ta là con thần cháu thánh, lẽ nào ta lại đi học với mọi hay sao ? »

Thôi ! Tôi không đoán cái hay cái dở của ông vua đó đê các ngài nghe rồi các ngài sẽ đoán xét các ông vua đó là ông vua gì. Mẹ con ông chết thi có chỗ chôn còn mẹ con hai mươi triệu bơ vơ đến bây giờ đó thi làm sao ? Bọn mà ông cho là mọi rợ thi bây giờ nó đã tẩn tới hết cả. Hai mươi triệu khi xưa không đến mọi rợ mà bây giờ chẳng những hóa ra mọi ; mà lại hóa ra tôi đòi hèn hạ nữa !

QUÂN TRỊ TÚC LÀ NHÂN TRỊ (*người trị người*)

Đây hãy nói tóm lại quân trị túc là nhân trị. Quân trị chủ nghĩa tuy có pháp luật mặc lòng, nhưng mà pháp luật cứ tự tay ông vua lập ra, chứ còn dân thi không biết gì hết. Vậy cho nên khi nào gặp một ông vua thông minh anh hùng, hiểu được cái sự quan hệ giữa dân với nước

là thế nào, mà trường tri lũ quan tham, lại nhũng, đê cho dân được yên lặng làm ăn, thi dân giàu nước mạnh, mà cái thi giờ của vua sống được bao nhiêu thi nước còn được thái bình bấy nhiêu.

Còn đến mấy ông vua hòn ám thi ông sống với đàn bà con gái, với bọn hoạn quan, còn biết gì đến nước, trao chính quyền vào trong tay mấy đứa nịnh thần, người đã hư thi nước cũng đồ thô. Cho nên ông Khổng Tử có nói rằng : « Văn-Võ chi chính bố tại phương sách, kỳ nhân tồn tắc kỳ chánh cử, kỳ nhân vong tắc kỳ chánh túc. » nghĩa là cái chính trị vua Văn vua Võ còn chép trong sách, có người chính trị giỏi thi cái chính trị trong sách đó mới hành ra, nếu không có người giỏi thi cái chính trị ấy mất. Tuân Tử thi nói rằng : « Hữu trị nhân, vô trị pháp » nghĩa là có người ra làm hay, chứ không có cái pháp luật nào hay được. Ông Mạnh thi kiêm cả hai ông mà nói rằng : « Đò thiện bất túc dĩ vi chinh, đò pháp bất năng dĩ tự hành. » nghĩa là có người giỏi mà không có pháp luật thi cũng không làm được chính trị ; có pháp luật mà không có người giỏi thi pháp luật cũng không tự làm lấy được.

Mấy nghìn năm nay, mấy ông vua giỏi, tướng giỏi hết sức mà tránh cho khỏi cái chữ quản trị là nhân trị, nhưng mà không được, vì là lập phép này phép kia cũng tự tay vua, đến khi đập đồ đi cũng tự vua.

Áy tôi nói những ông vua biết lo mà chưa cho khỏi chữ nhân trị là từ đời Tống, đời Đường sấp lên, những ông vua hiền, minh thi thế. Còn từ đó sấp xuống thì

chuyên chế quá lăm. Xem như ông Minh Thái-Tô đặt ra cái luật « hưu tài vi quân dụng » nghĩa là đặt ra cái luật hễ ai có tài mà không ra cho vua dùng thì có tội. Ấy là để bắt người ta phải ra cho mình áp chế hết cả, chứ không cho ai ở ăn năn. Về đời Càn Long lại đặt ra luật « Yêu quân » nghĩa là có tài mà buộc vua phải cầu cạnh mình thì có tội. Những cái luật đó thì còn có ích gì cho dân tộc, cho nhà nước đâu, chỉ làm sướng cái óc kiêu ngạo, làm cho sướng cái xác thịt của ông « hoàng đế » đó thôi.

Vua đời xưa thi còn cầu hiền hạ sĩ, chứ vua đời sau thi cứ nắm ngửa đó, thằng nào có tài mà không ra cho tao dùng thi tao bỏ tù, thi còn gì sang trọng hơn nữa !

Từ nay đến giờ tôi nói về cái lịch sử và triết học quân trị là nhân trị. Đây tôi xin chỉ thêm vài cái chứng thật cho anh em dễ hiểu. Nhân trị nghĩa là cai trị một cách rộng rãi hay là nghiêm khắc chỉ tùy theo lòng vui, buồn, thương, ghét của một ông vua mà thôi, pháp luật tuy có cũng như không.

Thí dụ như ông Gia-Long lấy cái luật của đời Gia-Long nước Tàu để trị dân Việt-Nam ; trong cái luật đó nói rằng : « phi quân công bất hầu », nghĩa là không có công đánh được giặc thi không phong tước hầu. Vạy thì ông Nguyễn-văn-Thành phong tước hầu, và làm đến trung quân, chẳng qua là ông Gia-Long có cái lòng công bình mà xét cho cái công trạng của ông ấy theo đánh giặc từ nhỏ đến lớn. Sao tôi dám nói vậy ? Bởi vì sau đó con ông Thành có làm một bài thơ chơi, nghĩ cũng

chẳng tội lỗi gì, mà ông Gia-Long ông giết tới ba họ. Như vậy chẳng qua là khi cơn giận ông lên thi ông giết, chứ có pháp luật gì đâu !

Tôi nhắc qua một cái tích của ông Tự-Đức mà tôi đã nói trên kia. Năm Tự-Đức thứ 25, dân Trung-Phần chết đói, nhà nước đã lo phát chẩn được một tí rồi, các quan lại xin trích tiền thuế trong các tỉnh, các phủ huyện, để trữ lại trong xã thương các làng, phòng năm khác dân có đói chăng ; thi ông ta cho phép dân được đem tiền đem lúa ra nộp quyên mà lấy chức bá hộ, bát phẩm, cửu phẩm. Nhưng mà dân nó đói quá eo lúa có tiền đâu mà quyên. Ông xuống dụ các quan cho dân quyên chịu đã, nghĩa là số quyên một lần một nghìn quan tiền thi cứ đóng trước đi 300 quan rồi phát bằng cho đã, chừng nào đóng đủ số tiền đó thi sẽ phong sắc cho. Còn tiền đóng thi cứ để lại cho làng ấy. Cái dụ xuống nói rõ ràng như thế. Cách một năm thi thấy cái dụ khác kề hết tiền chưa đóng và đã đóng rồi, bắt phải đem hết ra tinh để cấp cho lính đánh giặc. Tỉnh súc xuống phủ huyện, phủ huyện súc xuống các làng. Dân trả lời rằng vua cho phép quyên chịu, chứ không bắt đóng ngay, năm nay mất mùa dân không chịu đóng, làm gì nó cũng không có mà đóng. Quan tỉnh tư bộ, bộ tau vua, vua buộc phải làm tội hết những dân ấy. Nhưng mà trong luật Việt-Nam, những cái luật tiền bạc thuộc về dân qua lại với nhà nước thi ít thấy lắm, các quan không biết theo mặt luật gì mà làm án, phải tau lên vua hỏi phải làm án gì, thi vua bắt làm theo luật « thương thư bất dĩ thật » nghĩa là chiếu theo cái luật các quan dâng thư cho vua nói về chính trị

mà không thật. Quan bộ cứ đó mà làm tội. Đến khi tu về các lánh, người thì 6 năm, người thì 8 năm, người thì 12 năm tù. Gia đĩ đang khi đói khát cha xa con, vợ bỏ chồng, tưởng quyền cái bát cửu phẩm để lấy làm vui hay đau không được vui mà lại phải ở tù. Thế nên cả nhà, cả họ ai cũng lấy làm đau lòng xót ruột. May đâu cái án đó đi đến Quảng Ngãi, gặp một ông án sát, ông ấy thì giỏi luật lệ, mà có lòng thương dân, lo việc nước, (ông ấy là người Bến-tre về tỉnh Vĩnh-Long, tên là Nguyễn Thông, hiệu là Kỳ-Xuyên, sau lục tỉnh mất thì ông chạy ra Phan-thiết). Ông ấy cứ từ câu bẻ hết cả cái án, rồi ông gửi lại cho bộ, ông nói rằng : « Cái vụ này là chỉ có vua với quan đối dân, chứ dân không nói đối ai chút nào cả. Còn chiếu theo luật « thương thư bất đĩ thật » thì không đúng vào đâu cả. » Ông Tự-Đức biết mình lỗi, nhưng mà mắc cỡ, xui cho người khác kiện ông Nguyễn Thông, rồi cách chức ông đi, muốn trị tội nặng. Nhưng dân Quảng-Ngãi và dân các tỉnh hết sức bênh vực cho ông ta, cho nên cũng chẳng làm hại ông được, chỉ đuổi ông ta đi mà thôi.

Đây nói lược qua một hai điều cho các ngài nghe chứ tôi kề hết cái sử Tàu và Việt-Nam thì mấy ngày cũng không hết.

NÓI QUA DÂN TRỊ CHỦ NGHĨA

Nay khắp cả thế giới những nước nào đã theo kịp được một ít văn minh Âu Châu, hay là hiều được một ít tự tưởng tự do, ngôn luận tự do, thì ai cũng hiều được cái tiếng dân chủ là thế nào, hay là dân trị là thế nào.

Bên Âu Châu có mấy nước quân chủ mặc lòng, nhưng nước nào cũng có đảng dân chủ ở trong thượng hạ nghị viện cả. Duy có nước ta thì như trong lục tỉnh này thuộc với Tây đã hơn 60 năm, cái chữ « République » thì nói luôn trên miệng, nhưng mà chẳng tìm kiếm nghĩa lý ra thế nào, so sánh với quân trị chính thể của nước ta ra thế nào ! Ấy là nói những người có ăn học, ý tôi xem hình như các ngài đoán trước rằng có quân chủ là hơn. Còn nhất là dân nhà quê, chẳng những là không biết dân chủ là gì, mà đối với vua thì thờ trên đầu như thờ Thần thờ Thánh ; chẳng những không dám nghĩ đến sự « phải có hay là không » mà như hình có ai nghĩ đến việc đó thì phải bị sét đánh, đá dǎn, voi chà, ngựa xé.

Khi nào nghe nói bất luận là ông vua nào, nghe qua thì trong lòng đã vui mừng hơn hở, nghĩa là ông ấy chắc là minh trong caye được ; rất dở là mới đây việc thăng Phan-xich-Long còn xảy ra trong xứ này. Vậy mới biết rằng cái độc quân chủ vào trong óc dân ta sâu quá, mà cái trình độ của dân ta cũng thấp quá, chỉ một người mà nói : « Mày phải trung với người này, phải kính người này », thì nó mới hiểu. Mà nếu cứ nói ra cái tên nước Việt-Nam mà rằng : « Ấy là nước ông cha mày, mày phải thương », thi tay nó không rờ được ; mắt nó không trông thấy được, thi nó không thể làm thế nào mà nó thương được. Vậy thì cứ trừ ra một cái nhà, một cái vườn, vài mảnh đất nội chỗ con mít nó thấy đó thì nó thương mà thôi. Đã mấy năm nay tôi thường thấy nhà báo hay nhà diễn thuyết, hẽ mở miệng ra thì nói nước có hai mươi triệu quốc dân, trong cái giọng nói thì như hình có danh giá, có sự khoe khoang, có sự tin cậy.

Nhưng mà tôi nghĩ trong 20 triệu ai cũng biết có nhà mà không biết có nước, như thấy trong cái nhà nào trong lúc rủi ro có 5, 3 tháng con trai bị chết tuyệt tự, hay nhà nào nhiều ruộng đất mà bị kiện thưa, hay là bị con ham cờ bạc, thì xúm lại nói ồn ào khắp dân gian, cho là việc quan hệ nhất ở trong xứ này. Còn nói đến việc «mất nước» thì chẳng ai mơ màng vào đâu. Một dân tộc mà nó đối với nước lơ láo lạt lěo như thế cũng khốn nạn thật! Dân như vậy mà muốn bỏ vua đi mà lập ra dân quốc, chắc trong các ngài có ông cũng lấy làm lạ. Nhưng mà tôi nghĩ rằng vì cái độc quân chủ nó giết hẳn cái lòng ái quốc của dân tộc Việt-Nam ta, bây giờ muốn cho dân Việt-Nam ta biết nước là của chúng nó, thì phải đem cái tại bù nhìn đó vắt hết cả đi, thì nó mới có thể tìm kiếm cái nước đó là nước của ai. Mà nói giống ta thông minh có lẽ một ngày kia sẽ gặp thấy rằng ở trong cái miếng đất mấy nghìn năm lưu truyền lai đây, cái quyền lợi của nó hãy còn nhiều, cái quyền phép của nó cũng có nhiều; rồi nó sẽ hiểu rằng xưa nay người mà gọi rằng vua quan đó, chẳng qua là người thay mặt làm việc cho nó, nếu làm không xong thì nó đuổi đi cũng không có lỗi gì.

Khi nào dân đã hiểu như thế thì nó mới biết thương nước. Mà nó có biết thương nước thì một ngày kia mới mong tự do độc lập được, chứ không thể thì cứ đòi đòi làm tôi mọi mãi.

SAO GỌI LÀ DÂN CHỦ?

Còn này ở Âu-Châu thì không cần phải cắt nghĩa cho

nhiều, nhưng mà ở trong xứ mình thì tôi cắt nghĩa mau mau để cho người ta hiểu cái đại lược.

Lịch sử — Bất cứ là dân nước nào, số người học thức cũng là phần ít cả, thường thường nhờ cái đảng thượng lưu, trung lưu dìu dắt nó đi, ấy là lẽ thường. Nhưng mà duy có dân Âu Châu khác với dân ta có một việc: là từ khi bắt đầu mới khởi ra thì họ cũng sùng trọng quân chủ. Nhưng không biết thế nào đến hồi nước Hy-Lạp họ lại có cái hội gọi là hội Trưởng giả hội nghị, thì do ông vua nhóm họp lại những bọn quý tộc mà lập pháp luật ban cho dân; lại có một cái hội tên là Quốc dân Hội nghị, phàm những luật lệ mà ông vua cùng những người quý tộc đã đặt ra thì phải giao cho hội ấy xem có bằng lòng thì mới được làm. Sau đến nước La Mã thì có hội nghị «Một trăm người» thì lấy trong quân lính mà sắp đặt ra hội ấy, phàm xứ ấy có việc gì lôi thôi thì hội ấy bàn. Còn sau đến dòng vua La-Mã mất rồi, thì có một cái hội «La Mã nguyên lão viện», lại một hội «La-Mã bình dân viện». Cho nên sau khi La Mã đòi làm đế quốc chuyên chế mà cái phép La-Mã cũng phát đạt luôn luôn. Bây giờ các nước đâu đâu cũng bắt chước La-Mã cả.

Trong một lối từ khi mọi Nhật-nhĩ-man tràn xuống phá La-Mã để quốc, các nước Âu Châu được độc lập hết cả, thì cái chính thể hội nghị ấy đã mất đi đến mấy trăm năm.

Lạ lùng thay người nước Anh còn giữ lại được những cái hội gọi rằng «Nhân dân hội nghị», «Hiền giả hội nghị», hai hội ấy đều là vua nhóm những kẻ tài tri trong dân gian để giao cho cái quyền «lập pháp». Đến nay thành ra cái hạ-nghị-viện của Anh bây giờ, mà đến thế kỷ thứ mười

tám, lại truyền bá ra cả lục địa Âu-Châu. Ấy là nói lược qua cái lịch sử dân quyền Âu-Châu.

ĐÂY TÔI XIN NÓI QUA CHÍNH THỀ DÂN CHỦ LÀ THẾ NÀO

Bây giờ bên Âu Châu, trừ nước nào dân còn ngu dại, còn thi đều theo chính thể dân chủ.

Đây tôi nói về cái chính thể bên Pháp. Ở trong nước có một Hạ nghị viện là viện quan hệ nhất. Số nghị viện thì trên dưới sáu trăm. Dân đúng 21 tuổi trở lên thì ra bầu cử. Dân 25 tuổi trở lên thì được ra ứng cử. Được cử rồi thì gọi là Hạ-nghị-viện. Cái số phận của nước Pháp cầm ở trong tay cái hội ấy; hội ấy thì chủ quyền đề lập pháp luật. Thứ nữa có một Nguyên lão nghị viện. Cái viện ấy lại không phải dân cử. Các hội đồng ở các tỉnh, các hội nào mà nhà nước đã nhận cái nhân cách, và những người làm việc như nhà nước thì được ra ứng cử. Hội ấy đề coi về việc tiền bạc.

Khi nào bắt đầu đặt Tổng Thống, nay là thiếu mà đặt lại, thi hợp số người trong hai viện ấy lại mà bỏ thăm. Người ra ứng cử cũng là ở trong hai viện ấy. Ai được nhiều thăm thì làm Tổng Thống. Khi Tổng Thống đã được bầu cử rồi, thi phải thề trước mặt hai viện ấy rằng: « Cứ giữ theo hiến pháp dân chủ, không phản bội, không theo đảng này chống đảng kia, cứ giữ công bình, nếu có làm bậy thi dân cứ trục xuất ngay ». Trước thi có Mac Mahon, sau thi có Millerand bị cách chức, cũng vì phạm hiến pháp.

Còn chính phủ thi cũng bởi trong hai viện ấy mà ra. Nhưng mà giao quyền cho đảng nào chiếm số nhiều ở

trong hai viện ấy thi được tổ chức Quốc vụ viện (tức là chính phủ, tòa Nội-các). Theo quốc vụ viện bây giờ, chừng đâu cũng đến vài chục bộ, nhưng mà không phải ăn rỗi ngồi không, vèn vèn râu lên đó như mấy ông Thượng thư ta đây. Ông nào cũng có trách nhiệm ông ấy cả. Nếu cái gì mà làm không bằng lòng dân, thế nào cũng có người chỉ trich. Bởi vì ở trong hạ-nghị-viện thế nào cũng có hai đảng, một đảng tả, một đảng hữu; nếu cái đảng tả chiếm số nhiều mà cầm quyền trong nước, thi đảng hữu xem xét chỉ trich, cho nên có muốn làm bậy cũng khó lắm.

Trong nước đã có hiến pháp, ai cũng phải tôn trọng hiến pháp. Cái quyền Chính phủ cũng bởi hiến pháp qui định cho, lười biếng không được, mà đâu muốn áp chế cũng không chỗ nào thò ra được. Vả lại khi có điều gì phạm đến pháp-luat, thi người nào cũng như người nào, từ ông Tổng Thống cho đến một người nhà quê cũng đều chịu theo một luật pháp nhu nhau.

Các quan chức về việc cai trị chỉ có quyền hành chính mà thôi, còn quyền xử án thi giao cho các quan án là những người đã học giỏi luật lệ, có bằng cấp. Các quan án thi chỉ coi về việc xử án, có quyền độc lập, cứ theo lương tâm công bình, chiếu theo luật pháp mà xử, xử Chính phủ cũng như xử một người dân. Các quan án ở về một viện riêng, gọi là viện tư pháp.

Quyền tư pháp cũng như quyền hành chính của Chính phủ, và quyền lập pháp của nghị viện, đều đứng riêng ra, không hiệp lai trong tay một người nào.

Đây là nói sơ lược mà thôi, muốn hiểu kỹ cái chính thể dân trị thi phải chuyên môn mới được.

Xem vậy thì biết dân trị tức là pháp trị (lấy phép mà trị người). Vì rằng quyền lợi và bôn phận của mọi người trong nước đều có pháp luật chỉ định rõ ràng, không khác gì là đã có đường gạch sẵn, cứ trong đường ấy mà đi tự do, muốn bước tới bao nhiêu cũng không ai ngăn trở, chỉ trừ khi nào xâm lấn đến quyền lợi của người khác thì không được. Vì đối với pháp luật thì mọi người đều bình đẳng, không có ai là quan ai là dân cả.

So sánh hai cái chủ nghĩa quân trị và dân trị, thì ta thấy chủ nghĩa dân trị hay hơn cái chủ nghĩa quân trị nhiều lắm. Lấy theo ý riêng của một người hay là của một triều đình mà trị một nước, thì cái nước ấy không khác nào một đàn dê, được no ấm vui vẻ hay là phải đói rét khổ sở chỉ tùy theo lòng của người chăn. Còn như theo cái chủ nghĩa dân trị, thì tự quốc dân, lập ra hiến pháp luật lệ, đặt ra các quan để lo việc chung cả nước; lòng quốc dân muốn thế nào thì làm thế ấy. Dù không có người tài giỏi làm cho hay lắm, cũng không đến nỗi phải đe dọa khốn nạn làm tội mọi nhà, mọi họ nào.

Xét lịch sử xưa, dân nào khôn ngoan biết lo tự cường tự lập, mua lấy sự ích lợi chung của mình, thì càng ngày càng bước tới con đường vui vẻ. Còn dân ngu dại, cứ ngồi yên mà nhờ trời, mà mong đợi trông cậy ở vua ở quan, giao phó tất cả những quyền lợi của mình vào trong tay một người, hay là một chính phủ muốn làm sao thì làm, mà mình không hành động, không bàn luận, không kiềm xét, thì dân ấy phải khổ khốn mọi đường.

Anh em chí em đồng bào ta đã hiểu thấu các lẽ, thì phải mau mau góp sức lo toan việc nước, mới mong có ngày cất đầu lên nỗi.

Khóc cụ Phan-Chu-Trinh

Năm 1926 cụ Phan-Chu-Trinh mất ở Sài-gòn. Toàn thể đồng bào từ Bắc chí Nam đã tỏ nỗi lòng và thái độ trước cái tang của cụ ra sao?

Tuy đã lâu rồi, nhưng hẳn chúng ta ngày nay không mấy người đã quên — mà quên làm sao được, cái tang ấy đã ảnh hưởng đến cách mạng Việt-Nam không nhỏ, đã phát sinh ra những cuộc biều tình, bãi khóa, mà trong những cuộc đó, không biết bao nhiêu người đã bị chính quyền thực dân và Nam triều đưa đi các nhà pha, và các trại tập trung vì cái tội đã dám tưởng nhớ đến một nhà ái quốc, mà nhà ái quốc này lại đã từng sống ở Pa-ri để đem những văn minh của kinh thành ánh sáng này về gieo cho đồng bào đồng chủng.

Ở phần «Phú và Văn Tế» chúng tôi đã lục hiến các bạn trong tập này bài văn tế của cụ Phan-bội-Châu làm thay mặt đồng bào Huế khóc cụ Phan-chu-Trinh.

Nhưng uy tín của cụ Phan-chu-Trinh không phải chỉ có trong giới thức giả và học sinh, mà ngay cả với các anh em thợ thuyền nữa.

Những anh này đối với cụ ra sao?

Chúng ta hãy xem bài này là điều văn của nhân viên Ba-Son (Saigon) đọc hôm đám tang cụ ngày 4 tháng 4 năm 1926.

Thưa quý bà, quý ông,

Hôm nay là ngày vĩnh biệt của Phan đại-nhân, là người chí sĩ Việt Nam; trước huyệt đây, tôi xin thay mặt cho một nghìn công nhân lao lực mà kính điếu đài lời thỏa lòng hoài ai.

Vẫn bọn chúng tôi bẽ học thức ư ôi! nhưng mà cũng đủ tri cảm phản điều hơn thiệt, cũng biết người cang-liệt vì quốc vong xu mà mến đức.

Hồi ơi! Tiếc thay! Tư bấy lâu chúng tôi ái mộ danh ngai, mà ngày nay đã hết trông thấy mặt.

Ngài ơi! Trải mấy năm lao khổ, chưa phỉ ước nguyên, sao ngài vội tách theo miền dị lè: một ganh non sông oằn oai, ngài đã dành trao lại cho hậu sinh.

Gương trung nghĩa ấy chúng tôi xin noi dấu, rán chăm nom cho Pháp Việt đề huề, sẽ du đất nhau theo nếp văn minh, cho kịp thời kịp thế.

Ôi! Miệng lẩn lưới mỗi trối ai, chúng tôi nguyện giữ phận làm người giòi đạo đức cho nên giá trị. Nào ai là kẻ xui mưu làm loạn? Nào ai muốn khuấy rối nước nhà? Hết đứng làm người trên thế thi lê từ nhiên khao khát sự mở mang, trông mong điều công ích. Nhất là bọn chúng tôi, trong chỗ sinh nhai phải chịu đói khổ, lao động, cháy da phỏng trán, đoạn nỗi rủi ro phải mang tật nguyên, thì chúng tôi còn ca tiếng kêu nài công lý hơn nữa.

Bốn mươi triệu đồng bào của JAURES tiên sinh có biết cho chúng tôi chẳng nhỉ?

Anh em tâm huyết ta ôi! Đường hãy còn nhiều nỗi chông gai, vậy thì đồng bào ta vịn lấy nhau noi dấu tiền hiền, cho người quá vãng ngâm cười nơi cõi họ.

Trước mộ phần, tôi cúi lạy đại-nhân, Phan chí sĩ hồn linh xin chứng.



DIỄN VĂN ĐỌC TRƯỚC...

Diễn văn đọc trước viện dân biểu Trung kỳ ngày 1-10-1928

Theo hòa ước năm 1884, Trung-kỳ thuộc quyền bảo hộ của nước Pháp, nhưng nội chính do Nam triều chủ trương. Chính bọn đầu xô thực dân Pháp vẫn thường nhắc đến hòa ước này và tuyên bố trái lại những điều khoản đã ghi là làm mất danh dự nước Pháp.

Tốt vậy thay ! — Cũng như việc thành lập ra viện dân biểu theo miệng chúng là để cho người dân được bày tỏ ý kiến lên nhà nước, cho đường lối chính trị được ngày một chỉnh đốn cho hợp với nguyện vọng của nhân dân bản xứ.

Song trên thực tế có đúng như vậy không, dù chỉ là một phần trăm hay phần ngàn ?

Để trả lời câu hỏi trên một cách xác đáng, chúng ta hãy xem bài diễn văn này của cụ Huỳnh-thúc-Khang đọc trước viện dân biểu Trung-Kỳ ngày 1 tháng 10 năm 1928 (lúc ấy cụ Huỳnh làm viện trưởng), đọc xong cụ ra về để mặc cho tên khâm sứ Jabouille thốt ra những lời lẽ hăm dọa, rồi cụ xin từ chức dân biểu.

Thưa quan Khâm sứ,

Thưa các quan Tây Nam,

Thưa các ngài,

Kỳ hội năm nay là kỳ hội thứ ba Viện Nhân Dân đại biểu Trung-Kỳ mà về phần bàu cử chúng tôi lại là kỳ hội chót (sang năm sau sẽ có lớp bàu cử mới) do quan Khâm sứ Jabouille là người thay mặt cho nước Pháp sang cai trị xứ này làm chủ tọa, có các cụ Cơ mật cùng các quan Tây quan Nam tới dự hội và người Tây người Nam vào dự thính, xem quang cảnh có vẻ trang nghiêm thận trọng (ngày hội năm nay có ba lần nghị định đầu tiên định vào ngày 15 Septembre sau cùng mới định vào ngày 1 Octobre là ngày hôm nay). Chúng tôi vâng lệnh quan Khâm sứ triệu tập chiếu lệ mà ra dự hội ngày nay, trước có mấy lời cảm ơn chính phủ sẵn lòng hợp tác cùng viện chúng tôi, sau xin lấy lòng thành thực bày tỏ tình hình nhân dân trong xứ đôi chút.

Chúng tôi thề theo chính sách khai hóa của nhà nước và chịu nhân dân ủy thác mà ra đương cái chức trách đại biểu đã hai năm nay, những điều chúng tôi bày giải trong hai kỳ trước, vẫn biết là hép hời đơn giản, chưa hợp với chính sách to tát của nhà nước định thi hành trong xứ này, cùng nguyện vọng nhân dân đang khao khát ; song dầu thế nào mặc lòng cũng đủ tỏ cho chính phủ rõ rằng chúng tôi thật tin cái chính sách quảng đại của nhà nước đem cái ý nguyện của nhân dân mà bày tỏ cùng chính phủ, mong cho cái Viện của nhà nước mới đặt ra khỏi mang cái tên trống mà chúng tôi khỏi phụ cái tấm lòng tin cậy của nhân dân, chứ tuyệt nhiên không có ý gì khác. Thế mà đã hai năm nay hình như nhà nước không lấy lời yêu cầu của chúng tôi làm điều để chứng cho nhân dân trong xứ hiểu rằng, một cái cơ quan mới của nhà nước, khác với chính thể chuyên chế ngày xưa. Bởi thế nhân dân đã ngã lòng tin cậy nơi

chúng tôi mà nhân dân cũng không dám tin đến cái chính thể của nhà nước. Chính chúng tôi đã từng nghe những câu trong nhân gian phê bình viện chúng tôi : « Tên là nhân dân đại biếu mà thật là một quan trường mới. »

Chúng tôi ở vào địa vị, dở dang bỡ ngỡ này, đối với chính phủ đã không làm được việc gì và đối với nhân dân cũng không thể cầm hai chữ đại biếu suông mà đáp lại cái lòng mong mỏi của họ ; đêm nǎm tự nghĩ đã thẹn lai buồn, cái hy vọng cuối cùng của chúng tôi nên làm cho cái kỳ hạn ba năm dài hơn nửa thế kỷ. Ấy là sự thực của chúng tôi như thế.

Bỗng đâu lại đến kỳ hội thứ ba này ; chúng tôi nghĩ rằng, cái quyền thi hành cùng không thi hành là tự chính phủ, còn về phần chúng tôi, nhà nước đã cho nhân dân cù ra mà tham chất đổi chút ý kiến về công việc trong xứ, thì thấy những lợi tệ trong nhân gian điều gì, đem bày tỏ cùng chính phủ điều ấy. Ấy là chức trách của chúng tôi, mà thủy chung vẫn đứng trong vòng trật tự cả. Vậy nhân ngày khai hội này, chúng tôi xin đem lòng thành thực bày tỏ mấy điều như sau này.

Khổ trạng nhân dân Trung-Kỳ vẫn nói không hết, song tóm lại có ba điều cần yếu :

1) Một là học giới bó buộc.— Mắt có thấy thì đi mới khỏi lạc, tai có lỗ thì nghe mới khỏi lầm ; người có học mà sau mới biết điều phải trái. Biết cách làm ăn mới mong sống còn trên cõi đời được. Dân An-Nam là một dân tộc sẵn có văn hóa đã mấy trăm đời, ai cũng công nhận sự học là sự cần thiết nhất, xem như tinh mệnh tài sản, không có không sống được. Huống trong thời đại tranh khôn cạnh

khéo như ngày nay mà không có sự học thì còn nói đến chuyện gì nữa ! Xứ Trung-Kỳ bây giờ học cũ đã bỏ hẳn, mà học mới trăm phần chưa được một, trường công không đủ dùng, mà trường tư thì không có, gia đì chương trình hạn chế, qui luật ngăn ngừa ; dân thi lấy sự học làm sinh mệnh, mà quan xem sự học như một sự thù nghịch (trường công thi nghị định thay đổi, trường tư thi xin phép lĩnh bằng, khai báo lôi thôi, gần đây vì sự lập trường học mà bị lụy cũng thường thấy luôn). Hiện nay những lớp học lở dở, không vào trường được mà thành ra một lớp thất nghiệp, còn những con em chục học cũng đành úp mặt vào tường, ngày xanh ngơ ngáo, cha thấy con mà đau lòng, tuổi trẻ bơ vơ, anh em trông mà nóng ruột, tình cảnh rất là thê thảm. Nhà nước một nói rằng khai hóa, hai nói rằng hợp tác, mà về đường học giới không chịu châm chước thế nào cho thỏa hiệp, thì ức vạn thiểu niêm An-Nam, sẽ thành ra một bọn thất nghiệp. Nhóm bao nhiêu người vô nghiệp mà lại mong dùi dắt lên đường tấn hóa, thật là một điều dân gian không sao tin được ; đem đứa đui đi đường thi người dân cũng nhọc súc ; bảo người điếc nghe hát thi hát hay cũng thành uồng công. Cái dốt là cái họa của người An-Nam mà cũng có thể phượng hại đến chính sách hợp tác của nước Pháp.

Vậy thì về đường học giới có nên thi hành cách cưỡng bách giáo dục và nhân dân tự do tự lập trường không ?

2) Hai là tài nguyên kiệt quệ.— Nước có nguồn tài mực mới khởi can ; cây có gốc thì trái mới được thường. Tài nguyên trong một xứ sinh sản có ít mà tiêu phí nhiều,

thì tự nhiên ngày thấy khốn đốn. Xứ Trung kỳ đất hẹp dân nghèo, khai thông chậm trễ, công nghệ không có gì là nội hóa, thương mại thì quyền ở ngoại thương, như tơ, đường, chè, quế, v.v..., người Khách chở đi xứ nọ xứ kia cái giá cao thấp tự người Khách định, người Nam vì không đi đâu được, nên người Khách ép uống thế nào cũng phải chịu.

Phần nhiều nhân dân trong xứ chết sống chỉ nhờ nghè nòng, lại bị thủy hạn không năm nào không có ; ruộng đất vật sản chỉ có ngàn ấy mà ngạch thuế mỗi năm mỗi gia, tuy tự nhà nước đã lấy sự gia thuế làm cái phương pháp lý tài, quan lại nhân đó mà lập công, hào cường nhân đó mà nhiệm chi. Mỗi năm đến kỳ thuế, trong nhân gian chạy sấp chạy ngửa, trống mõ om sòn gõng cùm hò hét, tình cảnh rất là rắc rối. Đó là chưa kể cái lệ phù thu lạm bồ của bọn hoạn lại gian hào, mồ hôi nước mắt cứ cào trong dân gian đã đến đây, tiền chưa lên đến kho nhà nước mà rót đường rót xá đã lọt vào túi tham đâu đâu, rút cục lại thì chỉ qui oan cho nhà nước. Tất ao bắt cá, được cá vẫn dễ mà ngày sau thành ra ao khô ; đốn cây hái trái, được trái vẫn nhiều, mà mùa sau thành ra cái vườn bô. Nhà nước một nói rằng nhân từ, hai nói rằng khoan đại mà về đường tài chính không trù cách gì cho ra sự gia thuế được, thì cái nạn nghèo khổn của người An-Nam cũng không phải là cái lợi lâu dài của nước Pháp.

Thế thi về tài chính có nên đánh thuế những vật xa xỉ, cùng thuế sưu có nên sắp đặt một cách cho nhất định không ?

3.— *Ba là hình luật phiền lụy.* — Thuốc trị bệnh điên mà dùng trị người thường, thi thần kinh phải đến rung chuyền ; hầm lúa thú dữ mà đào giữa đường cái thi hành khách không khỏi sỉa chán ; hình luật nước nhà đặt ra là cốt để trị người có tội (như đạo kiếp, loạn tặc) để giữ gìn trật tự duy trì cuộc trị an trong xứ. Như người không tội mà bị hình hoặc bị vu cáo chưa tra xét cho đích thực mà đã bị bắt bị giam, thi sao cho khỏi điều oan khuất ? Mà những người trọn đời lương thiện cũng không biết đường mà tránh. Hiện xứ Trung-Kỳ mấy năm gần đây, bị cái phong triều bè ngoài kích thích mà cái không khí bè trong có hơi lộn xộn, nhà nước vì cuộc trị an, phải thi hành cái hình luật nghiêm nhặt (báo sách bị cấm, bị bắt, dân gian thi bị xét nhà xét cửa, cho đến diễn thuyết, làm trường học cũng bị lụy). Những người làm quấy mà bị tội đã đành mà những kẻ oan lụy cũng không ít, già dì tội danh không được rõ ràng, chứng cứ không có xác thực (ở Trung kỳ bắt tội đã không tuyên án cho người bị tội biết, lại không được cãi lê nữa, thật là một điều rất lạ), những bọn sinh sự dâng công hiệp hiềm vu oan, nhân đó mà thi hành cái thủ đoạn ám muội, một tờ đầu cáo, tra xét đến năm bảy nhà, hai chữ «tình nghi» hâm hại biết bao nhiêu kẻ, tự nhà nước tin theo những lời thêu dệt, cho là phản kháng, cho là phiến loạn, không trị không được, mà biết đâu ở trong ròng chuyện ít ma xít ra nhiều, sự nhỏ mà gây ra lớn, làm cho dân ngu cùng bọn thiếu niên sỉa vào lưỡi tội mà không biết, và cũng không tránh được, thảm hại biết là chừng nào. Trẻ con té giềng, khách qua đường cũng phải đau lòng, kẻ bệnh đau rên, thầy thuốc cũng không nằm yên gối. Nhà nước một nói rằng nhân đạo, hai nói rằng công lý, mà dân An-Nam có cái cảnh tượng khủng

hoảng như vậy, tưởng cũng phương hại đến danh dự nước Pháp.

Vậy thì về phần hình luật, không nên thi hành những điều chúng tôi đã yêu cầu trong hai kỳ hội trước sao? (xin thi hành luật Nam Bắc-Kỳ).

Cái tình hình kề trên thi khὸ trạng nhân dân xứ Trung Kỳ, ba điều đó (việc học, việc thuế, việc hình) là cần thiết cốt yếu, đã lâu nay vì cái cớ che đây ngăn lấp, hiếp dưới, dưa trên, không ai đem cái nhân tình khὸ thống nhân dân mà đao đat cùng chính phủ, nên chính phủ chưa hiểu thấu mà thi hành nhiều điều bất tiện, nay ra nghị định này, mai ra nghị định khác, sớm thay chiều đổi, nhân dân không biết nương tựa vào cái gì làm chứng mực, nên tai mắt hóa loạn. Quan lại ép dân mà mua oán cho nhà nước tại đó; nhân dân ghen ghét quan lại, không tin đến chính sách của nhà nước cũng tại đó. Cho đến bọn gian tham nương gió bẻ măng, phái phản đối thưa cơ mà gây loạn cũng tại đó. Thật là một điều rất trở ngại về chính sách khai hóa của nhà nước.

Chúng tôi xem xét tình tệ, nghe thấy rõ ràng, nay xin đứng trước chính phủ cùng người Pháp, người Nam lấy lòng ngay thẳng mà thưa một câu rằng:

Phóng nhà nước Bảo-hộ cứ một mực lấy quyền lực đổi dãi dân An-Nam, để cho càng ngày càng nghèo càng dốt mà dần dần tiêu diệt, cho là cái lợi của người Pháp, thi chúng tôi không dám nói, bằng nhà nước có nghĩ tời lợi hại chung của hai dân tộc sau này mà sẵn lòng dùi dân An-Nam lên con đường tiến hóa, được hợp tác với nhà nước thì ba điều kề trên đó, cần trước phải sửa đổi một

cách cho rất đơn giản, rất minh bạch, có chứng mực và ít thay đổi, cho hợp với nguyện vọng của dân, thi từ đó trở đi, những vấn đề khác lục tục mà thi hành thi không chút gì là trở ngại cả.

Nếu không như vậy thi chính sách hay đến thế nào, quan lại ra công mà hiều thị, các nhà báo hết sức tán dương, mà bọn đại biểu chúng tôi cũng theo ý nhà nước đi tòng tùng nhà, đi tòng người mà nhân gian cũng cho là lời nói hão, không dám tin y nguyên như trước.

Tục ngữ An-Nam có câu « nước xa không cứu được lửa gần ».

Mấy điều chúng tôi nói trên đây là lửa gần, mà những điều nhà nước định thi hành, như vấn đề kiềm lâm v.v... thi nhân dân xem như nước xa, cái nǎo đơn giản của nhân dân xứ này bị cái lẽ đó in sâu đã mấy lớp, nhà nước không tim cho đến cội gốc mà thi hành một điều thực sự cho nhân dân tai nghe mắt thấy hiểu qua rõ ràng, thi cái lòng oán trách không sao tiêu được.

Trên là nói tóm tình hình nhân dân trong xứ. Sau nay xin bày tỏ một điều cốt yếu về đường chính trị:

Ngày hội năm ngoái tôi có đề khởi hai chữ « hiến pháp » quan Toàn quyền có trả lời trong bài diễn văn đại khai ngài sẵn lòng đề cử điều ấy cho Nam triều nén chú ý, v.v... Sau quan Khâm sứ Friès có hỏi ý kiến viện chúng tôi (thư số 990A ngày 15 Novembre).

Chúng tôi sở dĩ nói đến vấn đề Hiến pháp, là vì có thấy rõ xứ Trung Kỳ này phụ thuộc dưới quyền bảo hộ gần nửa thế kỷ nay, mà chính thể trong xứ, quyền hạn

không được rõ ràng, trách nhiệm không ai đảm thu, trăm điều rắc rối bởi đó mà ra, nhà nước trở làm một nơi quy oán, dẫu có vua quan mặc lòng, bất kỳ động một việc gì, dân gian kêu rêu chỉ chung một tiếng « Đời Tây ! Việc ông Tây ! ». Quốc thị đã mơ màng, thi nhân dân không biết đường nào xu hướng, đó là cái lẽ tự nhiên. Bởi vậy cho nên muốn cho cuộc tri an trong xứ được lâu dài, cùng các dây liên lạc giữa người Pháp cùng người Nam được bền chặt, thi cần nhất phải có một cái cơ thể chính trị, chia bộ phận mà có trách nhiệm, định quyền hạn mà có quy thức, để chỉnh đốn việc lợi ích chung trong xứ. Đó là một điều cốt yếu tức là Hiến pháp vậy.

Vấn đề quan yếu như thế mà chúng tôi không thể trả lời khinh suất được là bởi ba cớ này :

1) Chiếu theo tờ giao ước 1884 về khoản 1, 5, 7 và 11, Trung kỳ vẫn thuộc quyền bảo hộ nước Pháp, mà nội chính còn do Nam triều chủ trương, chính quan Toàn quyền trong bài diễn văn đọc tại ngày hội năm ngoái ngài cũng nói rằng :

Đại Pháp đã ký giao ước minh bạch với Nam triều, nếu như bỏ mấy điều giao ước thì nước Pháp cho là một sự mất danh dự, v.v...

Xem đó thi mấy điều giao ước ngày trước là cái nguồn gốc chính trị xứ này, mà xem trên sự thực thì trên ba mươi năm nay thay đổi đã nhiều mà tình thế ngày nay đã khác hẳn với giao ước đó.

2) Chiếu theo tờ hiệp ước năm 1925, khoản thứ nhất rằng : « Nay đã tới thời kỳ nên cho nhân dân dự vào việc nước », mà trong bài diễn văn quan Toàn quyền Pasquier đọc tại

kỳ hội đại biểu chúng tôi năm thứ nhất, ngài chỉ rõ chức trách dân biểu mà nói rằng : « Các ông phải làm thế nào cho kẻ cày ruộng, người hái củi, người làm thợ, ông hào mục trong thôn quê, cho đến người buôn bán, kẻ chuyên môn mỹ thuật, ai nấy cũng đều công nhận rằng hậu vận của nước là ở trong tay họ mà ra, v.v... »

Xem đó thi một cái chính thể của nhà nước định thi hành trong lúc hiện thời rất hợp với thời thế cùng nguyện vọng của nhân dân trong xứ đều tỏ lòng hoan nghênh, chính bắt đầu từ tờ hiệp ước đó. Thế là xét trong sự thực, chưa kể điều khác, chỉ một cái điều lệ của viện Nhân dân đại biểu, chúng tôi xin sửa đổi một đôi điều mà nay vẫn y như hồi Tư Phỏng trước, thì đối với tờ hiệp ước nhân dân cũng chưa có lòng tin.

3) Nói về tờ giao ước ngày trước như thế, đối với tờ hiệp ước hiện thời lại là thế. Ba cái nguyên tố của hiến pháp là thổ địa, nhân dân, chính sự ở trong xứ này, xu vực giới hạn đã không phân minh thì cái hiến pháp cũng chẳng biết dựa vào đâu làm cơ sở, mà cơ quan hiến pháp thi quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, cũng khó phân phần bộ rõ ràng, dẫu có thảo một bản giấy không chắc rồi cũng có hiệu lực.

Vì mấy cớ đó nên chúng tôi chưa trả lời vội được, mà trước hết xin một điều :

Nhà nước mà cho hiến pháp là một cái nền nếp chính trị, bền vững lâu dài trong xứ này, hợp với toàn thể ý nguyện trong nhân dân, thì xin :

1) Quan Toàn quyền đề đạt vấn đề đó sang Pháp định,

trước hết có một đạo sắc lệnh đức Giám quốc, một đạo chỉ dụ đức Bảo-Đại chuẩn hứa và tuyên bố cho nhân dân biết rằng xứ An-Nam bây giờ phải lập một cái hiến pháp.

2) Lập một hội gọi là Dự thảo Hiến pháp cho toàn thể quốc dân sung vào để điều tra và thảo bản Hiến pháp.

3) Trong thời kỳ dự bị hiến pháp thì viện Dân biểu điều lệ chương trình mở rộng quyền hạn thêm ra, và cách bảo cử nên cần thận chú ý để cho nhân dân được tự do đầu phiếu, không bối bị... (mấy năm trước, về khoản bảo cử đại biểu cũng xem như cử lý trưởng, chánh tông rất là khinh suất.)

Chúng tôi nói thế, chắc nhà nước bảo rằng : « nhân dân chưa có trình độ lập hiến. » Chúng tôi vẫn công nhận nhân dân xứ này chưa được toàn thể hiểu cái chính thể mới có, song xin thưa rằng :

Đường có đi mà sau tới nơi, người có học mà sau mới biết chữ.

Nay chưa cho đi mà bảo đường đi này không đi tới được, chưa học mà bảo rằng : « mày không phải là đứa biết chữ » thi dầu trăm ngàn năm cũng không sao tới nơi và biết chữ được.

Thưa quan Khâm sứ cùng các quan,

Đoạn trước là tình hình nhân dân, đoạn sau là tình hình chính trị, một tấm lòng thành, mấy câu vắn tắt, gọi là một bài kết luận về phiên bảo cử chúng tôi, xin chính phủ đề lòng suy xét ma thi hành cho thi dân Trung-kỳ chúng tôi lấy làm cảm động vô cùng.

Nhân dịp khai hội này, viện chúng tôi xin thay mặt cho nhân dân xứ này, nhờ quan Khâm-sứ chuyền đạt lời chúng tôi hầu thăm quan Toàn-quyền, quan Toàn-quyền mới Pasquier, quan Thượng-thư thuộc-địa, và kính chúc đức Giám-quốc, đức Bảo-Đại, chúng tôi cảm ơn.



Hai bức thư cuối cùng của Nguyễn-thái-Học

Ông Nguyễn-thái-Học là chủ tịch và là sáng lập viên của Việt-Nam Quốc-dân Đảng. Theo giấy khai sinh, ông sinh ngày 1 tháng 12 năm 1904. Là con một gia đình tiêu nông tại làng Thủ-Tang, tổng Lương-Điền, phủ Vinh-tường, tỉnh Vinh-yên, ở cạnh bên làng ông Đội Cấn.

Bởi thiếu thời lòng yêu nước của ông đã được kích thích bởi cuộc khởi nghĩa Thái-nghiên năm 1917, đến khi theo học trường Cao-đẳng. Thương mại Hà-nội, lại do phong trào ân xá cụ Phan-sào-Nam, truy điệu cụ Phan-tây-Hồ, và cụ Lương-văn-Can, nên sau đó, ông quyết định vạch một con đường theo phương pháp «chánh đảng bí mật».

Ông đi tuyên truyền, hoạt động các nơi để bí mật tổ chức chánh đảng. Năm 1927, Việt-Nam Quốc dân Đảng chính thức thành lập, ông được các đồng chí cử làm đảng trưởng. Chánh đảng này từ đó một ngày một bành trướng. Nhưng sau vụ ám sát Bazin ở Hà-nội tháng 3 năm 1929 thì các cấp bộ đảng bị bại lộ. Đa số đảng viên bị Pháp bắt cầm tù.

Thực dân Pháp búa lưỡi mạt thám truy tầm các đảng viên rất gắt và rao thưởng 5.000 đồng cho ai bắt được ông.

Trước nguy cơ mất con ấy của đảng, ông và các đồng chí

HAI BỨC THƯ...

499

thấy cần phải chủ trương bạo động «không thành công thì thành danh».

Do đó, cuộc khởi nghĩa Yên-bái phát sinh vào 1 giờ sáng ngày 10 tháng 2 năm 1930. Sau khi cuộc khởi nghĩa bị thất bại, cơ sở bị tan vỡ, một số lớn các cấp bộ đảng bị bắt, các anh em hoạt động cách mạng ở Tàu cho người về khuyên ông xuất dương. Nhưng ông không chịu vì không thể bỏ các đồng chí ở trong vòng gian nan.

Sau bị truy nã rất ngặt, ông cùng các đồng chí là Sư Trạch, Lê-hữu-Cảnh định dò đường qua Tàu. Nhưng đến làng Cồ-vịt (Hải-dương) thì bị bọn tuần phiến bắt được. Rồi đến ngày 17 tháng 6 năm 1930 thì ông bị thực dân Pháp đưa lên đoạn đầu dài Yên-bái với 12 đồng chí.

Khi ra pháp trường, nét mặt vẫn thản nhiên, ông ngược mắt nhìn đồng bào định nói ít lời, nhưng bị thực dân sai lính bit miệng lại. Ông chỉ kịp hô to «Việt-Nam độc lập vạn tuế», rồi đầu rơi khỏi cõi.

Hai bức thư này là những bức ông viết ở trong nhà giam Hòa Lò gửi cho Toàn-quyền Đông-Dương và Hạ-nghị-viện Pháp. Nhưng không phải để trấn tĩnh xin ân xá mà để cho người Pháp sau cái chết của ông phải sửa chính sách đàn áp dã man lại.

Ngày... tháng 3 năm 1930

Gởi ông Toàn-quyền Đông-dương ở Hà-nội.

Ông Toàn-quyền,

Tôi Nguyễn-thái-Học ký tên dưới đây, chủ tịch đảng Cách Mệnh Việt-Nam Quốc-dân Đảng, hiện bị giam ở ngục Yên-Báy, trân trọng nói ông rõ rằng:

Hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp, tôi thực có trách nhiệm về mọi việc chánh biến phát sinh ở trong nước, do Đảng tôi chỉ huy từ năm 1927 tới nay, vì tôi là chủ tịch của Đảng và là người sáng lập nữa. Vậy xin ông giết một mình tôi, chứ đừng giết các người đảng viên hay gọi là đảng viên hiện bị giam ở các ngục, bởi vì người ta vô tội! Người ta vô tội vì trong số đó thì một phần là các đảng viên, nhưng họ vào đảng là vì tôi khuyến khích họ, cho họ biết thế nào là nghĩa vụ một người dân đối với quốc gia, thế nào là những nỗi khổ nhục của một tên dân mất nước; còn ngoài ra là những người bị vu cáo bởi bọn thù hận, bởi lũ mật thám, bởi những bạn bè bán mình cho chính-phủ Đông-dương! Tôi nhắc lại một lần nữa để ông biết cho rằng chỉ cần giết một mình tôi, vì tôi mới chính là thủ phạm. Mà nếu còn chưa đủ hả, thì xin tru di cả nhà tôi, nhưng tôi đem nước mắt mà xin ông tha cho những người khác! Sau nữa tôi mong ông nghĩ đến danh dự nước Pháp, đến công lý, đến nhân đạo mà thôi, đừng ra lệnh ném bom hay đốt phá những làng vô tội như ông vừa mới làm! Đó là một lệnh giết người. Những đồng bào của tôi sẽ vì thế mà chết đói, chết rét mẩy vạn mà kè!

Sau cùng kết luận bức thư, tôi nói cho ông biết rằng nếu người Pháp muốn ở yên ở Đông-Dương mà không phải khổ dồn vì phong trào cách mệnh thì :

1) Phải thay đổi cái chương-trình chính-trị hung-tàn và vô đạo hiện hành ở Đông-Dương.

2) Phải cư xử cho ra vẻ người bạn dân Việt-Nam, chứ đừng có lên bộ ông chủ bạo ngược và áp chế.

3) Phải đề lòng giúp đỡ những nỗi đau khổ về tinh thần, về vật chất của người Việt-Nam, bằng cách trả lại các nhân quyền như tự do ngôn luân; đừng có đồng túng bọn thám quan, ô lai, và những phong tục hủ bại ở các hương thôn; mở mang nền công, thương bản xứ, cho nhân dân được học tập những mòn cần thiết.

Ông Toàn-quyền, hãy nhận lấy tấm lòng tôn kính và cảm kích, với sự nhiệt liệt ta ơn.

Kẻ thù của ông :
NGUYỄN-THÁI-HỌC

BỨC GỬI CHO HẠ NGHỊ VIỆN PHÁP

Các ông Nghị viên,

Tôi ký tên dưới đây là Nguyễn-Thái-Học, người Việt-Nam, 26 tuổi, chủ tịch và sáng lập viên của Việt-Nam Quốc-dân Đảng, hiện bị bắt và giam ở ngục Yên-báy, Bắc-ky, Đông-dương, trân trọng bày tỏ như sau :

Theo công lý, ai cũng có quyền bênh vực tò quốc minh khi bị các nước xâm lược, và theo nhân đạo, ai cũng có nghĩa vụ phải cứu vãn đồng bào ở trong vòng nguy hiểm, khó khăn. Như tôi thấy rằng Tò Quốc tôi bị người Pháp các ông chiếm lĩnh hơn sáu mươi năm nay; tôi thấy rằng, dưới ách chuyên chế của các ông, đồng bào tôi khốn khổ vô cùng, và dân tộc tôi dần dần sẽ tiêu diệt hoàn toàn, theo luật tự nhiên đào thải. Bởi vậy, quyền lợi và nghĩa vụ đã thúc giục tôi phải tìm hết cách để bênh vực tò quốc tôi đương bị người chiếm

lính, và dân tộc tôi đương ở cảnh gian nguy. Trước hết, tôi định cùng với các người Pháp ở Đông-Dương mà làm việc cho đồng bào, Tô-quốc và dân tộc tôi, nhất là việc mở mang trí thức và kinh tế. Về phương diện kinh tế, năm 1925 tôi đã gửi cho viên Toàn quyền Varenne một bức thư, gồm có những nguyện vọng xin bênh vực che chở cho nền công thương bản xứ, và nhất là lập một trường Cao-đẳng Công-nghệ ở Bắc-kỳ. Năm 1926, tôi lại gửi một bức thư nữa cho viên Toàn quyền Đông-Dương, trong có một dự án giúp cho dân nghèo có thể dễ sống. Năm 1927, tôi lại gửi cho Thống-sứ Bắc-kỳ một bức thư, xin ra một tập Tuần báo, mục đích là bênh vực và khuyến khích cho nền công thương bản xứ. Về phương diện trí thức, năm 1925, tôi gửi thư cho Toàn-quyền Đông-Dương, yêu cầu :

1) Quyền tự do mở các trường dạy không lấy tiền cho dân hạ cấp đến học, nhất là cho thợ thuyền và nông dân.

2) Quyền tự do mở các bình dân thư xã ở các làng cung ở các tỉnh công nghệ.

Khốn nỗi cái gì họ cũng cự tuyệt ! Thư tôi chẳng thấy trả lời ; dự án của tôi chẳng thấy thực hiện ; các lời yêu cầu của tôi chẳng thấy ưng chuẫn, mà đến các bài tôi viết lên báo cũng bị kiêm duyệt xóa bỏ nốt ! Cứ những chuyện cự tuyệt đó, tôi thấy rõ ràng : người Pháp không hề có thực lòng với người Việt, và tôi chẳng giúp ích gì được cho Tô-quốc tôi, đồng bào, dân tộc tôi cả, trừ khi là đuổi người Pháp ra khỏi đất nước tôi. Bởi vậy, năm 1927, tôi bắt đầu lòi chúc một đảng cách mạng, lấy tên là Việt-Nam Quốc-dân Đảng, mục đích là đánh đổ chế độ

cường quyền áp bức ra khỏi nước tôi, và lập nên Chính-phủ Cộng-hòa Việt-Nam, gồm những người thực lòng tha thiết đến hạnh phúc của quần chúng.

Đảng tôi lòi chúc bí mật, và đến tháng 2 năm 1929 thì bọn mật thám khám phá. Trong các đảng viên đảng tôi bị bắt một số khá lớn, và bị cầm cố từ 2 năm đến 20 năm, 52 người. Bị bắt nhiều, bị xử trắc mặc dầu, Đảng tôi đâu có chịu hoàn toàn tiêu diệt ! Dưới quyền tôi chỉ huy, Đảng vẫn hoạt động và đi tới mục đích. Ở Bắc-kỳ nồi lên một phong trào cách mạng, nhất là ở Yên-Báy, đã giết chết được mấy sĩ quan. Tô chúc và cầm đầu cho phong trào đó, người ta buộc cho Đảng tôi, lấy cớ chính rằng tôi là chủ tịch của Đảng đã hạ lệnh đánh. Ký thực thì tôi chưa hề hạ lệnh ấy, và đã đem những chứng cứ chính xác, để chứng rõ ràng không, với Hội đồng Đề hình Yên-báy. Vậy mà, một số đông đảng viên hoàn toàn không biết đến phong trào ấy cũng bị bắt và bị buộc là có tham dự vào công việc ! Chính-phủ Đông-pháp đã đốt nhà họ ! Chính-phủ Đông-pháp đã cho lính đến đóng, rồi tịch thu gạo thóc của họ mà chia phần với nhau ! Chẳng những đảng viên đảng tôi, phải cam chịu nỗi bất bình, mà gọi là tàn bạo, tưởng đúng hơn ! — mà còn phần đông đồng bào, hiền lành làm lụng ở nhà quê, đê sống cái đời ngựa, trâu, cũng chịu hại lây nữa ! Hiện nay trong các miền Kiến-an, Hải-phòng, Bắc-ninh, Sơn-tây, Phú-thọ, Yên-báy, có hàng vạn người đàn ông, đàn bà, ông già, con trẻ vô tội mà bị giết ! Hoặc bởi chết đói, chết rét, vì Chính-phủ Đông-pháp đã đốt mất nhà ! Vậy tôi trân trọng lấy nước mắt, nhờ các ông làm cho tôi rõ nỗi bất bình ấy, là cái nó làm cho dân tộc tôi sẽ hoàn toàn tiêu

diệt, là cái nó làm cho mất hết danh dự nước Pháp, là cái nó làm cho giảm cả giá trị của loài người !

Sau nữa, tôi trân trọng bảo cho các ông biết: Tôi xin chịu trách nhiệm về tất cả mọi việc chính biến phát sinh trong nước tôi và chỉ huy bởi Đảng tôi, từ năm 1927 đến giờ; vậy chỉ cần giết một mình tôi là đủ, mà đừng làm tội những người khác hiện nay đương bị giam ở các cửa ngục. Vì chỉ có một mình tôi là thủ phạm thôi, còn những người khác đều vô tội cả! Họ vô tội cả vì trong số đó một phần là những đảng viên, nhưng sở dĩ vào đảng là vì họ nghe lời tôi khuyến khích cho họ biết: thế nào là nghĩa vụ của người dân đối với nước; thế nào là những nỗi khổ, nhục của tên vong quốc nô! Còn ngoài ra thì là những người không phải đảng viên, nhưng bị kẻ thù hay bọn mật thám đặt điều vu cáo, hay lại vu cáo bởi những bạn hữu không chịu nói những cách tra tấn tàn nhẫn của công an cục (sở mật thám) và khai bừa ra cho đỡ phải đòn! Tôi nhắc lại một lần nữa để các ông biết rằng chỉ cần giết một mình tôi hay còn chưa đủ hả thì tru di cả nhà tôi, nhưng xin các ông tha cho những người vô tội như trên đã nói. Sau cùng, tôi kết luận bức thư này nói cho các ông biết rằng: Nếu người Pháp muốn ở yên Đông-dương, mà không khốn đốn vì phong trào cách mệnh thì phải thay đổi cái chương trình chính trị hung tàn và vô đạo hiện hành ở Đông-dương: phải cư xử cho ra vẻ những người bạn của giống Việt-Nam chứ đừng có lèn bộ là những ông chủ bạo ngược và áp chế; phải đề lòng giúp đỡ cho những nỗi đau khổ về tinh thần về vật chất của

người Việt-Nam, chứ đừng có khát khe, thâm độc nữa!

Các ông Nghị!

Hãy nhận lấy tấm lòng tôi trân trọng cảm ơn.



Giá thóc phải nộp cho nhà nước

Thực dân Pháp sang cai trị nước ta, ngoài việc đàn áp và bóc lột, chúng còn dùng thêm rượu cồn, thuốc phiện và văn chương lăng mạ để đưa thanh niên ta vào hổ truy lạc và vong bần. Đã thế từ tháng 10 năm 1940 đến tháng 3 năm 1945, trong 4 năm 6 tháng, chúng còn cướp của dân ta một số tiền tòng cộng trước sau 723 triệu bạc Đông-dương để dâng cho quân Nhật chiếm đóng (theo tập « À la barre de l'Indochine của toàn quyền Decoux).

Đã hết đâu, năm 1943, chúng còn bắt dân quê phải nộp 3 phần 4 số thóc thu hoạch, có khi quá số đã gặt được. Thật là một chính sách vô cùng dã man và chính nó đã gây ra nạn đói kinh khủng đầu năm 1945.

Bài « Giá thóc phải nộp cho nhà nước » này là bài của ông Vũ-đinh-Hòe viết để lên tiếng về chính sách trên bằng một giọng hết sức bình tĩnh với những chứng cứ, những con số xác thực và những tài liệu do nhà cầm quyền Pháp công bố để tỏ rõ như thế thi nông dân sẽ không thể nào cày cấy được. Bài ông Hòe viết với đầu đề là « Giá thóc gạo » định đăng vào tuần báo Thanh-Nghị số 1 tháng 8 năm 1943, nhưng bị ty kiêm duyệt Bắc-Kỳ bỏ hết theo lệnh của tên chánh sở Kinh Tế Monvoisin, cho mãi đến sau ngày Nhật đảo chính Pháp, mới đăng vào Thanh-Nghị số 110 ngày 26 tháng 5 năm 1945 với cái tựa sửa lại như trên.

Về việc nhà nước mua thóc của dân để lập kho trại phòng bị, trong một số nước chúng tôi đã ngỏ ý tán thành về nguyên tắc. Nhưng chúng tôi có bàn:

- 1) Nên chỉ bắt các đại điền chủ phải bán thóc và miễn trừ cho các tiểu điền chủ.
- 2) Số thóc định mua sẽ chia cho các điền chủ bằng cách lũy tiến chứ không bằng cách quản phân.
- 3) Bằng vào những con số chắc chắn lấy ở những cuộc điều tra có đủ bảo đảm, chúng tôi đã tính rằng chỉ mua thóc của các điền chủ có từ ba mươi ruồi trở lên cũng có thể đủ số thóc để lập kho trữ (120.000 tấn), như vậy các tiểu điền chủ có từ 13 mươi ruồi trở xuống có thể được miễn trừ, và những đại điền chủ có trên 13 mươi ruồi cũng chỉ phải bán số thóc tính vào số ruộng ngoài số 13 mươi ruồi là số thóc được miễn trừ.
- 4) Để các đại điền chủ là những người biết binh vực quyền lợi mình phải ứng thuận bán thóc cho nhà nước, một mặt nhà cầm quyền, nếu cần, nên dùng quyền trong phát (requisitionner) mà luật pháp hiện hành đã công nhận cho chính phủ để đối phó với tình thế, một mặt nên định giá thóc gạo một cách phải chăng, tất nhiên không thể theo giá thị trường vì như thế việc lập kho trữ không có nghĩa lý gì, nhưng cũng đừng nên hạ quá.

Trong bài này chúng tôi làm bàn về việc định giá thóc gạo. Việc này rất quan trọng: nó có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của ô chúc. Nhất là khi chính sách mua thóc để lập kho trữ thi hành đổi với tất cả điền chủ lớn và nhỏ. Nếu, nói ví dụ, giá bán thóc gạo hạ

quá không đủ bù vào tiền vốn cày cấy, thì tức khắc đời sống của dân làm ruộng bị thương tồn. Mà ta nên nhớ rằng chín phần mươi dân tộc Việt-Nam làm nghè nông.

Nghị định ông Thống-sứ Bắc-kỳ ngày 21 Mai 1943 định giá thóc là 14\$50 một tạ và giá gạo là 26\$ một tạ bán tại nơi sản xuất (giá bán lẻ ở các đô thị có thể tới 31\$). Giá thóc gạo mới do nhà nước định bắt đầu từ năm 1943 còn từ trước, nó vẫn theo luật cung cầu (luật tự nhiên) của thị trường. Năm 1940 giá thóc ở thị trường lên xuống từ 11\$ đến 13\$, trung bình là 11\$50. Giá gạo hạng nhứt trên dưới 19\$. Cứ kè nhà nước định giá thóc 14\$50 một tạ và giá gạo 26\$ một tạ năm 1943 là đã tính cao hơn hẳn giá thóc gạo cách đây ba năm (năm 1940) tức là đã theo sự tăng giá của mọi thứ hàng hóa. Giá thóc gạo định như thế kè có thể gọi là phải chăng.

Song vì thấy có sự than phiền của dân quê về giá hạ quá làm thiệt thòi cho họ nhiều, nên với một óc vô tư, chúng tôi đã gắng sức điều tra ở nhiều nơi, đem đối chiếu giá một tạ thóc nhà nước đã định với giá tổng cộng tiền phí tồn đà sản xuất một tạ thóc. Chúng tôi muốn biết điều kêu ca trên đó chính đáng không, và nếu thật dân quê có chỗ thiệt thòi, thì bồn phận chúng tôi là phải đề đạt những nguyện vọng hợp lý của dân chúng lên chính-phủ.

Dưới đây là kết quả của cuộc điều tra ấy: chúng tôi lấy những con số trung bình trong hai vùng Văn-Lâm (Hưng-Yên) mà nhân công và sức sản xuất của ruộng hạ hơn nhiều nơi, và Hoài-Đức (Hà-đông) mà nhân công và sức sản xuất của ruộng cao vào bậc nhứt ở Bắc-kỳ.

Có ba trường hợp, những chủ ruộng có đất và mướn người làm — trường hợp những người mua và làm lấy công việc — và trường hợp những tiểu diền chủ có ruộng và làm lấy được một phần công việc.

a) Trường hợp những diền chủ có ruộng mà mượn người làm Tiền chi phí về 1 mẫu ruộng Ở vùng Văn-Lâm Ở vùng Hoài-Đức

— Thóc giống 20 cân

mua của túc mě cục	5\$00	5\$00
--------------------	-------	-------

— Công khoán cày bừa	(1) 10,00	14,00
----------------------	-----------	-------

— Cấy: 10 công	(2) 8,00	10,00
----------------	----------	-------

— Vơ cỏ

10 công ở V. L.	5,00	
-----------------	------	--

15 công ở H. D.		9,00
-----------------	--	------

— Phân bón

Phốt phát 1 tạ ở V. L.	5,67	
------------------------	------	--

Phân lợn H. D.		20,00
----------------	--	-------

— Tát nước 20 công	12,00	16,00
--------------------	-------	-------

— Thuế và sương túc	3.00	4,00
---------------------	------	------

Tổng cộng :	48,67	78,00
-------------	-------	-------

Mỗi mẫu trung bình gặt được,

— ở vùng Văn-Lâm (3)	3 tạ 50
----------------------	---------

— ở vùng Hoài-Đức	7 tạ 50
-------------------	---------

Vậy tiền chi phí mỗi tạ là :

— ở vùng Văn-Lâm	13\$90
------------------	--------

— ở vùng Hoài-Đức	10\$40
-------------------	--------

1, 2) Theo tin tức của Túc mě cục công bố, về tháng 6 năm 1943 thì công khoán cày bừa một năm ruộng là: từ 10 đến 15 đồng và công làm nương mạ: 20 đồng một mẫu (préparation des pépinières).

3) Theo cuộc điều tra của sở Khuyến nông thì mỗi mẫu tẩy ở vùng này sản xuất được 7 tạ thóc tức là 3 tạ một mẫu ta (một mẫu Tây bằng 2 mẫu ta).

b) Trường hợp người mua màu và làm lấy cả công.

Những người mua màu là những người làm nghề nông chuyên môn nhưng không có ruộng. Họ thuê ruộng của điền chủ (hoặc trả bằng tiền, hoặc nộp thóc) và làm lấy hết công việc. Trâu bò của họ, hoặc của chủ ruộng cấp cho, khi đó tiền thuê ruộng sẽ cao hơn. Tiền chi phí lớn nhất, rút lại ngoài tiền mua màu chỉ có tiền phân lo.

Tiền chi phí về 1 mẫu ruộng	Văn-Lâm (3 tạ ruối)	Hoài-Đức (7 tạ ruối)
— Thóc giống	5\$00	5\$00
— Phân bón	5, 67	20, 00
— Tiền trừ dần về trâu bò, cày bừa	7, 16	7, 16
— Mua màu	50, 00	85, 00
Tổng cộng :	67, 83	117, 16

Vậy tiền chi phí về 1 tạ thóc là:

— ở vùng Văn-Lâm	19\$38
— ở vùng Hoài-Đức	15\$62

Cả 2 nơi, người mua màu đều bị lỗ. Nếu người mua màu lại phải mướn người — đó là hạng người trung đồn điền ruộng — thì số tiền lỗ lại cao hơn nhiều lắm vì tiền chi phí lên tới $48\$67 + 50\$ = 98\67 hoặc $78\$ + 85\$ = 163\$$ một mẫu nghĩa là 30\$ và 20\$ 1 tạ thóc (4).

4) Một câu hỏi quan hệ: việc bán thóc cho nhà nước là do chủ truong hay người mua màu (hoặc người trung ruộng) phải chịu? Hiện nay là người có thóc, phải bán nghĩa là người thuê ruộng. Thiết tưởng như thế họ phải chịu phần thiệt đối với chủ ruộng.

c) Trường hợp bạn tiêu dien chủ làm lấy một phần công việc

Một số đồng dân quê có một vài mẫu ruộng, chồng cày, vợ cấy, vào ngày mua mượn thêm một vài người làm công tháng hoặc công nhật. Tính trung bình là người nhà làm được nửa phần công việc.

Tiền chi phí về 1 mẫu ruộng	Văn-Lâm (3 tạ 50)	Hoài-Đức (7 tạ 50)
— Thóc giống	5\$00	5\$00
— Mướn người làm: 27 công ở V.L. 21, 60 30 công ở H.D.		30, 00
— Phân bón	5, 67	20, 00
— Thuế và sương túc	3, 00	4, 00
— Chi tiêu về trâu và cày bừa	7, 16	7, 16
Tổng cộng :	42, 43	66, 16

Vậy tiền chi phí về 1 tạ thóc là:

— ở vùng Văn-Lâm	12\$00
— ở vùng Hoài-Đức	8\$82

Mỗi tạ thóc được lãi ở vùng trên 2\$50, ở vùng dưới 5\$68.

Sau khi đã xét tình cảnh dân quê trong 3 trường hợp kể trên chúng ta nhận thấy, với giá thóc 14\$50 một tạ, thực tình những người mua màu ở vùng nào cũng đều bị lỗ, những chủ ruộng ở các vùng đất xấu bị lỗ, những chủ ruộng ở các vùng đất tốt được 1 số lãi không đáng kể: 2\$50 một tạ tức là 8\$75 mỗi mẫu. Số tiền ấy không đủ cho 1 xuất gạo ăn trong 1 tháng (1 người ăn trung bình trong 1 tháng 15 cân gạo, tức là 4\$, giá gạo 26\$ một tạ ở nơi sản xuất).

Chỉ còn bọn tiêu điền chủ lấy công làm lãi là khi bán thóc xong còn thừa 1 số tiền. Nhưng số tiền ấy cũng không đáng kể ở những vùng ruộng xấu (1 tạ thóc bán được thừa 2\$50; 1 mầu được thừa 8\$75 một xuất gạo ăn trong 2 tháng). Rút lại chỉ còn những người có 1 vài mầu ruộng, vợ chồng con cái làm lấy nứa công việc, ở những vùng ruộng tốt là khi bán thóc xong còn thừa 1 số tiền kha khá, 1 tạ thóc bán được còn thừa 5\$68, nghĩa là 1 mầu được thừa 42\$60.

Tuy nhiên số tiền 42\$60 cũng không đủ tiền ăn gạo cho 1 gia đình 3 người (phải 3 người mới làm nồi 1 mầu ruộng) trong 1 vụ 6 tháng. Nói chi đến tiền may mặc, sưu thuế, giỗ tết, thuốc thang.

Đem đối chiếu giá thóc 14\$50 một tạ với thực sự, nghĩa là so sánh giá ấy với tất cả phi tốn trong việc sản xuất 1 tạ thóc, ta phải công nhận rằng giá ấy, tuy nhà nước đã đánh cao hơn trước nhiều, nhưng vẫn chưa thể đủ bù vào tiền vốn của người chủ ruộng bỏ ra để khai khẩn và tiền công của người cày cấy lẩy. Nghĩa là với giá ấy, nhà nông bị lỗ vốn hoặc nhiều hoặc ít. Nay ta so sánh giá thóc và giá các vật liệu công xá năm nay (1943) với 3 năm về trước để xem giá thóc có được tăng cùng 1 nhịp với giá các vật liệu, công xá không? Trong số T. N. « Đặc biệt về kinh tế » ra tháng Décembre 1941, trong bài « 1 cuộc điều tra nhỏ về số chi thu 1 gia đình làm ruộng » có biện những giá vật liệu và công xá về việc làm ruộng trong năm 1940. Dưới đây tôi so sánh những giá ấy trong năm 1940 với năm nay 1943.

GIÁ THÓC PHẢI NỘP...

Công sản xuất	Giá 1940	Giá 1943	Tăng lên
— thóc giống, mỗi cân	0\$07	0\$25	3 lần 1/2
— giá công nhân	từ 0,28 đến 0,33	từ 0,80 đến 1,00	
— phân bón, phốt phát 1 tạ	2,50	5,67	2 lần
— thuế 1 mầu	2,16	3,00	40%
— trâu 1 con (5)	60,00	200,00	hơn 3 lần
— cày, 1 cái	3,60	10,00	3 lần
— bùa, 1 cái	6,00	18,00	3 lần

Món tiền chi tiêu lớn nhất là món trả công xá (35\$ trong tổng số chi tiêu 48\$ ở vùng Văn-Lâm hoặc 59\$ trong tổng số 78\$ ở vùng Hoài-Đức) mà giá nhân công từ năm 1940 đến năm nay đã tăng gấp ba (6).

5) Theo tin của Túc-mě-cục, giá trâu ở Vinh-Yên : từ 160 đến 220 đồng, ở Hưng-Yên từ 180 đến 400 đồng, ở Nam Định từ 250 đến 300 đồng v.v...

6) Năm 1940, công thợ cầy thợ gặt là : từ 0đ20 đến 0đ25 với 3 bùa cơm, từ 0đ23 đến 0đ33 không cơm.

Năm 1943, theo tin tức ở Túc mě cục công bố về tháng 6 năm 1943 thì giá nhân công như sau : từ 0đ50 đến 1đ00 với 3 bùa cơm, từ 0đ70 đến 1đ50 không cơm ; công đàn bà từ 0đ30 đến 0đ60 với cơm, từ 0đ60 đến 1đ20 không cơm. Những thợ chuyên môn : 1đ50 đến 2đ00 không cơm.

Theo nghị định của ông Thống sứ thì lương tối thiểu của công nhân ở miền trung châu định là :

— Năm 1940 : từ 0đ20 đến 0đ25.

— Năm 1943 : từ 0đ54 đến 0đ64.

Giá thóc đã tăng lên bao nhiêu? năm 1940: giá trung bình là 11\$50 một tạ, năm nay nhà nước định là 14\$50 tức là tăng lên 23%. Nhưng xem bảng trên, giá các vật liệu và các công xá tăng lên tới 300%, như vậy giá thóc trong 1 thị trường tự do theo luật tự nhiên của sự cung cầu, tất phải tăng lên gấp ba, nghĩa là giá thóc trung bình 35\$ một tạ và giá gạo 75\$ một tạ.

Theo tin tức của Túc měc cục về tháng 6 năm 1943 thì giá thóc gạo trong thị trường như sau :

Thị trường	Thóc	Gạo
Vĩnh yên	25\$00	47\$00
Lim (Bắc-ninh)	28, 40	36, 80
Nam-định	33, 50	50, 00
Thái-bình	25, 50	42, 00
Hà-đông	35, 00	53, 00

Trong những tình thế đặc biệt như ngày nay lẽ tất nhiên chính phủ phải can thiệp vào thị trường để giữ các hàng hóa ở 1 mức phải chăng. Tuy nhiên, việc định giá cũng phải dựa vào thực tế, nghĩa là giá hàng phải ăn khớp với tiền phi tồn sản xuất. Như vậy thì giá thóc thiết tưởng phải ít nhất cũng được đánh gấp 2 lần giá năm 1940 mới không bị chênh lệch quá giá của các món phi tồn sản xuất.

Sau hết ta thử đem đối chiếu giá thóc 14\$50 với thời giá của mọi hàng khác. Điều này thiết tưởng không cần phải biện luận nhiều lắm. Ta cứ lấy bất cứ một thứ hàng gì mà so sánh giá năm nay (1943) với giá cách đây 3 năm (1940) là ta thấy giá hàng đó bây giờ phải gấp hai gấp ba ngày trước, có khi gấp 4 gấp 5. Đó là kẽ những giá do nhà nước ấn định chứ không phải là giá « chợ đen ». Đại khái :

Hàng hóa	Giá 1940	Giá 1943
Sợi, 1 kiện	600\$	2.200\$
Dầu lạc, 1 tạ	40	143, 52
Vải tay 1 thước	0\$70	2, 00
Thịt bò 1 cân	0, 65	2, 80
Xà phòng 1 cân	0, 32	1, 05
Nước mắm hạng vừa 1 tinh	3, 00	8, 00
Diêm 1 bao	0, 015	0, 04
Rau muống 3 mớ	0, 01	0, 06
Nồi đất	0, 05	0, 20
Nón	0, 20	0, 40
Áo tơi	0, 30	0, 70
Tre 1 cây	0, 15	1, 00

Nếu ta lấy giá của các thứ hàng cần thiết cho đời sống mà tính giá sinh hoạt trong năm 1940 và năm 1943 thì ta thấy con số tương đối sau đây :

Nếu giá sinh hoạt năm 1940 là 100, thì giá sinh hoạt trong năm 1943 là :

— 219 cho hạng dân trung lưu.

— 323 cho hạng bình dân.

Nghĩa là giá sinh hoạt năm 1943 gấp 2 hay 3 lần giá sinh hoạt năm 1940.

Như vậy mà nhà nước định giá thóc là 14\$50 1 tạ và giá gạo là 26\$ một tạ (mua ở nơi sản xuất) so với giá trung bình 11\$50 một tạ thóc và 19\$ một tạ gạo năm 1940 thì sau khi xét thời giá của mọi hàng khác, chúng tôi thấy

giá 14\$50 và 26\$ hạ quá và không ăn nhịp với giá hiện thời. Chắc có người nói rằng gạo là 1 món ăn căn bản của dân ta, vậy cứ đánh hạ giá thóc là tức khắc giá sinh hoạt phải hạ xuống; các vật liệu, cùng nhân công cũng phải sụt giá, lúc đó nhà nông sẽ không sợ lỗ vốn, xin trả lời:

1.— Giả tỷ có sự ảnh hưởng không tốt ấy cũng phải 1 thời kỳ khá lâu thì mực thăng bằng mới hồi phục được giữa giá gạo và giá sinh hoạt. Trong khi đó, thi đời sống nông dân (tức là 9/10 dân chúng) chật vật biết bao.

2.— Nhưng thực ra mực thăng bằng ấy chỉ có thể hồi phục được ở trong một tình thế thường mà tất cả các giá đều có những liên lạc đương nhiên chứ không hoàn cảnh bất thường này mà sự liên lạc các giá nhiều khi dứt quãng, thì không ai dám chắc ở hiệu lực của những hiệu lực tự nhiên về kinh tế. (Ví dụ đối với các hàng khan quá như vải hiện thời, thì giá gạo hạ cũng không có ảnh hưởng gì).

3.— Để đời sống không bị đắt đỏ quá, người ta có thể giữ vững các giá ở một mức nào (stabiliser les prix) tuy thỉnh thoảng cũng có sửa đổi lại. Nhưng giữ vững giá không phải là đánh sụt xuống. Phương pháp sau rất mạnh, nên cũng vì thế có thể gây sự nguy hiểm cho người sản xuất các thứ hàng bị đánh sụt giá, nếu giá mới định không đủ bù vào tiền chi phí sản xuất như trong trường hợp những nhà nông bây giờ.

Vậy chúng tôi mong chính phủ nên xét lại việc định giá thóc gạo và nếu thấy điều nguyện vọng của dân là chính đáng thì nên tăng giá thóc gạo về vụ mùa này, thi

đu giá thóc thì định từ khoảng 18 đến 20\$, giá gạo từ 40 đến 45\$. (gần gấp đôi giá năm 1940).

Chúng tôi không dám cả quyết rằng cách tính toán của chúng tôi là thiệt đúng, vì những phương tiện điều tra mà chúng tôi đã được dùng rất là nhỏ hẹp. Chủ đích của chúng tôi là chỉ mong nhà cầm quyền thấu rõ tình cảnh của dân quê và xét lại một việc có quan hệ đến sự sinh sống của đám nông dân là 1 giai cấp xã hội chiếm 9/10 dân số Đông-dương.

Chúng tôi tin rằng 1 chính phủ lúc nào cũng săn sóc đến đời sống của dân chúng thì 1 khi đã xét nguyện vọng trên là chính đáng, tất nhiên không ngàn ngừ mà thay đổi những tiêu tiết thực hành của một chính sách hợp lý « Không có 1 phương pháp gì hoàn toàn và cần phải sự thí nghiệm làm này những điều thay đổi hợp với thực tế thì phương pháp đó mới có những kết quả hay. » Chính ông Monvoisin chánh phòng kinh tế Bắc kỳ, nếu chúng tôi không nhớ lầm đã nói với chúng tôi như thế trong một buổi nói chuyện. Mà thực ra, từ khi nhà nước thi hành việc mua thóc của dân, ta đã thấy những điều thay đổi đại đề như việc cho phép hàng sáo mang gạo đi bán, cho phép mang gạo để ăn dưới 50 cân từ quê ra tỉnh hay cho phép những người đóng môn bài buôn gạo 100\$ cũng có thể đi thu gạo của dân bán để việc thu gạo được chóng vánh. Những điều thay đổi ấy làm cho ta tin được cái ý tốt của chính phủ, và việc tăng giá thóc gạo cũng là một sự thay đổi rất tự nhiên, khi chính phủ đã xét là hợp lý.

Máy hàng sau chót

Cuộc tranh đấu giành độc lập của dân tộc ta trong suốt cả thời kỳ thuộc Pháp là một cuộc tranh đấu trường kỳ gian khổ và anh dũng. Trong khoảng thời kỳ ấy, những thi văn của các bậc tiền bối viết ra để cõi lè tinh thần ái quốc và chí khí quật cường không biết đến bao nhiêu mà kể. Trong tập này, chúng tôi chỉ cố gắng sưu tầm được có hơn 70 bài kệ cả các phần thi ca, phú, văn tế và văn xuôi, thật mới là một phần trăm hay một phần nghìn, một phần vạn mà thôi.

Muốn được đầy đủ — mặc dù chỉ một cách tương đối — đối với ngày nay thật là cả một sự khó khăn vô cùng, khó khăn vì hoàn cảnh đất nước bị chia đôi Nam, Bắc ; khó khăn vì tài liệu bị thất lạc và tản mác quá nhiều, khó khăn vì thời thế nhiều nhương, khó khăn vì các nhà cách mệnh kỳ cựu hiện nay chỉ còn như sao buỗi sớm, lá mùa thu...

Tuy nhiên với hơn 70 bài này, theo thiền ý cũng đã giúp cho chúng ta một phần quan hệ nào để hiểu về quá trình tranh đấu bằng thi văn của các bậc cách mạng tiền bối trong giai đoạn lịch sử mới rồi, chứng tỏ văn nghệ đối với nhân sinh không phải là một trò khiền hùng như có người đã tưởng, mà chính nó là thực tại, là đã đóng một vai trò không kém phần quan trọng vào những công cuộc vĩ đại của nhân loại nói chung và dân tộc nói riêng.

Tất cả những bài trong tập « Thi văn quốc cẩm » này là cả một trận tuyển văn nghệ kéo dài song song với những trận tuyển chính trị và quân sự trong khoảng thời gian qua, một thời gian đầu sôi lửa bỏng của dân tộc Việt-Nam. Tất cả đều nhằm mục đích chung là đánh tan bạo lực, giành lại đất đai và chủ quyền, nhưng đã diễn ra bằng trăm nghìn hình thức và trăm nghìn tính chất khác nhau :

Có bài thì viết bằng thi ca.

Có bài thì viết bằng thể văn biến ngẫu ;

Có bài bằng văn xuôi.

Có bài thì làm ly thống thiết.

Có bài thì mỉa mai cay độc.

Có bài thì hùng hồn, cảm khái.

Có bài thì chứa chan uất hận.

Có bài thì nghe như những tiếng gươm va giáo chạm.

Có bài thì thét lên như những phát súng đồng tàu trận...

Mỗi bài một vẻ. Nó không phải là những bức tranh màu, những cung đàn réo rắt, mà là những hồi trống ngũ liên trong những lúc nhà cháy đê vỡ, vì nó là những cái xuất phát từ những nỗi thống khổ, chua xót, uất hận và quả cảm của dân tộc mà ra, rồi để lại dội vào dân tộc... Nói cho đúng, đối với hoàn cảnh xã hội liên tiếp có những cuộc biến động như trong bài « Tóm tắt một giai đoạn lịch sử » nó là những tác phẩm chú trọng vào việc khơi dậy tinh thần chiến đấu, chứ không chú trọng vào nghệ

thuật, gò bó theo « hình thức chủ nghĩa » hay « từ chương chủ nghĩa » của các ông văn nghệ lối thời...

Nếu ta nói Kim Văn Kiều truyện của Nguyễn-Du là một tác phẩm « lời lời chau ngọc, hàng hàng gấm thêu », thì ở đây đối với những bài trong tập « Thi văn quốc cẩm » này phải nói là những bài « lời lời tim óc, hàng hàng máu xương » mà tính chất của nó không phải để « mua vui một vài trống canh » mà là quan hệ đến sự mất cồn của cả một dân tộc.

Vì thế, nói đến giá trị của những bài thơ, bài văn này là phải nói đến cái giá trị về tính chất tranh đấu của nó, còn không là nhận xét bằng cặp mắt của anh hàng mã đi mua voi thật vậy.

Cho nên đọc kỹ lại, ta thấy có đôi chỗ lời còn non, lý còn hẹp, nhưng với từng thời gian một, nó vẫn có tính chất riêng biệt, và như chúng tôi đã định ở cuối bài « Tóm tắt một giai đoạn lịch sử » trên kia :

Nói chung, đối với thực dân cùng bè lũ, những bài này là những bản cáo trạng vạch trần những âm mưu sâu độc, những thủ đoạn dã man của chúng. Còn đối với đồng bào là những hồi chuông báo thức, những nhịp kèn gọi dậy, những tiếng trống thúc lên để tự giải phóng ra khỏi chỗ địa ngục trần gian...

Chẳng những thế thôi, mà đối với hiện tại, nó còn soi sáng cho chúng ta về mặt tài liệu lịch sử, giúp cho chúng ta khám phá ra những cái bí mật trước đây xảy ra trong các cuộc biến cố mà các nhà làm sử ăn lương đã không đề cập đến như việc bọn Tôn-thất-Bá, Lê-Trinh, Hoàng-

hữu-Xứng trong trận Hà thành thất thủ năm 1882, hay như việc nghĩa quân miền Nam đánh trận Cầu-giuộc năm 1861, v.v...

Vì thế, đọc « thi văn quốc cẩm » là ôn lại những thành tích chiến đấu bằng nghiên bút của các bậc tiền nhân, là đề sôi lại trong tâm huyết, cái tinh thần anh dũng, cái chí khát khao, bất khuất trước bạo lực, cường quyền.

Và đọc những Thi văn quốc cẩm này là phải chịu khó suy nghiệm để rút ra từ trong đó những bài học xương máu để tài bồi cho thế hệ đương kim.

Có vậy, mới là những con người biết thừa hưởng một cách sáng suốt cái giá tài quý báu của bao nhiêu các bậc tiền nhân đã cùng chung đúc lại để hiến cho quốc dân và trình cho lịch sử...

Sài-thành — 1959
THÁI-BẠCH

Phu-Luc

BẢN KÊ MỘT SỐ SÁCH BÁO QUỐC CẤM THỜI THUỘC PHÁP

(Đây chỉ là bản kê tạm vì thực ra còn thiếu rất nhiều chưa thể kê khai đầy đủ được)

I.— SÁCH QUỐC CẨM

1.- SÁCH CHỮ HÀN

- Việt-Nam vong quốc sử
Song tuất lục
Tự phán
Lưu cầu huyết lệ tân thư
Bình Tây kiến quốc hịch
Đứ cửu niên lai sở chi chi chủ nghĩa
Hà thành liệt sĩ truyện
Khuyến quốc dân du học văn
Lão bang phò khuyến thư
Ngục trung thư

- ### của Phan-bô-i-Châu

Nhân đạo hồn
Tái sinh truyện
Phạm-hồng-Thái liệt sĩ truyện
Tiêu-La tiên sinh truyện
Việt-Nam nghĩa liệt sử
Việt-Nam quốc hồn lục
Việt-Nam quốc sử tham khảo
Thiên hò để hò
Y hồn đơn
Ngư Hải tiên sinh truyện
Quang phục quốc quân phuoc
Nam chí tập
Tang hải lệ đàm
Viễn hải quy hồng
Dân quyền
Sở am tập
Thất nhật quan phục ký
Thiên nhiên học hiệu ký

2.— SÁCH QUỐC ÂM

- | | |
|------------------------|---------------------------------|
| Nam thiên phong vân ca | của Trường Đông-Kinh Nghĩa-Thục |
| Kê đồn ca | của Dương-bá-Trạc |
| Giai nhân kỳ ngộ | của Phan-chu-Trinh |
| Hai bà Trưng | của Nguyễn-an-Ninh |
| Bút quan hoài | Trần-tuấn-Khai |
| Cách mệnh tân thanh | của Việt-Nam Quốc-Dân Đảng |
| Những câu chuyện chung | — |
| Ngòi tù khám lớn | của Phan-văn-Hùm |

3.— SÁCH CHỮ PHÁP

L'Union internationale des gens

des couleurs hostiles à la France của nhóm Phan-chu-Trinh
(Liên hiệp hội các dân tộc thuộc
địa chổng Pháp) Phan-văn-Trường
(ở Paris)

Procès de la colonisation française
(Bản án thực dân Pháp) của Nguyễn-ái-Quốc
(ở Paris)

Voeux d'indépendance du peuple du
Việt-Nam (Nguyễn vọng độc-lập
của dân tộc Việt-Nam). của các nhà cách mệnh
Việt-Nam ở Pháp

Thanh niên

Ngọn đuốc
Việt-Nam hồn
Đồng thanh
Tiếng Chuông
Thân ái
Đại-chúng
Paria (cùng định)

của Việt-Nam Cách-mệnh thanh
niên đồng chí (ở Quảng-đông)

—
của Việt-kiều ở Paris

của Việt-kiều ở Ban-don (Thái-Lan)
của Việt-kiều ở Ban-may (Thái-Lan)
của Việt-kiều ở Noong-bua (Thái-Lan)
của Việt-kiều ở Vat-xu-măng (Thái-Lan)
của Nguyễn-ái-Quốc (ở Paris)

II.— BÁO QUỐC CẤM

1.— NHỮNG BÁO Ở TRONG NƯỚC

Hồn cách mệnh của Quốc-Dân-Đảng (ở Bắc)

Nam Thanh —

Sóng cách mệnh của Tân-Việt Cách-mệnh Đảng (ở Trung)

Kèn gọi linh của Hoàng-văn-Thụ (ở Bắc)

Kèn gọi quân của Trần-trung-Lập (ở Bắc)

2.— NHỮNG BÁO Ở NGOÀI NƯỚC

Quân nhân của Sinh-viên Việt-Nam học tại
trường Hoàng-Phố (Quảng-đông —
Trung-quốc)

MỤC-LỤC



Giới thiệu	5
Lời nói đầu	7
Tóm tắt một giai đoạn lịch sử	9

PHẦN THI CA

1. Trước họa giặc Pháp	17
2. Khóc Trương-công-Định	20
3. Khóc Nguyễn-trung-Trực	27
4. Khóc Phan-thanh-Tòng	29
5. Hà-thành thất thủ ca	34
6. Chính khí ca	54
7. Vè Khâm sai	64
8. Khóc Phan-dinh-Phùng	67
9. Á-Tế-Á Ca	70
10. Tiếng gọi thanh-niên	76
11. Gọi lính tập	81
12. Đời người cuộc thế	82
13. Hải ngoại huyết thư	85
14. Thết tiễn ca	114
15. Khóc cụ Trần-quý-Cáp	119
16. Các quan hát xướng	121
17. Đinh phu nhân	122
18. Ngày xuân hợp bạn	126
19. Ái chủng ca	127
20. Ái quốc ca	130
21. Tuyệt mệnh	133
22. Ký nội	136
23. Khóc bạn Lương-ngọc-Quyến	140
24. Thăng-Long văn vật	141

25. Mơ tò mảng	142
26. Nhắn các bạn tù	148
27. Cùng người dân nghèo	149
28. Cùng người dân cày	152
29. Cùng các thầy thông ký	154
30. Vợ khuyên chồng	157
31. Kỷ niệm trận Thế chiến thứ nhất	161
32. Xum vầy bõ lúc lưu ly	164
33. Hoán tinh quốc dân	166
34. Chiêu hồi nước	170
35. Nhịp kèn thân ái	180
36. Khóc Phạm-hồng-Thái	182
37. Phải tự cường	185
38. Chiêu hồi dân ruộng	187
39. Vợ chồng nhà nông khuyên nhủ nhau	194
40. Sà-lim oán	199
41. Ngảnh mặt về Nam	203
42. Tống ôn thần	206
43. Vĩnh biệt các bạn ở trong tù	209
44. Khuyến cáo quốc dân ca	210
45. Lá huyết thư cuối cùng	215
46. Nhật hoàng khóc Hit-Le	218

PHẦN PHÚ VÀ VĂN TẾ

47. Gia-Định thất thủ phú	223
48. Văn tế Nghĩa-quân	228
49. Cáo-thị Cần-Vương	234
50. Văn-tế Trương-công-Định	239
51. Văn-tế Lục-Tỉnh tử-sĩ dân	245
52. Tứ thành thất thủ phú	254
53. Văn-tế tướng Ngạc-Nhi	261
54. Hịch Cần-Vương	264
55. Văn-tế ông Cao-Thắng	267
56. Danh sơn lương ngọc phú	271

57. Văn tế những người chết đuối trong phong trào chống thuế ở miền Trung năm 1908	280
58. Biều mừng Tuần-phủ Nguyễn-duy-Hàn bị bom	282
59. Văn tế Hoàng-trọng-Mậu	286
60. Văn tế cụ Phan-chu-Trinh	292
61. Văn tế cụ Mai-sơn Nguyễn-thượng-Hiền.	298
62. Văn tế đồng bào Cồ-am và các làng bị tàn sát	302
63. Văn tế Cô Giang	306
64. Văn tế các anh hùng liệt sĩ bỏ mình trong các cuộc khởi nghĩa Yên-Bái và Nghệ-Tĩnh	311
65. Văn tế sống năm cụ thương về vườn	315
66. Văn tế đồng bào Nghệ-Tĩnh chết vì nạn bão lụt	321
67. Tình quốc dân phú	325
68. Tình tục phú	330
69. Văn tế cụ Phan-bội-Châu	335

PHẦN VĂN XUÔI

70. Thư gửi Đô đốc Reveillère	
71. Thư gửi cho lính đồn Thị-Long	343
72. Thư gửi Chánh-phủ Đông-Dương	346
73. Vụ kháng thuế ở Trung-Kỳ năm 1908	347
74. Văn khóc cụ nghè Trần-quý-Cáp	368
75. Bài khóc cụ Tiêu-La Nguyễn-Thành	389
76. Chiêu quốc hồn văn	393
77. Giọt lệ biển sâu	398
78. Hịch khởi nghĩa Thái-Nguyên	404
79. Thư kêu tội Khải-Định	420
80. Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa	432
81. Khóc cụ Phan-chu-Trinh	456
82. Diễn văn đọc trước viện dân biểu Trung-Kỳ	483
83. Hai bức thư cuối cùng của Nguyễn-Thái-Học	486
84. Giá thóc phải nộp cho nhà nước	498
Mấy hàng sau chót	506

PHỤ LỤC : BẢN KÊ SÁCH BÁO QUỐC CẨM THỜI
PHÁP THUỘC

BẢN CẢI CHÍNH

TRANG	HÀNG	IN SAI	XIN SỬA LÀ
	12	Thập chí	Thập chí
	13	qu tộc	quý tộc
	21	Hoàn môn	Hoàng môn
	23	nà riêng	nà nghêng
	24	liễn khâu	liễn thâu
	29	trông trận	trong trận
	37	diên mạt	diên mạ
	55	hiện nhiên	hiệu nhiên
	60	sí tích	sí tích
	71	thập bối	thập bối
	73	lợn èo	lợn lò
	76	dạy viết văn	dạy Việt văn
	84	một thám	mật thám
	122	Ngư hải	Ngư hải
	123	Được tim	Được tin,
	153	thế gia	thuế gia
	205	lũy tiết	lũy tiết
	230	tin quan như hạn	tin quan như trời hạn
	231	dân ấp dân làng	dân ấp dân lân
	—	bao tầu bao ngòi	bao tầu bầu ngòi
	—	(thiếu một câu)	Nhin chợ trường-bình, già tiê hai hàng lũy nhỏ.
	232	Chùa Lão ngỏ	Chùa Lão ngõ
	—	Đồn Tây lương	Đồn Tây-dương
	233	Thế mà	Thác mà
	235	chứng rõ	chứng rã
	241	Dăng dưới nước	Găng dưới nước
	242	cho một câu	nhờ một câu
	—	quyền bốn chữ	quyền bốn chữ
	14	vội cải	vội oải
	—	xa thê	xa thơ
	243	biển tái	biển tái
	246	Trong một phong	Trong một phương
	248	danh lợi muôn đời	danh lợi luân đời
	250	bắc kim, bình cách	Bắc Kim, đường bình cách
	251	kính cúc	kim cúc
	—	cái huyền	cán huyền

TRANG	HÀNG	IN SAI	XIN SỬA LÀ
251	17	nạn nhân nào	nạn dân này
252	8	Cõi Thiên nhai	Cõi Tây thiên
—	12	tiếng đồ quyên	tiếng đê quyên
257	1	Chí giác Tôn Ngô	Chí giốc Tôn Ngô
273	12	Tề thị quốc kim	Tề thị quắc kim
275	23	giả tai	giả tai
276	24	Ngọn gió đưa	Ngọn giáo đưa
279	19	Lẽ iến	Lệ tiễn
282	5	Bị đảng viên Quang...	bị Pham-văn-Tráng đảng viên Quang.
290	2	dầu trang trí	dầu tráng trí
—	9	già gông tắt lưỡi	già gông tắt tưởi
—	24	cô gõ	có gõ
295	17	Ở dã man	Ồ dã man
296	6	Án tại phạm	Án tái phạm
300	13	kiếp phú sinh	kiếp phù sinh
302	9	khúc hư	khúc húy
312	6	lũ lắn xanh, ba	Lũ lắn xanh bu
—	27	đầm sa trường	đầm xa trường
313	2	gãy mây triệu	gãy mây trận
—	12, 13	cho cách mạng đồng bào	đến cách mạng hoàn cầu
—	22	mại mật	mài mật
316	1	lì lır lǚ	là hưu hỉ
318	8	hưu lǚ	hưu hỉ
319	6	hồi lưu	hồi hưu
—	9	Hành hay	Dành hay
322	2	Dân ô cớ	Dân vô cớ
323	7	sao Bá danh	sao Bá danh
324	14	nghĩa mà đính	nghĩa ma đính
327	11	viễn quốc hồng phong	viễn quốc hồng phong
328	3	tai châu tiếp	tài chau tiếp
—	14	tới đến cõi	bơi đến cõi
—	19	Nhǎn Mộc Tử	nhắm Mộc Tử
329	17	chảy thông nước biển	chảy thông ra cửa
331	19	Phụng thờ kính úy	Phụng thờ kính úy
334	4	tiếng chào	tiếng chào
337	24	phận bô đào	phận bô đào
400	3	Ai lữ tai !	Ai hỉ tai !
—	4	miễn si	miễn sỉ
—	15	dì chí khu	dì chí khu
—	22	ô thư phát phu	ô thử phát phu
—	23	dẫn lư	dẫn lư

LOẠI SÁCH : « HỌC LÀM NGƯỜI »

Trong lúc cuộc tranh sống càng ngày càng ráo-riết và khó-khăn như lúc này, mỗi người trong chúng ta đều muốn tìm một ánh sáng để dẫn nèo, một chỗ nương tựa để nâng đỡ mình trong việc tìm một đời sống tươi đẹp hơn, đầy đủ hơn, vững chắc hơn.

Làm người, vô phúc thay, sau những cơn bão-táp không sao tránh khỏi trong một đời người, mất cả hy vọng, cả nghị lực, phó mặc cho cuộc đời lôi cuốn v.v..

Nếu những người ấy biết phương pháp tự đào luyện, biết dùng một cách khôn khéo những năng lực tiềm tàng trong người họ, thì dù họ có hén yếu đến đâu, bạc phúc đến đâu, cũng có thể cất đầu lên, đề lẵn hõi, song cách chắc chắn, đi đến một tương lai rực rỡ.

Tất cả những phương pháp dạy ta điều khiển cuộc đời, về ba mặt : *Thể chất* (sức khoẻ), *Tri thức* (thành công), *Tâm thần* (hạnh phúc), những phương pháp để đào luyện triệt để phẩm cách con người (*culture humaine*), chúng tôi gọi là « Học làm người ».

Trong loại sách này, chúng tôi lựa chọn cho ra những tác phẩm có giá trị, hoặc sáng tác hoặc phiên dịch. Không thuyết lý viền vông, những sách trong loại này sẽ đề cập một cách thực-tiễn những vấn đề thiết thực của đời sống các hạng người.

Không thành kiến, không chia ranh giới, chúng tôi chỉ cần thâu nạp nhiều ý kiến mà chúng tôi sẵn sàng cộng tác với những bạn đồng chí-hướng.

NHÀ XUẤT BẢN

LOẠI SÁCH « HỌC LÀM NGƯỜI »

NHỮNG SÁCH CẦN PHẢI XEM ĐỂ KHỎI HOANG
PHÍ CUỘC ĐỜI, SỨC KHỎE VÀ HẠNH-PHÚC

Một loại sách đã được đọc-giả khắp nơi tân-thành và khuyễn-kích. Trong loại này, đã in ra 800.000 quyển và đã bán hết sạch, nay mới cho in lại nhiều quyển và lần-lượt sẽ ra thêm nhiều tác phẩm mới rất đặc-sắc.

1. PHẠM-VĂN-TƯƠI : Bắp thịt trước đă (in lần 7)
Phương-pháp thề-dục thực-hành 100%.
2. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : Tồ-chức công-việc theo
khoa-học
3. THIÊN GIANG : Muốn học giỏi
Những điều phụ-huynh cần biết để diu-dắt
con em trong việc học.
4. BÁC-SĨ VICTOR PAUCHET : Con đường hạnh phúc
(in lần 7). Phương-pháp tự giáo-đục.
THIÊN-GIANG và PHẠM-CAO-TÙNG dịch.
5. DALE CARNEGIE : Đắc-nhân-tâm
Tức quyền (*How to win friends and influence
people*) một trong những quyển sách bán
chạy nhất trên thế-giới.
P. HIẾU và NGUYỄN-HIẾN-LÊ dịch.
6. PHẠM-CAO-TÙNG : Người lịch sự (in lần 10).
Phép xã-giao và ăn mặc theo đời sống mới.
7. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : Kim-chi-nam của học sinh. .
Quyển sách mà các em học-sinh cần học
trước tiên.

8. NGUYỄN-DUY-CẨN : Thuật yêu đương

Một vấn-dề mà có kẻ cho là « còn quan-trọng hơn vấn-dề sanh-tử » nhưng ít được
người ta bàn cho vỡ lý. Rất cần cho những
ai không xem Ái-tình như một trò chơi hay
một cuộc buôn bán.

9. NGUYỄN-DUY-CẨN : Cái dũng của thánh-nhân.
Bàn về cách rèn-luyện đức điềm-đạm theo
quan-niệm Đông-phương (in lần 3).

10. NGUYỄN-DUY-CẨN : Óc sáng-suốt (in lần 3).
Những nguyên-tắc căn-bản trong phép rèn
luyện một khối óc sáng-suốt.

11. NGUYỄN-DUY-CẨN : Tôi tự học
Những nguyên-tắc căn-bản để tạo cho mình
một cơ-sở học-thức đầy-đủ để bù vào những
thiếu sót của cái học nhà trường.

12. TRẦN-TRIỆU-NAM

VÀ BÁC-SĨ TRƯƠNG-NGỌC-HỒN : Người con
trai nên biết về vấn-dề nam-nữ
Một phương-pháp giáo-đục sinh-lý (in lần 4).

13. BÁC-SĨ PAUL CARTON : Đời đạo-lý
Tức quyền « La vie sage ». Thượng-Chi
PHẠM-QUỲNH dịch (in lần 2).

14. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Người chí-khí

15. PHẠM-CAO-TÙNG : Muốn nên người (in lần 3).
Phương-pháp lập thân của người bạn trẻ
vừa rời bỏ trường học, sắp bước chân ra
trường đời.

16. THỦY-AN HOÀNG-DÂN : Vợ chồng (in lần 4).
25 câu chuyện về hạnh-phúc gia-dinh . . .

17. DALE CARNEGIE : Quẳng gánh lo đi và vui sống (in lần 3)
Những phương thuốc thần-diệu để diệt trừ những ưu-tư. NGUYỄN-HIẾN-LÊ và P. HIẾU dịch.
18. NGUYỄN-DUY-CẦN : Thuật tư-tưởng (in lần 5).
Những phương-pháp thực-tiễn để vận-dụng tư-tưởng cho chín-chắn.
19. HENRI DURVILLE : Làm lại sức khỏe (in lần 2).
Quyền đầu trong bộ (*Cours de magnétisme personnel*) VƯƠNG-GIA-HÓN và NGUYỄN-VĂN-TRUNG dịch.
20. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Thuật nói chuyện (in lần 3)
Tất cả những điều cần biết về khoa ăn nói.
21. TRẦN-TRIỆU-NAM
VÀ BÁC-SĨ TRƯƠNG-NGỌC-HƠN : Người con gái sấp lầy chồng nên biết (in lần 6)
Để gây sự hòa-dịu giữa vợ chồng.
22. BÁC-SĨ DƯƠNG-TÁN-TƯƠI : Đông lai bác nghị
Một tác-phẩm cõi-diễn trong văn-chương và tư-tưởng Trung-Hoa (in lần 2).
23. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Rèn nhân cách
24. NGUYỄN-DUY-CẦN : Thuật xử thế của người xưa (in lần 4)
Túi khôn của người thời xưa.
25. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : Tò-chức gia-dinh (in lần 2)
Để tiết-kiệm thời-giờ, tiết-kiệm ngân-quỹ gia-dinh.
26. MỘNG-HOA : Người đàn bà đẹp (in lần 2)
Những bí-quyết để trau-dồi sắc-đẹp.
27. TRỊNH-LÊ-HOÀNG : Nghệ-thuật làm mẹ
Nhiệm-vụ cao-quý nhất của người đàn bà.
28. VÂN-ĐÀI : Làm bếp giỏi
Biết làm bếp giỏi cũng là một bí-quyết gây nên hạnh-phúc gia-dinh.
29. THIỀN-GIANG : Dạy con (in lần 2)
25 câu chuyện để hướng-dẫn các phu-huynh trong việc giáo-dục con em.
30. PHẠM-CAO-TÙNG : Tôi có thể nói thẳng với anh (in lần 2)
5 liều thuốc bắc để anh dưỡng tinh-thần.
31. ĐÀO-PHI-PHỤNG : Phụ-nữ thề-dục (in lần 2)
Phương-pháp thề-dục soạn riêng cho phụ-nữ.
32. PHẠM-CAO-TÙNG : Túi khôn của loài người.
300 câu cách-ngôn tư-tưởng nói về phép tu thân xử thế (in lần 2).
33. NGUYỄN-TỬ-QUANG : Ái-tình và hôn-nhân (in lần 2)
Một quan-niệm về ái-tình và hôn-nhân.
34. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Đức tự-chủ
Chia khóa của thành công.
35. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Ngón thần để luyện tâm
Thuật tự-kỷ ám-thị (*autosuggestion*).
36. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : Thế hệ ngày mai
Một phương-pháp giáo-dục mới.

37. PHẠM-CAO-TÙNG : Tinh-thần tháo-vát . . .
Bài học về tinh-thần tháo-vát của « *Bức thông-diệp gửi cho Garcia* », một bài báo do Elbert Hubbard viết, đã đăng in ra hàng triệu bản.
38. HUỲNH-ĐỨC-QUANG : Đời sống lứa đôi . . .
Những bí-quyết để xây dựng hạnh-phúc gia-đinh.
39. NGUYỄN-HIỀN-LÊ : Luyện lý-trí
Thuật suy-luận trong đời sống hàng ngày.
40. NGUYỄN-HỢP : Biết học tập
Tập I trong bộ « *Đời sống đời sống mới* ».
41. NGUYỄN-HỢP : Biết tư-tưởng
Tập II trong bộ « *Đời sống đời sống mới* ».
42. NGUYỄN-HỢP : Biết làm việc
Tập III trong bộ « *Đời sống đời sống mới* ».
43. NGUYỄN-HỢP Biết nhận-xét để phê-bình . . .
Tập IV trong bộ « *Đời sống đời sống mới* ».
44. PHẠM-CAO-TÙNG : Tâm-lý ái-tình (in lần 2).
Xác-thịt — tình-cảm — và trí-tuệ. Ái-tình phân-tách theo tâm-lý-học.
45. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Đức đìem-tính
Thuật gây uy-tín và gieo ảnh-hưởng.
46. CH. WAGNER : Sóng đơn-giản
Để tránh những phiền-toái của đời sống xa-hoa, giả-tạo. VŨ-BẮNG dịch.
47. HUỲNH-NGỌC-ĐÓM : Chiến thuật chiém một chỗ làm
Những điều cần-ich mà người tim việc làm cần-biết.
48. TÚ-HAI : Tình bằng hữu.
300 câu cách-ngôn để nói về tình bằng-hữu.
49. NGUYỄN-HIỀN-LÊ : Tỏ chức công việc làm ăn-Kim-chỉ-nam của nhà doanh-nghiệp.
50. GUSTAVE LE BON : Tâm-lý quần-chúng
Tâm hiều tâm-lý của quần-chúng, một nguồn lực vô-biên luôn luôn có ảnh-hưởng đến đời sống của mọi người.
51. PH. GIRARDET : Biết người
Tâm-lý-học áp-dụng vào đời sống thực-tiễn: Để tìm hiểu người, để biết minh, để làm nên với đời tức quyển « *La connaissance des hommes* ». PHẠM-CAO-TÙNG dịch.
52. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Tâm-lý bạn gái.
Tâm-hồn bạn gái phân-tách theo tâm-lý học.
53. HUỲNH-ĐỨC-QUANG : Đời đang lên — tâm-lý tuổi thanh thiếu-niên .
Một chặng đời có ảnh-hưởng quyết-định trong đời sống.
54. LƯU-VĂN-HỒNG : Tâm-lý nhi-đồng .
Tâm-lý học áp-dụng trong việc giáo-dục trẻ em.
55. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Tâm-lý bạn trai .
Tâm-hồn bạn trai phân-tách theo tâm-lý học.
56. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Luyện trí nhớ
Một phương pháp luyện trí nhớ để suy-luận xã-giao, nói chuyện, học-hành và làm việc đặc-lực.
57. NGUYỄN-HIỀN-LÊ : Nghệ-thuật nói trước công chúng .
Tất cả những điều cần-thiết để nói chuyện trước đám đông.

58. GORDON BYRON : Bảy bước đến thành công.
Do NGUYỄN-HIẾN-LÊ viết phỏng theo quyền
Give Yourself a Chance (*the Seven Steps to Success*).
59. P. FÉLIX THOMAS : Huấn-luyện tình-cảm . . .
Bản dịch L'Education du sentiment của
NGUYỄN-HIẾN-LÊ.
60. D. G. POWERS : Sóng đời sống mới . . .
Do NGUYỄN-HIẾN-LÊ dịch quyền Live a
New Life.
61. DOUGLAS LURTON : Thăng tiến trên đường đời.
Bản lược dịch quyền The Power of Positive
Living.
62. PHẠM-CAO-TÙNG : 16 bí-quyết để tạo nên
duyên-dáng.
63. PHẠM-CAO-TÙNG : Làm nên
Quyền sách gối đầu của các bạn trẻ.
64. THÂN-VIỆT : Bí-quyết làm cho đời vui tươi
Để tìm một đời sống tươi đẹp hơn.
65. TẾ-XUYÊN : Sống vui
Vui sống để sống hạnh phúc.
66. NGUYỄN-CUNG-VŨ : Xã giao hằng ngày
67. Cô THỦY-DƯƠNG : Hạnh phúc gia đình . . .
tức bản dịch : Người đàn bà trong gia-
đinh của bà Nam tước Staffe.
68. TẾ-XUYÊN : Xã giao mới và các nghi lễ . . .
Tất cả tề nhị của phép xã giao Âu Mỹ
hiện nay.

69. R. DE SAINT LAURENT : Nghệ thuật làm đẹp cuộc đời . . .
Bản dịch của Tế-Xuyên.
70. CLAUDE MAILLARD : Trào dồi ý chí . . .
Phương pháp luyện tập thực tiễn và những
lời khuyên quý giá — Bản dịch của Văn Lang.
71. TẾ XUYÊN : Gương nghị lực
25 tấm gương nghị lực sáng chói.
72. R. DE SAINT LAURENT : Sóng lạc quan . . .
Phương pháp giữ tinh thần thăng bằng và bảo
đảm thành công. Bản dịch của Tế Xuyên.
73. A. JEAN : Một nghệ thuật đọc sách báo.
Bản dịch của Tế Xuyên.
74. NGUYỄN TỬ QUANG : Người phi thường.
75. HOÀNG XUÂN VIỆT : Một điệu sóng.
76. S. A. LAVINE : Gương thành công
77. THÂN VIỆT : Người hữu dụng
78. — Đời sống bắt đầu từ tuổi 50
79. HOÀNG XUÂN VIỆT : Cầm nang dùng người
80. THIÊN GIANG : Gia đình giáo dục
Cách dạy trẻ em khó dạy.
81. — Giáo dục sinh lý trẻ em
82. HOÀNG LAN : Nghệ thuật làm vợ
83. TẾ XUYÊN : Vào đời như thế nào ?
84. KRISHNAMURTI : Cách mạng con người
85. HOÀNG XUÂN VIỆT : Thuật hùng biện

THI VĂN QUỐC CẨM
của THÁI-BẠCH
In tại nhà in riêng của nhà xuất bản
xong ngày 25-5-68